BỘ NỘI VỤ

-----/-----

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----/-----

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ TỪ THỰC TIỄN BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----/-----

BỘ NỘI VỤ

-----/-----

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ TỪ THỰC TIỄN BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP HÀ NỘI

Chuyên ngành:Quản lý công

Mã số:

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của **PGS.TS Lê Chi Mai.**

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có trích nguồn rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2016

Tác giả luận văn

Phạm Thị Thanh Hoa

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tác giả của luận văn xin chân thành cảm ơn tới Ban giám đốc Học viện hành chính quốc gia, các thầy cô, cô giáo của Học viện hành chính quốc gia đã tâm huyết, tận tình trang bị những tri thức, quý báu, cần thiết để tác giả có thể nghiên cứu và hoàn thành được bản luận văn này.

Đặc biệt, tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với **PGS.TS Lê Chi Mai** - người hướng dẫn khoa học, người cô đã định hướng nghiên cứu và ân cần chỉ dẫn với trách nhiệm cao giúp tác giả hoàn thành luận văn.

Mặc dù luận văn đã được hoàn thành sau một thời gian nghiên cứu nghiêm túc nhưng sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả kính mong nhận được sự chỉ dẫn, đóng góp ý kiến của các thầy cô cùng toàn thể các bạn đồng nghiệp để tác giả có điều kiện bổ sung, nâng cao ý thức của mình, phục vụ tốt hơn công tác thực tế sau này.

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2016

Tác giả luận văn

Phạm Thị Thanh Hoa

MỤC LỤC

LỜI C A M ĐOAN i
LỜI CẢM N ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ vi
LỜI MỞ ĐẦU 1
Chương 1. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦ CH NH S CH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ 5
1.1. Tổng quan về chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế 5
1.1.1. Khái quát về chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế 5
1.1.2. Chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài 14
1.1.3. Khái quát chung về bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
.....19
1.2. Nội dung của các chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế 21
1.2.1. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với bệnh viện quốc tế 22
1.2.2. Thuế giá trị gia tăng GTGT đối với bệnh viện quốc tế 24
1.2.3. Chính sách thuế môn bài đối với bệnh viện quốc tế 28
1.2.4. Chính sách thuế nhà thầu đối với bệnh viện quốc tế 30
1.2.5. Chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với bệnh viện quốc tế 33
1.2.6. Thuế và các khoản phải nộp khác 37
1.3. Kinh nghiệm thực hiện chính sách thuế tại các doanh nghiệp nước ngoài 37
1.3.1. Kinh nghiệm thực hiện chính sách thuế của một số doanh nghiệp nước ngoài
37
1.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho việc thực hiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế

38
Tóm tắt chương 1 42

Chương 2. THỰC TRẠNG THỰC THI CH NH S CH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ TỪ THỰC TIỄN BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP HÀ NỘI 43

2.1. Giới thiệu về hoạt động của bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 43

2.1.1. Khái quát tình hình hoạt động của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 43

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 44

2.1.3. Chức năng hoạt động chuyên môn 44

2.1.4. Tình hình tài chính của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 45

2.2. Thực trạng áp dụng chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 47

2.2.1. Thực trạng thực thi chính sách thuế TNDN tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội
47

2.2.2. Thực trạng áp dụng chính sách thuế GTGT tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội
54

2.2.3. Thực trạng thuế nhà thầu tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 57

2.2.4. Thực trạng thuế TNCN tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 60

2.2.5. Thực trạng thuế môn bài tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 69

2.2.6. Thực trạng thuế và các khoản phải nộp khác tại bệnh viện Việt Pháp 70

2.3. Thành công và những hạn chế trong quá trình áp dụng chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội 72

2.3.1. Thành công 72

2.3.2. Hạn chế 74

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế 80

Tóm tắt chương 2 84
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PH P NH M HOÀN THIỆN CH NH S CH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ 85
3.1. Phương hướng nh m hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế 85
3.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế 89
3.2.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật thuế đối với bệnh viện quốc tế....
.....89
3.2.2. Nhóm giải pháp về cơ cấu tổ chức nguồn nhân lực quản lý thuế 91
3.2.3. Nhóm giải pháp về cơ sở hạ tầng hỗ trợ công tác quản lý thuế 95
3.2.4. Nhóm giải pháp về hỗ trợ thực thi, quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế
.....99
3.3. Kiến nghị với các c quan chức năng 104
3.3.1. Đối với Quốc hội và Chính phủ 104
3.3.2. Đối với Bộ tài chính 106
3.3.3. Đối với Tổng cục thuế và cục thuế 106
Tóm tắt chương 3 108
KẾT LUẬN 109
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 111

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Thực trạng thuế TNDN tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2015 53
Bảng 2.2. Bảng kê thuế GTGT bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 56
Bảng 2.3. Tổng hợp kê khai và nộp thuế nhà thầu năm 2012-2015 59
Bảng 2.4. Thực trạng thuế TNCN tại bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012-201567
Bảng 2.5. Thực trạng thuế Môn bài tại bệnh viện Việt Pháp năm 2012-201569
Bảng 2.6. Kê khai và nộp tiền thuê đất tại bệnh viện Việt Pháp năm 2012 - 2015 72
Bảng 2.7. Tổng số thuế đã nộp của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 73

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Doanh thu và lợi nhuận của Bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 46
Hình 2.2. Số lượt khám chữa bệnh của bệnh viện Việt Pháp Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2015 47
Hình 2.3. Thuế TNDN của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 201551
Hình 2.4. Thuế GTGT của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 54
Hình 2.5. Thuế nhà thầu nước ngoài của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 58
Hình 2.6. Thuế TNCN của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015 60
Hình 2.7. Thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến năm 2012-2015 62
Hình 2.8. Số thuế TNCN áp dụng thuế suất 5% từ 2012 đến năm 2015 65
Hình 2.9. Tiền thuê đất của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 201571
Hình 2.10. Tỷ trọng các loại thuế đã nộp của bệnh viện từ 2012 – 2015 74

LỜI MỞ ĐAU

1. Lý do chọn đề tài luận văn

Thuế là khoản thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước và là một trong những công cụ đắc lực để quản lý nền kinh tế của Nhà nước. Các nguồn thu từ thuế đã đáp ứng hầu hết các nội dung chi tiêu công và đồng thời là công cụ để điều tiết sản xuất trong nước, là đòn bẩy thúc đẩy kinh tế trong nước cũng như thương mại quốc tế phát triển.

Trong xu thế hội nhập ngày càng sâu và rộng như hiện nay, các nhà đầu tư nước ngoài rất quan tâm đến thị trường Việt Nam với những lợi thế so sánh so với các nước trong khu vực. Thực tế cho thấy, sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam. Một mặt sự có mặt của các doanh nghiệp này tạo ra sự phong phú và đa dạng về các ngành lĩnh vực, kích thích sự đổi mới đối với các doanh nghiệp trong nước, mặt khác tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động trong nước, đồng thời thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Trong những năm gần đây, công tác quản lý nhà nước về các chính sách thuế đã không ngừng hoàn thiện, tạo điều kiện thông thoáng cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể tận dụng và phát triển tối đa nguồn lực, xóa bỏ dần khoảng cách phân biệt giữa chính sách thuế đối với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó các Bộ ngành liên quan cũng có các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực xã hội hóa như y tế, giáo dục...

Năm 2000, Bệnh viện Việt Pháp là bệnh viện quốc tế đầu tiên tại Hà Nội ra đời từ những chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước trong lĩnh vực y tế. Trải qua hơn 15 năm, xây dựng và phát triển tại Việt Nam để có một uy tín trong lĩnh vực y tế như hiện nay, Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội đã cố gắng duy trì và phát triển, đóng góp không nhỏ vào ngân sách Nhà nước. Ngoài những

chính sách ưu đãi về thuế thì Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội cũng còn gặp phải những khó khăn về chính sách thuế. Tình trạng các thông tư thuế chưa rõ ràng cũng như quy trình quản lý thuế còn nhiều bất hợp lý ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh cũng như đầu tư lâu dài.

Chính vì vậy, đi sâu nghiên cứu để tìm ra các giải pháp hữu hiệu nhằm hoàn thiện chính sách về thuế đối với các bệnh viện quốc tế để tránh thất thu cho Nhà nước cũng như khắc phục tình trạng gây khó khăn cho bệnh viện là một vấn đề cần được quan tâm và nghiên cứu.

Từ những căn cứ nêu trên, việc chọn đề tài: "Hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế từ thực tiễn Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội" là phù hợp và cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Trong lĩnh vực quản lý, tác giả Phạm Quang Toàn (2014), Học viện hành chính quốc gia, đã nghiên cứu trong luận văn thạc sĩ về "Hiện đại hóa quản lý nhà nước trong ngành thuế giai đoạn hiện nay". Tác giả đã nghiên cứu về hiện đại hóa nhằm cải cách, giảm chi phí, thời gian cho người nộp thuế.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Dung (2013), Học viện hành chính quốc gia, đã nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ "Quản lý nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Cục thuế Hà Nội". Trong luận văn tác giả đã đánh giá công tác quản lý trên một sắc thuế là thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tác giả Mạch Thị Tuyết Mai (2009), Học viện hành chính quốc gia, đã nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ "Các giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách thuế của Việt Nam để đáp ứng yêu cầu hội nhập".

Tuy nhiên, chưa có luận văn nào đi sâu nghiên cứu về các chính sách cho từng ngành, lĩnh vực mà cụ thể là lĩnh vực y tế. Đặc biệt, trong những năm qua, lĩnh vực y tế là lĩnh vực được toàn xã hội quan tâm.Vì vậy có thể nói đề tài được lựa chọn nghiên cứu là không trùng lắp với các đề tài đã nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận chung về chính sách thuế hiện tại, tìm hiểu thực trạng của các chính sách thuế đối với các bệnh viện quốc tế, luận văn đưa ra các giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế, góp phần bảo đảm thu đúng thu đủ số thuế, đồng thời không làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của bệnh viện cũng như định hướng đầu tư mở rộng bệnh viện trong tương lai.

3.2. Nhiệm vụ

Hệ thống hoá những cơ sở khoa học về chính sách thuế và ảnh hưởng của chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế.

Đánh giá chính sách thuế hiện hành đối với Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội.

Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế từ thực tiễn tại Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

- ***Đối tượng nghiên cứu***:

Cách chính sách thuế hiện hành đối với bệnh viện quốc tế (Bệnh viện có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài)

- ***Phạm vi nghiên cứu***:

+ Thời gian: Từ 2012 đến hết tháng 12/2015 và định hướng đến 2020

+ Không gian: Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

5. Phư ng pháp luận và phư ng pháp nghiên cứu của luận văn

- Phương pháp luận:

Đề tài sử dụng các phương pháp luận là:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa Mac - Lênin, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về các chính sách thuế liên quan đối với lĩnh vực y tế và đặc biệt đối với khối bệnh viện ngoài công lập mà chủ yếu là bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài còn sử dụng các phương pháp: Phân tích tổng hợp, thống kê, so sánh, ...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận: Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài, hi vọng luận văn có thể đưa ra một số ý kiến, kiến nghị giúp ích cho nhà nước trong việc hoàn thiện các chính sách, kiện toàn hơn nữa hệ thống các văn bản pháp luật, góp phần xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự là của dân, do dân và vì nhân dân trong tương lai.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận văn mang đến một cách nhìn tổng quan về các chính sách thuế hiện thời đối với bệnh viện quốc tế và thông qua thực tiễn thực thi chính sách thuế tại Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội, từ đó đóng góp ý kiến nhằm cải thiện hơn nữa các chính sách thuế nói chung và chính sách thuế nói riêng đối với ngành y tế.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, bảng biểu và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu làm ba chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học của chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế

Chương 2: Thực trạng thực thi chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế từ thực tiễn tại Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế.

Chư ng 1
CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CH NH S CH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ

1.1. Tổng quan về chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế.

1.1.1. hái uát v chính ách thu đối v i bệnh viện quốc t .

1.1.1.1. Khái ni m và bản chat của thue

** Khái ni m.*

Thuế ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước. Nó là một công cụ tài chính để tạo lập nguồn thu nhằm duy trì hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Trên thế giới có rất nhiều định nghĩa khác nhau về thuế tùy theo cách nhìn nhận từng góc độ.

- Các nhà kinh điển cho rằng: "Thuế là cái mà nhà nước thu của dân nhưng không bù lại" và "thuế cấu thành nên phần thu của Chính phủ, nó được lấy từ sản phẩm của đất đai và lao động trong nước, x t cho cùng thì thuế được lấy ra từ tư bản hay thu nhập của người chịu thuế" Lê nin toàn tập - tập 15 .
- Trên góc độ người nộp thuế: thuế được coi là khoản đóng góp bắt buộc mà mỗi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật kinh tế đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- Theo quan điểm luật pháp: thuế là khoản đóng góp theo quy định của pháp luật mà nhà nước bắt buộc mọi tổ chức và cá nhân phải có nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước.
- Trên góc độ kinh tế học: thuế được xem như là một biện pháp đặc biệt theo đó, Nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của nhà nước.

Ở nước ta đến nay cũng chưa có định nghĩa thống nhất về thuế. Theo từ điển tiếng việt Trung tâm từ điển học - 1998 , thuế là khoản tiền hay hiện vật mà người dân hoặc tổ chức kinh doanh, tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp buộc phải nộp cho nhà nước theo mức quy định.

Mặc dù còn rất nhiều các định nghĩa khác nhau, song khái quát chung có thể rút ra khái niệm tổng quát về thuế như sau: Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

** Bản chat.*

Thuế mang bản chất giai cấp của Nhà nước. Sự khác nhau của nhà nước được thể hiện qua nội dung của việc thu thuế như: thu thuế của ai là chủ yếu, thu như thế nào, thu làm gì Thuế còn thể hiện tính chất xã hội rộng rãi bởi thuế được thu đối với toàn dân, liên quan đến mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội. Mọi người dân trong xã hội có nghĩa vụ đóng thuế đồng thời cũng có quyền kiểm tra xem nhà nước đã sử dụng các khoản đóng góp đó có hợp lý không?

Mác viết: "Thuế là cơ sở kinh tế của bộ máy Nhà nước, là thủ đoạn giản tiêu cho kho bạc thu được bằng tiền hay sản vật mà người dân đóng góp để dùng vào mọi chi tiêu của nhà nước". Và bản chất của thuế, theo nhà kinh tế học Ricardo 1772-1823 đã nói: "Thuế được cấu thành từ phần của Chính phủ lấy trong sản phẩm đất đai và lao động trong nước và x t cho cùng thì thuế được lấy vào tư bản hay thu nhập của người chịu thuế". [17]

Thuế là công cụ rất có hiệu lực để nhà nước sử dụng để quản lý xã hội và điều tiết nền kinh tế quốc dân.Thông qua các chính sách thuế, Nhà nước sẽ tạo hành lang, môi trường để các tổ chức, các nhân được bình đ ng phát triển. Điều đó cho thấy việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thuế ngày càng khoa học, đơn giản dễ hiệu là vấn đề rất quan trọng và cần thiết.

Như vậy, thuế là một phạm trù kinh tế, tài chính khách quan, đồng thời cũng là một phạm trù lịch sử.

Bản chất của thuế được quyết định bởi các thuộc tính bên trong vốn có của thuế.Những thuộc tính đó có tính ổn định tương đối qua từng giai đoạn phát triển và biểu hiện thành những đặc trưng riêng có của thuế, qua đó giúp ta phân biệt giữa thuế với các công cụ tài chính khác. Những đặc trưng đó là:

- Tính bắt buộc:

Tính bắt buộc là thuộc tính cơ bản vốn có của thuế để phân biệt giữa thuế với các hình thức động viên tài chính khác của ngân sách Nhà nước. Nhà kinh tế học nổi tiếng Joseph E. Stiglitz cho rằng: "Thuế khác với đa số những khoản chuyển giao tiền từ người này qua người kia: Trong khi tất cả những khoản chuyển giao đó là tự nguyện thì thuế lại là bắt buộc".[18]. Đặc điểm này vạch rõ nội dung kinh tế của thuế là những quan hệ tiền tệ, được hình thành một cách khách quan và có một ý nghĩa xã hội đặc biệt - việc động viên mang tính chất bắt buộc của Nhà nước.

- Tính không hoàn trả trực tiếp:

Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế được thể hiện ở chỗ: thuế được hoàn trả gián tiếp cho người nộp thuế thông qua các dịch vụ công cộng của Nhà nước. Đặc điểm này giúp ta phân biệt sự khác nhau giữa thuế với các khoản phí, lệ phí và tín dụng Nhà nước. Sự không hoàn trả trực tiếp được thể hiện cả trước và sau khi thu thuế. Trước khi thu thuế, Nhà nước không hề cung ứng trực tiếp một dịch vụ công cộng nào cho người nộp thuế. Sau khi nộp thuế, Nhà nước cũng không có sự bồi hoàn trực tiếp nào cho người nộp thuế. Cũng như vậy, người nộp thuế không thể phản đối việc thực hiện nghĩa vụ thuế với lý do họ không được hoặc ít được sử dụng các dịch vụ công cộng. Người nộp thuế cũng không có quyền đòi hỏi được hưởng những dịch vụ công cộng bằng với số thuế mà họ phải trả.

- Tính pháp lý cao:

Điều này được quyết định bởi quyền lực chính trị của Nhà nước. Nhà nước là một tổ chức chính trị, đại diện cho quyền lợi của giai cấp thống trị, thi hành các chính sách do giai cấp thống trị đặt ra để cai trị xã hội.

** Phân loại thue:*

Căn cứ vào tính chất của thuế giữa người nộp thuế và người chịu thuế người ta chia thuế làm hai loại:

- Thuế gián thu Indirect taxes là loại thuế được cộng vào giá, là một bộ phận cấu thành của giá bán hàng hóa, dịch vụ, thuế được coi như là tài sản của Nhà nước.

Trên thực tế, loại thuế này thu vào tiêu dùng nhưng người tiêu dùng không trực tiếp đóng thuế cho nhà nước mà thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh người bán nộp thay cho mình.

Loại thuế này có ưu điểm là dễ thu, dễ điều chỉnh. Do tính chất nộp thuế gián tiếp nên người nộp thuế không cảm nhận được gánh nặng của loại thuế gián thu.

- Thuế trực thu (Direct taxes là loại thuế trực tiếp thu vào thu nhập của các tổ chức kinh tế, cá nhân như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đối với người có thu nhập cao.

Ngược lại với thuế gián thu, người chịu thuế trực thu đồng thời là người nộp thuế. Vì vậy, thuế này có ưu điểm công bằng hơn, thường là phù hợp với kết quả thu được của đối tượng, thu nhập cao thì nộp thuế cao và ngược lại. Tuy nhiên, thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập, nên người nộp thuế cảm nhận được gánh nặng thuế, gây nên tình trạng từ chối, trốn hoặc là lậu thuế.

Hiện nay trên thế giới có xu hướng sử dụng thuế gián thu. Bởi lẽ thuế này có phạm vi thu rất rộng, số thu lớn dễ thu, chi phí bỏ ra ít mà thu được nhiều.

1.1.1.2. u tư t c tie t nư c ngoài.

** Khái ni m và các h nh th c u tư t c tie t nư c ngoài.*

Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư bỏ vốn và bất k hình thức giá trị nào khác vào nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận hoặc đạt các hiệu quả xã hội.

t theo chủ đầu tư, đầu tư nước ngoài bao gồm hai dòng vốn chính:

- Dòng vốn chính thức (official flows):

Ho trợ phát trien chính thúc (ODA-official Development Assistance): là những nguồn tài chính chuyển tới các nước đang phát triển mà được cung cấp bởi các tổ chức chính phủ trung ương và địa phương hoặc bởi cơ quan điều hành của các tổ chức này, có mục tiêu chính là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phúc lợi của các nước đang phát triển, mang tính chất ưu đãi và có yếu tố không hoàn lại lớn hơn hoặc bằng 25%.

i n trợ chính thúc (OA- Official Aid): gồm các luồng tài chính thỏa mãn tất cả các điều kiện của OD , trừ việc luồng tài chính này có đích đến là các nền kinh tế chuyển đổi.

Các dòng vốn chính thức khác OOFs - Other Official : là những giap dịch thuộc khu vực chính thức nhưng không thỏa mãn những tiêu chí của ODA/OA.

- Dòng vốn tư nhân (Private Flows)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI - Foreign Direct Invesment : là hình thức đầu tư trong đó có sự di chuyển vốn, tài sản, công nghệ hoặc bất k tài sản nào từ nước đầu tư sang nước tiếp nhận đầu tư để thành lập và kiểm soát doanh nghiệp nhằm mục đích sinh lợi.

Đầu tư chứng khoán nước ngoài FDI - Foreign Porfolio Investment : là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác hoặc thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Tín dụng tư nhân quốc tế IPLs - International Private Loans : là hình thức đầu tư trong đó tổ chức hoặc cá nhân ở một nước cho các doanh nghiệp hoặc các tổ chức kinh tế ở một nước khác vay vốn và thu lợi nhuận qua lãi suất cho vay.

So với các hình thức đầu tư nước ngoài khác thì FDI có nhiều ưu điểm nổi trội hơn:

t là, FDI là nguồn vốn đầu tư dài hạn, tồn tại chủ yếu dưới hình thức công nghệ, đất đai, nhà xưởng nên có độ ổn định cao hơn rất nhiều so với FPI đầu tư chứng khoán nước ngoài .Vì vậy, FDI ít khả năng gây sốc cho nền kinh tế. Lịch sử kinh tế - tài chính cho thấy nguyên nhân của khủng hoảng thường do nợ nước ngoài quá nhiều, hoặc huy động vốn nước ngoài qua thị trường chứng khoán nhiều mà không có cơ chế đảm bảo an toàn.

H i là FDI chủ yếu là vốn đầu tư từ tư nhân, các chủ đầu tư tự tiến hành hoạt động đầu tư và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động vì vậy, hiệu quả sử dụng ngồn vốn FDI thường cao hơn các nguồn vốn khác. Đồng thời, FDI không để lại gánh nặng nợ nần cho ngân sách quốc gia nhận đầu tư như vay vốn thương mại, cũng không gây ra các sức p về kinh tế, chính trị, xã hội như OD .

B là đi k m với nguồn vốn này, các nhà đầu tư còn đưa vào nước nhận đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến. Đây cũng là một yếu tố mà các nước đang và k m phát triển rất cần cho quá trình phát triển của mình.

* Các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Sự phân biệt các hình thức đầu tư khác nhau của FDI là rất quan trọng vì những hình thức khác nhau của FDI có phản ứng khác nhau với chính sách thuế của nước tiếp nhận đầu tư. Theo luật đầu tư 2014, ở Việt Nam có các hình thức FDI sau:

- Tổ chức kinh tế 100% vốn nhà đầu tư nước ngoài.
- Tổ chức kinh tế liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.
- Đầu tư theo hình thức hợp đồng BBC hợp tác kinh doanh , hợp đồng BOT xây dựng-kinh doanh-chuyển giao .
- Đầu tư phát triển kinh doanh.
- Mua cổ phần hoặc góp cổ vốn để tham gia hoạt động đầu tư.
- Đầu tư thực hiện mua lại và sát nhập doanh nghiệp.
- Các hình thức đầu tư trực tiếp khác.

* Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các nước đang phát triển.

Nhìn chung, FDI mang lại lợi ích không chỉ cho nhà đầu tư nước ngoài mà cả đối với nước tiếp nhận đầu tư. Riêng đối với các nước đang phát triển, hầu hết đều là nước tiếp nhận đầu tư, thì FDI lại càng có vai trò quan trọng hơn trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện ở những mặt sau:

- Những lợi ích đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại:

Trước hết, FDI là nguồn bổ sung vốn quan trọng để thúc đẩy kinh tế.

Tại các nước đang phát triển, GDP và GDP tính theo đầu người còn thấp nên khả năng tích lũy vốn trong nội bộ nền kinh tế rất hạn chế, nhu cầu chi ngân sách thường vượt xa khả năng thu, dẫn thâm hụt ngân sách, nợ quốc gia ngày càng tăng. Trong khi đó, nhu cầu vốn đầu tư phát triển nhằm rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến trên thế giới lại rất lớn. Vì thế, việc mở của tiếp nhận FDI là cần thiết để giải quyết bài toán về vốn đầu tư cho nền kinh tế.

H i là FDI tạo điều kiện cho các nước đang phát triển tiếp cận công nghệ sản xuất tiên tiến, kỹ năng quản lý hiện đại.

Ngoài vốn thì công nghệ là yếu tố không thể thiếu để phát triển kinh tế. Thông qua FDI, các công nghệ sản xuất tiên tiến cũng được đưa vào các nước nhận đầu tư. Điều này không chỉ mang lại lợi ích về "công nghệ trọn gói", mà còn giúp phá v sự cần bằng của thị trường nội, buộc các doanh nghiệp nội địa phải đổi mới. Hơn thế, do trực tiếp tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, các nhà đầu tư thường áp dụng kỹ năng quản lý hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đây là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất giúp các nước đang phát triển theo kịp trình độ tiến bộ kỹ thuật thế giới.

B là, FDI mang tới cho các nước đang phát triển cơ hội mở rộng thi trường xuất khẩu, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, đẩy nhanh tiến trình hội nhập vào kinh tế khu vực và quốc tế.

Vai trò này của FDI thể hiện rất rõ n t ở các nước áp dụng chính sách FDI hướng vào xuất khẩu. Sự xuất hiện của các dự án FDI đi k m với công nghệ, máy móc, thiết bị hiện đại đã giúp các nước nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, thông qua các mối quan hệ s n có của các nhà đầu tư nước ngoài, hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dễ dàng hơn trong việc tiếp cận thị trường thế giới. Như vậy, FDI vừa làm tăng năng lực xuất khẩu, vừa mở rộng thị trường xuất khẩu cho các nước nhận đầu tư.

Thêm vào đó, hoạt động FDI còn góp phần làm phong phú, đa dạng và sâu sắc các quan hệ kinh tế đối ngoại của các nước đang phát triển. Chính các cam kết đảm bảo cho hoạt động FDI và hiệu quả các dự án đầu tư là cơ sở để các nước đang phát triển thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài khác (OD , FDI, tín dụng quốc tế, . Từ đó, nền kinh tế của nước nhận đầu tư dần dần tham gia sâu rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Điều này tạo thuận lợi cho các nước tham gia vào các hiệp định kinh tế song phương và đa phương.

B n là FDI góp phần giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động ở các nước đang phát triển.

Các doanh nghiệp FDI ngày càng tăng sẽ góp phần nâng cao tổng cầu về lao động, giải quyết một lượng lao động dư lớn cho xã hội, đồng thời tạo ra một đội ngũ các nhà quản lý bản địa có nghiệp vụ và số lượng lớn công nhân có tay nghề cao.

áu là FDI tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách cho các nước đang phát triển phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn thu do FDI mang lại không chỉ là tiền thuế mà còn là các loại phí và lệ phí khác như tiền thuê đất,

* Những tác động tiêu cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Ngoài những tác động tích cực kể trên, FDI cũng tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực tới nước nhận đầu tư. Mỗi quốc gia tiếp nhận đầu tư cần đưa ra

những chính sách thích hợp nhằm hạn chế mặt tiêu cực và phát huy mặt tích cực của hoạt động FDI.

Trước het là van ke chuyen giá.

Chuyển giá là việc xác định giá chuyển giao giữa các công ty có mối quan hệ liên kết với nhau mà ở đó các mức giá không theo sự xác định của giá thị trường, mà thường được xác định một cách chủ quan nhằm tối thiểu hóa tổng số thuế phải nộp của tập đoàn đa quốc gia đó. Cụ thể, chuyển giá thường diễn ra nhằm mục đích sau:

- Giảm nghĩa vụ nộp thuế bằng cách sử dụng giá chuyển giao để chuyển thu nhập ở nước có thuế cao sang nước có thuế thấp.
- Chuyển vốn và quỹ ra khỏi một quốc gia khi có sự kiểm soát ngoại tệ ở quốc gia đó.
- Chuyển lợi nhuận giữa các công ty con khi việc chuyển giao tài chính qua hình thức phân chia lợi tức cổ phần bị thu h p hoặc nới lỏng bởi chính sách của nước nhận đầu tư.
- Giảm thuế phải trả khi chính phủ nước nhập khẩu áp dụng biểu thuế quan tính theo % giá nhập khẩu.

H i là nguy cơ tiếp nhận công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Công nghệ lạc hậu sẽ gây ô nhiễm môi trường, biến các nước đang phát triển thành những bải rác thải công nghệ. Thêm vào đó, công nghệ lạc hậu còn làm giảm hiệu quả sản xuất, gây lãng phí nguồn lực nhất là tài nguyên thiên nhiên của nước nhận đầu tư.

B là, những tác động xấu có thể có đối với về sản xuất nội địa với sự độc quyền, lũng đoạn thị trường của các doanh nghiệp FDI.

B n là, những ảnh hưởng xấu tới cán cân thanh toán của quốc gia nhận đầu tư. Việc phải nhập khẩu máy móc, thiết bị, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, vay nợ quốc tế, sẽ là những nguyên nhân tiềm ẩn gây thâm hụt cán cân thanh toán của một quốc gia.

m là những nguy cơ bị phụ thuộc nền kinh tế và chính trị.

Do những thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh, những doanh nghiệp FDI ngày càng có ảnh hưởng lớn trong nền kinh tế và trong đời sống xã hội, khiến Chính phủ có thể phải thay đổi hoặc hi sinh một số mục tiêu chính sách cụ thể nhằm tôn trọng những lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài.

1.1.2. Chính ách thu đối v i hoạt động đầu tư trực ti p nư c ngoài

1.1.2.1. Chính ách thue

Chính sách thuế là một nội dung của chính sách tài chính quốc gia, là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà nhà nước sử dụng đề ra quyết định về thu nhập và huy động nguồn thu để đảm bảo cho nhu cầu chi tiêu của mình.

Chính sách thuế là một bộ phận không thể thiếu được trong hệ thống chính sách tài chính quốc gia, là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng trong việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vai trò của chính sách thuế thể hiện qua chức năng cơ bản tự thân của nó:

- Chức năng định hướng: Chính sách thuế góp phần định hướng cho nhà quản lý thu và nộp thuế một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời và hợp lý. Chính sách thuế còn giúp các nhà sản xuất kinh doanh định hướng, xác định ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh để mang lại hiệu quả phù hợp với khả năngvà năng lực của mình.
- Chức năng điều tiết: Chính sách thuế giúp phân phối, điều tiết thu nhập giữa các cá nhân, các tổ chức và góp phần phân phối lại các nguồn của cải xã hội và năng lực sản xuất của toàn xã hội trong lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân theo những định hướng phát triển của nhà nước.

Như vậy chính sách thuế góp phần chủ động tích cực trong việc khuyến khích hay kiềm chế đối với các hoạt động kinh tế - xã hội của tất cả các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ, tổ chức và cá nhân theo những mục tiêu định hướng và hoạch định của nhà nước.

1.1.2.2. Mục tiêu và nguyên tắc của chính sách thue

Với những chức năng, vai trò quan trọng nêu trên của thuế và hệ thống thuế, chính sách thuế trong nền kinh tế quốc dân là một trong những nội dung cơ bản của công tác quản lý tài chính Nhà nước. Chính sách thuế có các mục tiêu cơ bản sau:

- Huy động đầy đủ, kịp thời số lượng thu cho ngân sách Nhà nước.
- Phát huy tốt nhất chức năng của thuế trong nền kinh tế.
- Tăng cường ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức và cá nhân.

Để đạt được những mục tiêu trên, chính sách thuế cần tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Nộp thuế theo quy định của pháp luật là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi tổ chức, cá nhân.
- Chính sách thuế phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, mức động viên hợp lý.

1.1.2.3. Quá trình hoàn thi n chính sách thue của Vi t Nam

Là một chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng, chính sách thuế của Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn cải cách. Có thể chia lịch sử hệ thống thuế Việt Nam thành 3 bước cải cách căn bản:

- Bước 1 là từ 1990-1995
- Bước 2 là từ 1996-2004
- Bước 3 là từ 2005-2010

Trọng tâm của các bước cải cách 1, 2 là xây dựng một hệ thống quy định pháp luật về thuế quy chuẩn, tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc cho các hoạt động của nền kinh tế và tài khóa quốc gia. Bước đầu tạo sự phù hợp của hệ thống thuế Việt Nam với thông lệ quốc tế, đảm bảo được tính tương thích với các nền kinh tế thị trường trong khu vực, hướng tới giai đoạn hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Cả hai giai đoạn cải cách này đều thực hiện chủ yếu từ bên trong, yếu tố bên ngoài tác động hạn chế.

Trong giai đoạn cải cách bước 3, nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với thế giới. Cho nên, nội dung cụ thể của cải cách thuế bước 3 hướng đến việc sửa đổi các sắc thuế hiện hành như thuế giá trị gia tăng GTGT , thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên và ban hành những loại thuế mới như thuế thu nhập cá nhân (TNCN), theo xu hướng tăng dần tỷ trọng thuế trực thu, tương ứng giảm dần tỷ trọng thuế gián thu, phù hợp với giai đoạn hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế.

Năm 2011, Chính phủ ban hành Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam trong giai đoạn tới năm 2020 (Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011). Mục tiêu tổng quát của chiến lược này là (1) Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, công bằng, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 2 Mức động viên hợp lý nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước; (3) Là một trong những công cụ quản lý kinh tế vĩ mô có hiệu quả; (4) Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiệu quả, công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Đi k m với đó là các mục tiêu cụ thể.Trong quá trình vận động để đạt được các mục tiêu ấy, hệ thống thuế Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức mới.

1.1.2.4. Quản lý thue

Quản lý thuế là hoạt động của Nhà nước mà cơ quan thuế là đại diện để tổ chức, điều hành hệ thống quản lý thu thuế nhằm động viên nguồn thu từ thuế vào ngân sách nhà nước theo những quy định của pháp luật về thuế.

Quản lý thuế quan tâm trước hết tới việc thực thi chính sách thuế. Để thực hiện tốt công tác quản lý thuế cần có một chính sách thuế hợp lý, một cơ chế quản lý đồng bộ và có hiệu quả. Sau khi chính sách thuế được hoạch định và được thông qua, chính sách đó được thực thi trong thực tế.

Quản lý thuế có vai trò quyết định trong việc đưa chính sách thuế vào cuộc sống. Hoạt động quản lý thuế là sự tác động có tổ chức, tuân theo những

quy tắcnhất định và mang tính quyền lực Nhà nước. Đây cũng có thể coi là hoạt động quản lý hành chính - kinh tế trong lĩnh vực thuế.

Hiện nay, công tác quản lý thuế ở nước ta được thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý thuế được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, k họp thứ 10 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2006. Luật này quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật.

* Đối tượng áp dụng:

- Người nộp thuế:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách

nhà nước sau đây gọi chung là thuế do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật;

Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế thay người nộp thuế.

-Cơ quan quản lý thuế**:**

Cơ quan thuế gồm Tổng cục thuế, Cục thuế, Chi cục thuế;

Cơ quan hải quan gồm Tổng cục hải quan, Cục hải quan, Chi cục hải quan. Công chức quản lý thuế gồm công chức thuế, công chức hải quan.

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

1.1.2.5. Vai trò của chính sách thue koi với hoạt k ng kau tư trnc tiep nước ngoài.

Như đã trình bày ở trên, nguồn vốn FDI có vai trò to lớn trong nền kinh tế,tuy nhiên nó cũng đồng thời tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực. Là một nhân tố quantrọng trong khung chính sách của nước tiếp nhận đầu tư, hoạt động quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng đối với khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là rất cần thiết.

- Điều tiết hoạt động của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đúng đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước:

Mục đích cao nhất của các nhà đầu tư là lợi nhuận. Do đó, những lĩnh vực,ngành, dự án có tỷ suất lợi nhuận cao đều được các nhà đầu tư quan tâm, còn những dự án, lĩnh vực mặc dù rất cần thiết cho dân sinh, nhưng không đưa lại lợinhuận thỏa đáng thì không thu hút được đầu tư nước ngoài.

Mặt khác, các nhà ĐTNN trong khi lựa chọn địa điểm để triển khai dự án đầu tư thường tập trung vào những nơi có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuận lợi, do đó các thành phố lớn, những địa phương có cảng biển, cảng hàng không, các tỉnh đồng bằng là nơi tập trung nhiều dự án ĐTNN nhất.

Đối với các ngành nghề cũng xảy ra tình trạng tương tự, các nhà ĐTNN chỉ đầu tư vào các ngành có khả năng sinh lợi cao, rủi ro thấp, còn các ngành, lĩnh vực có khả năng sinh lời thấp, rủi ro cao không được sự quan tâm của các nhà ĐTNN.

Với các quy định về ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của từng ngành, khu vực, giúp tránh tình trạng mất cân đối đầu tư giữa các ngành nghề và vùng lãnh thổ, hướng dòng vốn đầu tư vào những ngành nghề, vùng lãnh thổ cần được quan tâm phát triển theo đúng đường lối phát triển kinh tế của đất nước.

- Giảm thiểu các hành vi gian lận thuế, chống thất thu thuế cho ngân sách nhà nước (NSNN):

Để làm giảm số thuế phải nộp, hiện nay các doanh nghiệp sử dụng rất nhiều các thủ đoạn khác nhau. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với những đặc điểm riêng có về nguồn phát sinh thu nhập và nơi cư trú thì các hành vi này lại càng tinh vi, gian lận thuế càng khó phát hiện hơn.

Vì thế, công tác quản lý thuế đối với loại hình doanh nghiệp này lại càng cần được quan tâm, chú trọng tăng cường hơn.

- Tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư và khuyến khích tái đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh trước tình hình cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ngày càng lan rộng:

Trên góc độ kinh tế vi mô, thuế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của nhà đầu tư nước ngoài và vì thế ảnh hưởng đến sự phân bố vốn đầu tư vào từng ngành, khu vực. t trên góc độ kinh tế vĩ mô thì thuế ảnh hưởng đến tiết kiệm của khu vực tư nhân của nền kinh tế. Mức thuế suất hợp lý, ưu đãi sẽ giúp tăng tiết kiệm của khu vực tư nhân và tăng đầu tư từ khu vực này. Nhìn chung, các nhà đầu tư có xu hướng lựa chọn nước tiếp nhận đầu tư có thuế suất thuế thấp.

Mặt khác, tính minh bạch của hệ thống quản lý thuế và tính thuận tiện của các thủ tục hành chính thuế cũng ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí và cơ hội đầu tư:

- Thủ tục hành chính thuế rườm rà, không rõ ràng cũng khiến các nhà đầu tư lo ngại khi lựa chọn địa điểm đầu tư.
- Tham nhũng ở nước nhận đầu tư sẽ làm nản lòng các nhà đầu tư nước ngoài. Tham nhũng khiến cho chi phí đầu tư và chi phí kinh doanh tăng lên và làm cho các cơ hội đầu tư trở nên không chắc chắn.

Đặc biệt, trong tình hình hiện nay nền kinh tế thế giới đang bị khủng hoảng nặng nề, thì việc tăng cường các ưu đãi đầu tư, nâng cao tính minh bạch của môi trường đầu tư trong đó có hệ thống thuế là hết sức cần thiết.

1.1.3. c bệnh viện quốc tế c ố c ế c

1.1.3.1. Khái ni m ve b nh vi n quoc te có von kau tư trnc tiep nước ngoài

Bệnh viện quốc tế là bệnh viện được thành lập với 100% vốn đầu tư từ nước ngoài hoạt động và tuân thủ theo Pháp luật Việt Nam. Theo Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

"Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài bỏ vốn để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam".

“Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài thành lập để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam; doanh nghiệp Việt Nam do nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, sáp nhập, mua lại”.

“Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư”.[12]

Các bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài hay bệnh viện quốc tế mang lại nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước. Do đó, sự quản lý của nhà nước đối với nhóm bệnh viện này là cần thiết.

Bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài hay bệnh viện quốc tế đã và đang đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh việc thúc đẩy kinh tế phát triển mà còn góp phần cung cấp dịch vụ y tế chất lượng cao, tạo thuận lợi cho người dân và chia sẽ trách nhiệm của nhà nước đối với y tế.

1.1.3.2.c kiem của b nh vi n quoc te có von kau tư trnc tiep nước ngoài.

Nhà nước xác định đẩy mạnh định hướng xã hội hóa y tế, khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ cho xã hội để phát triển sự nghiệp y tế, tạo cơ sở thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh về hiệu quả và chất lượng dịch vụ giữa các bệnh viện nhà nước với bệnh viện quốc tế.

Bên cạnh hệ thống khám chữa bệnh nhà nước, ở nước ta hiện có 137 bệnh viện tư nhân, 30.000 cơ sở khám chữa bệnh tập trung ở các thành phố lớn như Tp Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà N ng, Đồng Nai Trong đó có 10 bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đầu tư lên tới 94 triệu USD, 30 phòng khám đa khoa với tổng vốn đầu tư là 14,435 triệu đô la Mỹ. Hệ thống khám chữa bệnh quốc tế đã góp phần không nhỏ vào việc giảm tải cho các bệnh viện nhà nước, giúp chăm sóc sức khỏe người dân tốt hơn. Tính đến thời điểm hiện nay, Cục Đầu tư nước ngoài đã cấp 78 dự án thuộc lĩnh vực y tế với tổng vốn đầu tư 1,16 tỷ đô la Mỹ. Lĩnh vực y tế cũng được Bộ Kế hoạch - đầu tư chú trọng trong khi xây dựng các danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

Lợi ích của bệnh viện công và khám-chữa bệnh theo bảo hiểm y tế là rẻ tiền phù hợp với đại đa số người dân. Tuy nhiên mặt trái đó là dịch vụ chưa tốt, quá tải về số lượng là vấn đề đang được quan tâm nhất hiện nay. Một giải pháp tốt nhất và đáp ứng nhu cầu về chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh là các bệnh viện quốc tế tại Việt Nam. Ngoài ra, bệnh nhân muốn đi khám tại Hoa Ky, Pháp hay Singapore, Thái Lan thì hiện nay có khá nhiều nhiều bệnh viện quốc tế tại Việt Nam đáp ứng nhu cầu đó của bệnh nhân.

Khi đến khám và chữa bệnh tại các bệnh viện quốc tế bệnh nhân sẽ được chăm sóc như một khách hàng VIP với sự phục vụ tận tình và chu đáo nhất, cùng với trang thiết bị và phòng bệnh cảm giác như là đang ở khách sạn hay nhà riêng của mình chứ không phải là bệnh viện. Một cảm giác rất thoải mái và cảm thấy vui vẻ khi được phục vụ. Cho nên các bệnh viện quốc tế thường chỉ dành cho các đối tượng thu nhập cao, đối tượng có tham gia các lại hình bảo hiểm tự nguyện trong nước, nước ngoài và người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam.

Chất lượng dịch vụ đi k m với khoa học kỹ thuật tiên tiến tại bệnh viện quốc tế. Hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại cùng với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệp và chất lượng thuốc cho điều trị tốt. Chính vì vậy, chi phí đi k m cũng tương đối cao.

1.2. Nội dung của các chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế

Sau khi trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện nguyên tắc không phân biệt đối xử thông qua việc sửa đổi hệ thống chính sách thuế trong giai đoạn vừa qua.Theo đó, chính sách thuế được áp dụng bình đ ng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

Ngày 06/4/2016, tại ky họp thứ 11, Quốc hội Khoá III đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế. Với hiệu lực thi hành sớm kể từ ngày 01/07/2016, Luật thể hiện các thông điệp chính sách nhằm đơn giản công tác

quản lý thuế, tăng tính khả thi trong tuân thủ, đồng thời bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam một cách hợp pháp trong bối cảnh hội nhập sâu hơn từ năm 2018.

1.2.1. Chính sách thue thu nhập doanh nghiệp đối với bệnh viện quốc te

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

Nội dung cơ bản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng từ ngày 02 tháng 08 năm 2014 và áp dụng cho ky tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 trở đi được quy định tại điều 11 của TT 78/2014/TTBTC.Luật Thuế TNDN sửa đổi đã đượcthông qua với nội dung của luật thuế này bao gồm:

* Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng nộp thuế:

Theo điều 1, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ (gọi là cơ sở kinh doanh) có thu nhập đều phải nộp thuế TNDN.

Đối tượng không thuộc diện nộp thuế TNDN: Hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không thuộc diện nộp thuế TNDN (trừ hộ gia đình và cá nhân nông dân sản xuất hàng hóa lớn có thu nhập cao theo quy định của Chính phủ).

* Về căn cứ tính thuế:

Theo điều 5 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế và thuế suất

$$Thue\ TNDN\ phải\ n\ p = Thu\ nhập\ chịu\ thue\ x\ Thue\ suat$$

$$Thu\ nhập\ chịu\ thue = Doanh\ thu\ ke\ tính\ thu\ nhập\ chịu\ thue\ trong\ kỳ\ tính\ thue - Chi\ phí\ hợp\ lý\ trong\ kỳ\ tính\ thue + Thu\ nhập\ chịu\ thue\ khác\ trong\ kỳ\ tính\ thu$$

Thu nhập chịu thuế: Thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác, kể cả thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.

Doanh thu: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

* Thuế suất:

- Thuế suất phổ thông:

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% áp dụng đến ky thuế năm 2013.

Tuy nhiên, theo thông tư 78/2014/TT-BTC tại điều 11 Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi như sau; "Kể từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và các trường hợp được áp dụng thuế suất ưu đãi.Thuế suất thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanhkể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20% ngoại trừ các doanh nghiệp đặc thù như sau:[20]

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong suốt thời gian hoạt động:

Căn cứ thông tư 78/2014/TT-BTC tại điều 3- Chương VI - Thuế suất ưu đãi 10% được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: "Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa . Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa được thực hiện theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định."[20]

Do đó, các bệnh viện quốc tế thuộc lĩnh vực y tế được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động khám chữa bệnh trong suốt thời gian hoạt động.

* Đăng ký thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các bệnh viện, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế phải có trách nhiệm đăng ký thuế TNDN cùng với đăng ký thuế giá trị gia tăng. Các cơ sở kinh doanh khi đăng ký thuế phải khai rõ cả các đơn vị trực thuộc hạch toán kinh doanh độc lập và các đơn vị hạch toán phụ thuộc báo sổ.

* Kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp:

Hằng năm, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bệnh viện quốc tế căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ năm trước và khả năng của năm tiếp theo tự kê khai doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế, số thuế phải nộp cả năm, có chia ra từng quý theo mẫu của cơ quan thuế và nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là 25/01.

* Nộp thuế:

Các bệnh viện quốc tế nộp thuế hàng quý theo bản tự kê khai đầy đủ, đúng hạn vào NSNN. Thời hạn nộp thuế được ghi trong thông báo hàng quý, chậm nhất là ngày cuối quý.

* Quyết toán thuế:

Các bệnh viện quốc tế hằng năm phải quyết toán thuế với cơ quan thuế. Năm quyết toán thuế được tính theo năm dương lịch. Trường hợp bệnh viện quốc tế được áp dụng năm tài chính khác thì được quyết toán theo năm tài chính đó. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, bệnh viện quốc tế phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và nộp đầy đủ số thuế còn thiếu vào NSNN trong thời hạn 10 ngày, kể tử ngày nộp báo cáo quyết toán, nếu nộp thừa thì được trừ vào số thuế ky tiếp theo.

* Mẫu tờ kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính.

Mẫu số: 01 /TNDN Ban hành k m theo Thông tư số 156/2013/TT- BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính

1.2.2. hue giá trị gia tăng (GTGT) đối với bệnh viện quốc te.

Thuế GTGT là thuế gián thu, thu trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, nhập khẩu, lưu thông đến

tiêu dùng không phân biệt đối tượng sử dụng hàng hóa, dịch vụ. Luật thuế GTGT không có quy định về việc miễn, giảm thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ và đối tượng sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

Do vậy, các mặt hàng máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định trong nước áp dụng mức thuế suất theo quy định của Luật thuế GTGT, không có sự phân biệt người mua nhập khẩu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay doanh nghiệp trong nước.

"Thuế GTGT là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng ".

Luật thuế GTGT mới nhất hiện nay vẫn là luật thuế giá trị gia tăng số13/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi số 71/2014/QH13 áp dụng từ ky thuế 1/1/2015.

* Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

- Đối tượng chịu thuế GTGT gồm: Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam.
- Hàng hóa dịch vụ mua của tổ chức cá nhân nước ngoài, hàng hóa nhập khẩu
- Tiêu dùng tại Việt Nam: Dịch vụ được tiêu dùng liên quan tới Việt Nam

* Đối tượng không chịu thuế

- Dịch vụ cấp tín dụng; bán ngoại tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định của pháp luật.
- Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi.
- Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.
- Hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính.

- Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.

* Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

* Giá tính thuế

- Giá tính thuế được quy định như sau:

Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng;

Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu;

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

* Thuế suất thuế giá trị gia tăng

- Thuế suất 0%:

Đối tượng áp dụng thuế suất 0% gồm:

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế

Hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu không bao gồm: Chuyển giao công nghệ chuyển quyền sở hữu trí tuệ, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ bưu chính viễn thông ra nước ngoài, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoảng sản khai thác chưa qua chế biến

- Thuế suất 5%

Thuế suất 5% áp dụng với các đối tượng sau:

+ Y tế: Thiết bị dụng cụ y tế, dược phẩm

- Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với các đối tượng chịu thuế không áp dụng thuế suất 0% và 5% là những mặt hàng như mỹ phẩm, thực phẩm..

* Phương pháp tính thuế

Thuế giá trị gia tăng gồm 2 phương pháp tính thuế nhưng đối với bệnh viện quốc tế áp dụng;

Phương pháp khấu trừ.

Nguyên tắc: Số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ đi số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

Đối tượng áp dụng:

+ Cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn chứng từ

+ Cơ sở kinh doanh đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ

* Kê khai thuế

Các bệnh viện quốc tế kê khai thuế GTGT theo tháng, theo phương pháp khấu trừ áp dụng theo Thông tư 156/2013/TT-BTC, 151/2014/TT-BTC, Thông tư 219/2013/TT- BTC, Thông tư 119/2014/TT- BTC mới nhất hiện hành.

Đối tượng kê khai thuế GTGT theo tháng:

Khai thuế GTGT theo tháng áp dụng đối với những bệnh viện quốc tế có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề > 50 tỷ đồng.

Bệnh viện có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo tháng hay khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế.

Cách kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trực tiếp:

Đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Những bệnh viện quốc tế có doanh thu hàng năm > 1 tỷ đồng.

Những bệnh viện quốc tế đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ.

Thời gian áp dụng là 2 năm liên tục những bệnh viện quốc tế sau:

Bệnh viện quốc tế mới thành lập có thực hiện đầu tư, mua sắm, nhận góp vốn bằng tài sản cố định, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ hoặc có hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh.

Bệnh viện quốc tế thành lập từ dự án đầu tư của doanh nghiệp đang kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Bệnh viện quốc tế có doanh thu hàng năm < 1 tỷ.

Những bệnh viện quốc tế trên muốn chuyển sang kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì làm Mẫu 06/GTGT để nộp cho cơ quan thuế. Chậm nhất là ngày 20/12 của năm trước liền kề.

Hồ sơ khai thuế GTGT gồm:

Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT

Lưu ý: Bệnh viện quốc tế phải tự xác định xem bệnh viện mình thuộc đối tượng kê khai theo phương pháp khấu trừ hay trực tiếp, kê khai theo quý hay theo tháng.

Hồ sơ khai thuế GTGT theo tháng, theo phương pháp khấu trừ:

Thời hạn nộp tờ khai và nộp tiền thuế GTGT:

Kê khai thuế và nộp tiền thuế GTGT theo tháng: Chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp.

1.2.3. hính ách thue n i đối với bệnh viện quốc te.

Thuế môn bài là một sắc thuế gián thu và thường là định ngạch đánh vào giấy phép kinh doanh (môn bài) của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Thuế môn bài được thu hàng năm. Mức thu phân theo bậc, dựa vào số vốn đăng ký hoặc doanh thu của năm kinh doanh kế trước hoặc giá trị gia tăng của năm kinh doanh kế trước tùy từng nước và từng địa phương. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì kể cả doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì cơ sở để tính thuế môn bài đều căn cứ vào vốn đăng ký ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy ph p đầu tư theo bậc và mức thuế môn bài

* Đối tượng nộp thuế môn bài:

Theo quy định của pháp luật, bệnh viện quốc tế là đối tượng nộp thuế môn bài căn cứ giấy phép đầu tư đã được cấp bởi Bộ kế hoạch đầu tư và sửa đổi năm 2014 bởi Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

* Quy định bậc và mức thuế

môn bài Bậc và mức thuế môn bài:

Bệnh viện quốc tế nêu trên nộp thuế Môn bài căn cứ vào vốn đăng ký ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư theo bậc và mức thuế môn bài:

Bậc thuế môn bài	**Vốn đăng ký**	**Mức thuế môn bài cả năm**	**Mục lục ngân sách(tiểu mục nộp tiền thuế MB)**
- Bậc 1	Trên 10 tỷ	3.000.000	1801
- Bậc 2	Từ 5 tỷ đến 10 tỷ	2.000.000	1802
- Bậc 3	Từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ	1.500.000	1803
- Bậc 4	Dưới 2 tỷ	1.000.000	1804

+ Nếu bệnh viện thành lập 6 tháng đầu năm: Mức nộp thuế Môn bài là cả năm

+ Bệnh viện thành lập 6 tháng cuối năm (từ 01/07 về cuối năm : Nộp thuế Môn bài: 1/2 năm.

- Vốn đăng ký đối với từng trường hợp cụ thể được xác định như sau:

+ Đối với bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài là vốn đầu tư.

* Hồ sơ, địa điểm khai, nộp thuế Môn bài:

Bệnh viện nộp thuế môn bài qua kho bạc nhà nước, qua ngân hàng và nộp Tờ khai thuế môn bài cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc kê khai qua mạng và gửi theo đường internet.

* Mẫu tờ khai thuế môn bài

Hồ sơ khai thuế Môn bài là Mẫu số 01/MB I Ban hành k m theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

* Thời hạn khai, nộp thuế Môn bài:

+ Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế cả năm chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính.

+ Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

1.2.4. hính ách thue nh thầu đối với bệnh viện quốc te.

Thuế nhà thầu (FCT) là loại thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài (không hoạt động theo luật Việt Nam) có phát sinh thu nhập từ cung ứng dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa tại Việt Nam.

* Đối tượng áp dụng:

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;

- Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;

- Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế**.**

Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hoá tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam. (mà trước đây theo điều kiện giao hàng DDP, DAT, DAP)

Ngoài ra các đối tượng sau cũng chịu thuế nhà thầu:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trong đó tổ chức, cá nhân nước ngoài vẫn là chủ sở hữu đối với hàng hóa giao cho tổ

chức Việt Nam hoặc chịu trách nhiệm về chi phí phân phối, quảng cáo, tiếp thị, chất lượng dịch vụ, chất lượng hàng hóa giao cho tổ chức Việt Nam hoặc ấn định giá bán hàng hóa hoặc giá cung ứng dịch vụ; bao gồm cả trường hợp uỷ quyền hoặc thuê một số tổ chức Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hoá tại Việt Nam

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện việc đàm phán, ký kết các hợp đồng đứng tên tổ chức, cá nhân nước ngoài

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hoá để xuất khẩu, bán hàng hoá cho thương nhân Việt Nam theo pháp luật về thương mại.

* Kê khai thuế GTGT, TNDN:

- Theo quy định tại thông tư 103/2014/TT-BTC, nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng GTGT , thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo pháp luật về thuế TNCN.

Do đó, bệnh viện quốc tế thực hiện việc kê khai thuế GTGT và thuế TNDN thay cho các nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam như sau;

* Nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu gọi tắt là phương pháp trực tiếp :

1.2.4.1. oi tượng và kieu i n áp ụng:

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu trên "phần 1" thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài, cụ thể như sau:

1.2.4.2. Cách tính thue:

* Tính thuế GTGT:

So thue GTGT phải n p	=	*Doanh thu tính thue Giá trị gia tăng*	*x*	*Tỷ l % ke tính thue GTGT trên doanh thu*

- Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trong đó:

+/ Doanh thu tính thuế GTGT:

- Là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nhận được. Bao gồm cả các khoản thuế phải nộp và các khoản chi phí do bên VN trả thay .

ác định doanh thu tính thuế GTGT đối với một số trường hợp cụ thể:

- Trườnghợp doanh thu Nhà thầu nhận được không bao gồm thuế GTGT phải nộp thì doanh thu tính thuế GTGT phải được quy đổi thành doanh thu có thuế GTGT, cụ thể như sau:

Doanh thu tính thue GTGT	=	*Doanh thu chưa bao gồm thue GTGT*
		1- Tỷ l % ke tính thue GTGT trên doanh thu

+/ Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

STT	**Ngành kinh doanh**	**Tỷ lệ % để tính thuế GTGT**
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5

***** Cách tính thuế TNDN:

So thue TNDN phải n p	=	*Doanh thu tính thue TNDN*	*x*	*Tỷ l thue TNDN tính trên doanh thu tính thue*

+/ Doanh thu tính thuế TNDN:

- Là toàn bộ doanh thu bao gồm cả các khoản chi phí do bên VN trả thay) trừ đi -) thuế GTGT

ác định doanh thu tính thuế TNDN đối với một số trường hợp cụ thể:

- Trường hợp doanh thu Nhà thầu nhận được không bao gồm thuế *TNDN* phải nộp thì xác định như sau:

Doanh thu tính thue TNDN	=	*Doanh thu hông bao gồm thue TNDN*
		1 - Tỷ l thue TNDN tính trên doanh thu tính thue

Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài ; cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng: - Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2

1.2.5. hính ách thue thu nhập cá nh n đối với bệnh viện quốc te.

Theo quy định tại Điều 24, Điều 33 Luật Thuế TNCN và Điều 30 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều của Luật Thuế TNCN, trường hợp nhà thầu có cơ sở thường trú tại Việt Nam trực tiếp chi trả tiền lương, tiền công cho nhân viên thực hiện các công việc tại Việt Nam thì cơ sở thường trú của nhà thầu có trách nhiệm khấu trừ, kê khai nộp thuế TNCN đối với các khoản thu nhập trả cho các nhân viên này.

Trường hợp nhà thầu không có cơ sở thường trú tại Việt Nam trực tiếp trả tiền lương, tiền công cho nhân viên hiện diện hoặc không hiện diện tại Việt Nam do thực hiện các công việc tại Việt Nam thì chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho nhà thầu để nhà thầu thông báo cho cá nhân nước ngoài thực hiện nộp thuế TNCN tại Việt Nam. Cá nhân có trách nhiệm kê khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế**.**

N i dung chính sách thue thu nhập cá nhân

Thuế TNCN là loại thuế trực thu đánh trên một số khoản thu nhập của cá nhân mà cá nhân phải trích nộp vào ngân sách nhà nước.

Thuế thu nhập cá nhân tại Luật thuế TNCN - Luật số 26/2012/QH13, Thông tư 111/2013/TT-BTC và Thông tư 92/TT-BTC.

* Đối tượng nộp thuế

Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế .

Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

+ Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

+ Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn..

* Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây:

- Thu nhập từ kinh doanh hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch

vụ hành nghề theo quy định của pháp luật.

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- Thu nhập từ đầu tư vốn.
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn.
- Thu nhập từ trúng thưởng.
- Thu nhập từ bản quyền.
- Thu nhập từ nhượng quyền thương mại.

* Quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam

- Thu nhập chịu thuế nhận được bằng ngoại tệ phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh thu nhập.

- Thu nhập chịu thuế nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo giá thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập.

* Ky tính thuế

- Ky tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau:

+ Ky tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công;

+ Ky tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng;

- Ky tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

* Quản lý thuế và hoàn thuế

- Việc đăng ký thuế, kê khai, khấu trừ thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế và các biện pháp quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Cá nhân được hoàn thuế trong các trường hợp sau đây:

+ Số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp;

+ Cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp thuế;

+ Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Biểu thuế và cách tính thuế thu nhập cá nhân

- Cách tính thuế thu nhập cá nhân được áp dụng theo công thức sau:

Thue TNCN phải n p	=	*Thu nhập tính thue*	*x*	*Thue suat*

Trong đó:

Thu nhập tính thue	=	*Thu nhập chịu thue*	-	*Các khoản giảm trù*

Trong đó:

Thu nhập chịu thue	=	*Tổng thu nhập*	-	*Các khoản kược miễn thue*

- Biểu thuế

+ *Bieu thue luỹ tien từng phan*

Bậc thuế	**Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)**	**Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)**	**Thuế suất (%)**
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

+ Biểu thuế toàn phần

Thu nhập tính thuế	**Thuế suất (%)**
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5

1.2.6. Thue và các h n ph i nộp hác

Đối với bệnh viện quốc tế, ngoài các nghĩa vụ thuế bệnh viện còn phải tuân thủ nộp các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như thuế nhập khẩu, tiền thuê đất, phí hải quan Tuy nhiên, các khoản phí, lệ phí trên phát sinh không thường xuyên nên bệnh viện kê khai và nộp ngay tại thời điểm phát sinh. Thông thường, để tránh mất thời gian với các thủ tục rườm rà, khi bệnh viện có các giao dịch cần nhập khẩu hàng hóa, thiết bị, bệnh viện thường chọn cách nhập khẩu thông qua các đại lý được ủy thác của nước ngoài đặt tại Việt Nam.

1.3. Kinh nghiệm th c hiện chính sách thuế tại các doanh nghiệ c ngoài

1.3.1. inh nghiệ thực hiện chính ách thue của một số anh nghiệp nước ng i

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài luôn tuân thủ theo phương pháp khấu trừ tự kê khai và nộp thuế theo quy định của luật thuế. Việc cơ quan thuế ra quy định như vậy nhằm nâng cao ý thức tự giác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn tự đầu tư hệ thống phần mềm kế toán hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ quy định của Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp luôn luôn chủ động trong việc kết xuất dữ liệu, lưu giữ bản mềm để đối chiếu so sánh khi cần thiết.

Kế toán thuế tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường làm việc chuyên môn hóa cao. Mỗi một sắc thuế có ít nhất một kế toán chịu trách nhiệm theo dõi sổ sách, kê khai và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thông tin trong suốt ky kế toán.

Kế toán thuế tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bên cạnh việc phải thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi về chính sách thuế trong nước, họ còn phải am hiểu biết về quy định quốc tế, báo cáo kế toán của nước sở tại.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoàithường xuyên và chủ động sử dụng dịch vụ tư vấn về thuế, tư vấn luật. Đây là các tổ chức hoạt động dịch

vụ tư vấn về thuế, hoạt động theo luật công ty, thực hiện hạch toán kinh doanh và có nghĩa vụ nộp thuế như các doanh nghiệp khác. Hiện nay, Việt Nam có khoảng trên 2.100 đơn vị hoạt động tư vấn về thuế với trên 40.000 nhân viên.

Hoạt động của các tổ chức tư vấn về thuế là cung cấp các thông tin cho đối tượng nộp thuế như kinh tế, chính sách và nghiệp vụ thuế, tình hình các đối tượng nộp thuế, tình hình kê khai thuế, làm trung gian giải quyết các vướng mắc giữa cơ quan thuế và đối tượng nộp thuế; hướng dẫn và đào tạo cán bộ doanh nghiệp nắm vững chính sách thuế và nghiệp vụ thuế. Do đó các doanh nghiệp nước ngoài ngày càng sử dụng rộng rãi dịch vụ tư vấn này như một công cụ hữu ích.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập như là một bên thứ ba độc lập, khách quan có trình độ chuyên môn cao, được pháp luật cho phép cung cấp thông tin tin cậy cho các bên quan tâm. Đối với các chủ đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài họ quy định chỉ có báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập mới có giá trị pháp lý và đáng tin cậyđầy đủ, đúng đắn về kết quả kinh doanh.

Đối với cơ quan thuế, căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán để tính và thu thuế, tương tự, đối với các cơ quan chức năng cũng căn cứ vào báo cáo tài chính được kiểm toán để thực hiện chức năng của mình. Đối với doanh nghiệp nước ngoài được kiểm toán mong muốn, thông qua kiểm toán, có được báo cáo tài chính phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành hoặc được chấp nhận , phát hiện và ngăn ngừa các sai sót và gian lận. Vì thế, sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập là dịch vụ phổ biến mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn.

1.3.2. i h c inh nghiệ rút ra cho việc thực hiện chính ách thue đối với bệnh viện quốc te.

Trên cơ sở kinh nghiệm áp dụng chính sách thuế một cách hiệu quả, giảm thiểu số thuế phạt phải nộp từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho quá trình áp dụng chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế như sau:

Thú nhat, mặc dù việc tự khai tự nộp đã kh ng định được tính cần thiết và ưu việt của mình, đồng thời trong điều kiện phát triển ngày nay, áp dụng cơ chế này là tất yếu, nhưng bệnh viện cũng cần ý thức được rằng cơ chế quản lý này chỉ thích hợp áp dụng khi nhân viên kế toán của bệnh viện có đủ khả năng và trình độ thực hiện. Thêm nữa là thông tin trước khi kê khai và nộp thuế phải được kiểm chứng xác thực để tránh lỗi hiểu sai quy định, chính sách dẫn đến số kê khai nộp thuế thiếu. Từ đó ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp cũng như dẫn đến việc phải nộp kê khai bổ sung, nộp phạt thuế không đáng có.

Thú hai, để áp dụng tốt các chính sách thuế và cập nhật thường xuyên chính sách thuế thì bệnh viện quốc tế cũng phải thường xuyên tham gia các khoa tập huấn mà cơ quan thuế tổ chức. Kế toán thuế phải luôn luôn cập nhật các chính sách thuế trên trang web chính thức của Bộ Tài Chính, Tổng cục thuế cũng như của Cục thuế.

Để áp dụng tốt các chính sách, một mặt, tiếp tục hoàn thiện các điều kiện cần thiết cho việc triển khai cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế như kê khai đúng, đủ, nộp đúng thời hạn. Mặt khác, thường xuyên đánh giá kết quả kê khai, theo dõi kịp thời để rút ra những kinh nghiệmphù hợp và kê khai bổ sung nếu phát hiện kê khai nhầm, thiếu.

Thú ba, bệnh viện quốc tế phải thường xuyên liên hệ, trao đổi với người phụ trách thuế của bệnh viện, cụ thể là chuyên viên thuế của phòng kiểm tra thuế số 1 thuộc Cục thuế. Hoặc trao đổi thông tin về thuế bằng cách gọi điện thoại đến phòng Tuyên truyền-Hỗ trợ của Cục thuế. Đồng thời, đẩy mạnh công tác đào tạo bằng cáchtự đào tạo nâng cao trình độ kế toán thuế theo chức năng. Trong một số trường hợp, các chính sách thuế chưa rõ ràng, gây khó hiểu, bệnh viện nên gửi công văn đến Cục thuế, Tổng cục thuế hoặc Bộ tài chính để hỏi. Khi nhận được công văn trả lời của cấp có thẩm quyền, có

hướng dẫn rõ ràng, khi đó bệnh viện dễ dàng áp dụng, tránh sai sót trong kê khai và nộp thuế.

Thú tư, bệnh viện có thể tiến hành phân loại các sắc thuế mà bệnh đang áp dụng, đánh giá sắc thuế nào có rủi ro cao, chính sách dễ thay đổi hoặc có xu hướng thay đổi trong tương lai để tìm ra biện pháp quản lý và các phương thức hỗ trợ thích hợp, tăng cườngquản lý theo cách giảm thiểu rủi ro.

Thú năm, bệnh viện nên áp dụng dịch vụ tư vấn thuế như là một công cụ hữu ích trợ giúp kế toán của bệnh viện. Bởi lẽ, tư vấn thuế ngoài nhiệm vụ là nhịp cầu nối giữa bệnh viện với cơ quan thuế thì tư vấn thuế họ còn giúp nhà nước nhanh chóng thu đúng, thu đủ các khoản thuế. Tư vấn thuế ngoài việc nắm vững pháp luật về thuế, kiến thức tài chính, kế toán, ngoài ra còn yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp để đảm bảo lợi ích của nhà nước, người nộp thuế

- bệnh viện quốc tế cũng như lợi ích của đại lý thuế, góp phần xây dựng môi trường thuế minh bạch, rõ ràng. Tư vấn thuế giúp bệnh viện soát xét việc tuân thủ, áp dụng chính sách thuế hiện hành đã đúng, đủ hay chưa. Đồng thời giúp bệnh viện cập nhật các thay đổi trong chính sách thuế, tìm ra những rủi ro và sáng tạo trong việc tìm ra giải pháp và có cách lựa chọn phù hợp. Như vậy, nếu được tư vấn trước, bệnh viện quốc tế sẽ được rất nhiều lợi ích, trong đó có đảm bảo về tính pháp lý. Nếu cơ quan thuế có kiểm tra thì bệnh viện cũng không bị xử phạt. Đó chính là cái lợi mà tư vấn thuế, đại lý thuế mang lại cho bệnh viện. Ngoài ra, đối với nhà nước, thông qua các tư vấn thuế cũng giúp "thu đúng, thu đủ, thu kịp thời" số thuế phải nộp. Tư vấn thuế như là " cánh tay nối dài' của cơ quan thuế để tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về thuế, giúp cho bệnh viện hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế.

Thú sáu, bệnh viện lựa chọn dịch vụ kiểm toán độc lập để kiểm tra lại kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, kịp thời và tin cậy. Kiểm toán độc lập như là bên thứ ba giúp cho bệnh viện tạo niềm tin cho những người quan tâm, những người liên quan dặc biệt là chủ sở hữu, nhà đầu tư và

thậm chí là cơ quan thuế, ngân hàng. Kiểm toán độc lập còn góp phần hướng dẫn nghiệp vụ và củng cố tình hình hoạt động tài chính, kế toán. Mọi hoạt động, đặc biệt là hoạt động trong lĩnh vực tài chính luôn luôn biến đổi cùng với những thay đổi của chính sách thuế kéo theo hàng loạt nghiệp vụ cụ thể. Để hướng các nghiệp vụ kế toán vào đúng quỹ đạo cần thường xuyên có kiểm toán để soát xét việc thực hiện đúng mong muốn. Hơn nữa, chính việc định hướng và tổ chức thực hiện tốt trên cơ sở những bài học trong quá trình thực tiễn sẽ giúp bệnh viện uốn nắn, chỉnh sửa những sai phạm trong quá trình kê khai và nộp thuế.

Kiểm toán còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của bệnh viện và của cả phía cơ quan thuế. Bởi lẽ, kiểm toán không chỉ có chức năng xác minh mà còn có một chức năng nữa là tư vấn. Những soát xét thông qua quá trình kiểm toán giúp chủ đầu tư của bệnh viện có được kết quả chính xác, trung thực tình hình tài chính. Những nhận xét của kiểm toán sẽ giúp cho bệnh viện kịp thời phát hiện những sai sót, lãng phí hoặc vi phạm pháp luật, ngăn ngừa các tổn thất về kê khai sai, nộp thuế sai, nộp thuế thiếu. Điều đó giúp cho bệnh viện hạn chế rủi ro hay tìm thấy những tiềm năng phát triển mới cho bệnh viện .

Tóm tắt chư ng 1

Thông qua quá trình phân tích cơ sở khoa học của chính sách thuế áp dụng cho các bệnh viện quốc tế để từ đó tìm hiểu nội dung của các chính sách thuế trong việc thực thi tại bệnh viện và qua đó cũng thấy được những vấn đề chính sau:

t là các bệnh viện quốc tế bên cạnh việc góp phần nâng cao chất lượng y tế còn đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước về thuế từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển.

Hai là, nội dung của các chính sách thuế hiện tại áp dụng cho khối bệnh viện quốc tế là tương đối rộng, luôn thay đổi. Do đó, bệnh viện cần tìm hiểu, cập nhật, thường xuyên để dễ dàng áp dụng tại doanh nghiệp tránh việc kê khai thiếu, kê khai sai, dẫn đến số thiếu số thuế phải nộp và tránh việc phải nộp phạt.

Ba là, trên cơ sở phân tích các chính sách thuế hiện tại áp dụng cho bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài hay bệnh viện quốc tế để từ đó cho thấy bên cạnh những chính sách thuế rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng thì còn có những chính sáchbất cập trong quá trình thực thi. Đây chính là cơ sở, là tiền đề để nghiên cứu kỹ hơn về việc áp dụng các chính sách thuế trong thực tiễn đối với bệnh viện Việt Pháp Hà Nội.

Chư ng 2
THỰC TRẠNG THỰC THI CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ TỪ THỰC TIỄN BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP HÀ NỘI

2.1. Giới thiệu về hoạt động của bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

2.1.1. Khái quát vetình hình hoạt động của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội là bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên không chỉ ở Hà Nội mà còn ở Miền Bắc Việt Nam, là bệnh viện đa khoa và cung cấp các dịch vụ y tế theo tiêu chuẩn quốc tế để khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe vớicông nghệ cao cho người Việt Nam và người nước ngoài.

Đây là một mô hình bệnh viện tư nhân có vốn đầu tư 100% của Pháp hoạt động theo tiêu chuẩn quốc tế. Là một cơ sở y tế tư nhân đầu tiên, Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội được tổ chức dựa trên đội ngũ y bác sĩ Việt Nam và Pháp. Vì chất lượng chăm sóc y tế không thể tách rời các dịch vụ ngoài y tế, Bệnh viện đã chọn phương châm kết hợp công nghệ và chuyên môn chất lượng cao với chất lượng dịch vụ khách hàng. Bệnh viện tiếp nhận các trường hợp cấp cứu cũng như xử lý các bệnh lý nội khoa và phẫu thuật trong điều kiện cơ sở vật chất tốt và trình độ chuyên môn cao.

Dự án Bệnh Viện Việt Pháp Hà Nội tiền thân là Trung tâm y tế quốc tế bệnh viện Bạch Mai liên doanh với Úc được chuyển nhượng lại từ "Bệnh viện Quốc tế Hà Nội" cho một công ty Pháp vào năm 2000 với đội ngũ y bác sĩ Việt Nam và Pháp có kinh nghiệm làm việc trong môi trường đa văn hoá. Đội ngũ chuyên môn được hợp nhất bởi các y bác sĩ của "Bệnh viện Quốc tế Việt Nam" và nhóm các bác sĩ Pháp thuộc các chuyên khoa khác nhau.

Từ đầu năm 2000, đội ngũ y bác sĩ Việt Nam và Pháp đã gắn bó với dự án Bệnh viện Việt Pháp. Tại đây, tài năng của các bác sĩ Việt Nam được thúc đẩy bởi sự phát triển của nền y học tầm c quốc tế. Các bác sĩ được đào tạo ở nước ngoài, sử dụng tốt tiếng nh, tiếng Pháp và các ngoại ngữ khác đã kết

hợp với năng lực của các đồng nghiệp Pháp, những người mong muốn được cống hiến khả năng của mình tại môi trường Việt Nam. Hơn 10 năm qua, toàn thể đội ngũ nhân viên Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội luôn tự hào phấn đấu vì sự phát triển không ngừng các dịch vụ y tế chất lượng cao ở Hà Nội cũng như tại Việt Nam.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội với đội ngũ bác sỹ, y tá người Pháp và người Việt Nam hơn 300 người được đào tạo chuyên sâu, giỏi về kinh nghiệm chuyên môn với tinh thần tâm huyết lương y và ngoại ngữ, giàu cam kết đem lại sự an tâm cho bệnh nhân người Việt và người nước ngoài tại Việt Nam. Bệnh viện gồm 40 bác sĩ, trong đó có 4 bác sĩ nước ngoài, khối y tế gồm có 124 nhân viên: Điều dư ng nữ hộ sinh, kỹ thuật viên, nhân viên xét nghiệm; khoa dược có 7 nhân viên. Tổng số nhân viên của các bộ phận khác là 145 nhân viên, gồm có nhân viên hành chính, nhân sự, tài chính kế toán, phát triển kinh doanh v.v... Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội với quy mô 68 giường đang hoạt động, trong đó có:

+ Khoa Nội trú gồm có 56 giường: Khoa Sản 18 giường, Khoa nội trú lưu viện 31 giường và Khoa Nhi là 7 giường.

+ Khoa hồi sức và điều trị tích cực có 5 giường

+ Khu điều trị lưu viện trong ngày có 7 giường

2.1.3. Chức năng h ạt động chuyên môn

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội là một Bệnh viện đa khoa gồm 20 chuyên khoa với môi trường y tế chất lượng cao, Bệnh Viện Việt Pháp Hà Nội đáp ứng nhu cầu của một bộ phận dân chúng, những người mong đợi tìm thấy ở Việt Nam những dịch vụ y tế mà họ đang phải tìm ở nước ngoài.

Các chuyên khoa chính của bệnh viện gồm có:

- Nội đa khoa
- Gây mê, hồi sức và chăm sóc tích cực
- Nhi khoa và sơ sinh

- Tim mạch và tim mạch can thiệp
- Nội thần kinh
- Hô hấp và dị ứng
- Tiêu hóa
- Da liễu và hoa liễu
- Trị liệu tâm lý và tâm
- thần Chấn thương và
- chỉnh hình Phẫu thuật
- thần kinh
- Tiết niệu
- Phẫu thuật ổ
- bụng Tai - Mũi
- - Họng Sản và
- phụ khoa Mắt
- Điện quang thường và điện quang can thiệp
- Nha và chỉnh nha

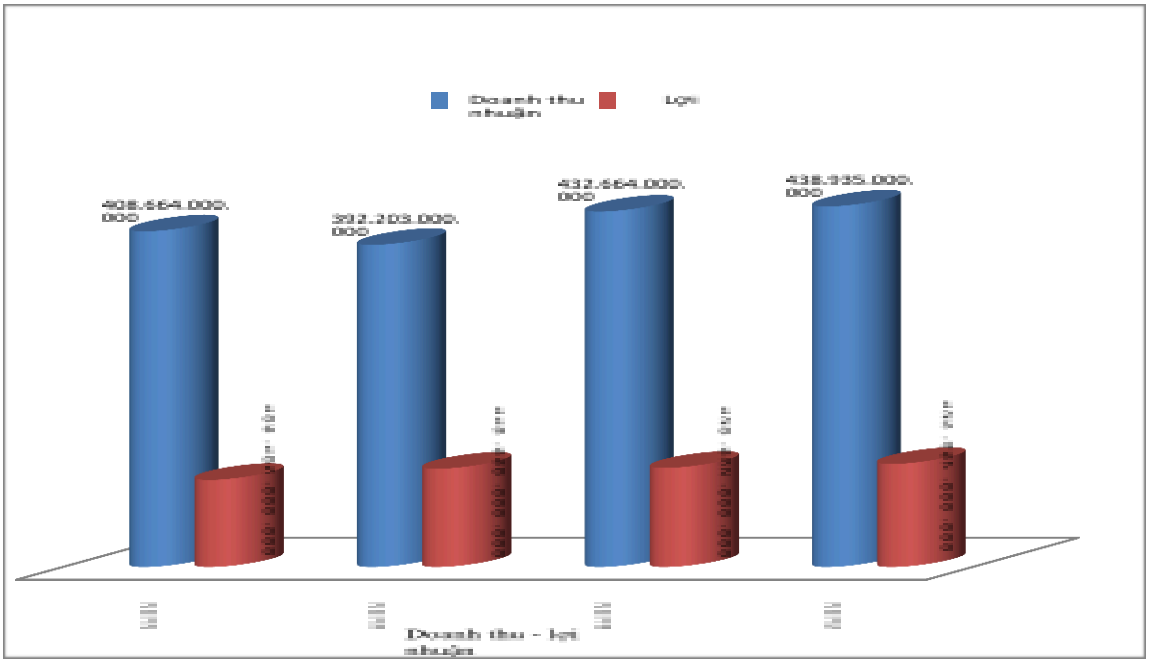
2.1.4. Tình hình tài chính của Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội là một dự án bệnh viện quy mô với vốn đầu tư 56.674.000 đô la Mỹ, vốn điều lệ 29.429.584 đô la Mỹ được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư lên tới 50 năm. Ngoài trụ sở chính đặt tại số 1 phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, bệnh viện còn có một phòng khám tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính. Trong tháng 7/2016 bệnh viện đã tiến hành khởi công mở rộng dự án với quy mô tăng lên 170 giường bệnh. Bệnh viện dự kiến phần mở rộng sẽ kết thúc và đi vào hoạt động vào quý 1 năm 2019.

Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Bệnh viện Việt Pháp luôn nỗ lực đóng góp vào sự phát triển của Việt Nam trong lĩnh vực y tế. Bệnh viện đã đóng góp vào ngân sách nhà nước trong 10 năm hoạt động vừa qua là: 239,550,000,000 đồng. Doanh thu liên tục tăng qua các năm kể từ khi kinh doanh có lãi sau ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009. Tỷ lệ lợi

nhuận trên doanh thu cũng tương đối ổn định thể hiện ở các năm như sau năm 2012, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu chiếm 26%, năm 2013: 31%, năm 2014: 28% và năm 2015 là 29%. Trong 6 tháng đầu năm 2016 này, doanh thu của bệnh viện đã đạt được 230 tỷ, dự kiến 6 tháng cuối năm nay đạt 220 tỷ và

được thể hiện cụ thể qua bảng biểu và biểu đồ Hình 2.1 sau đây:

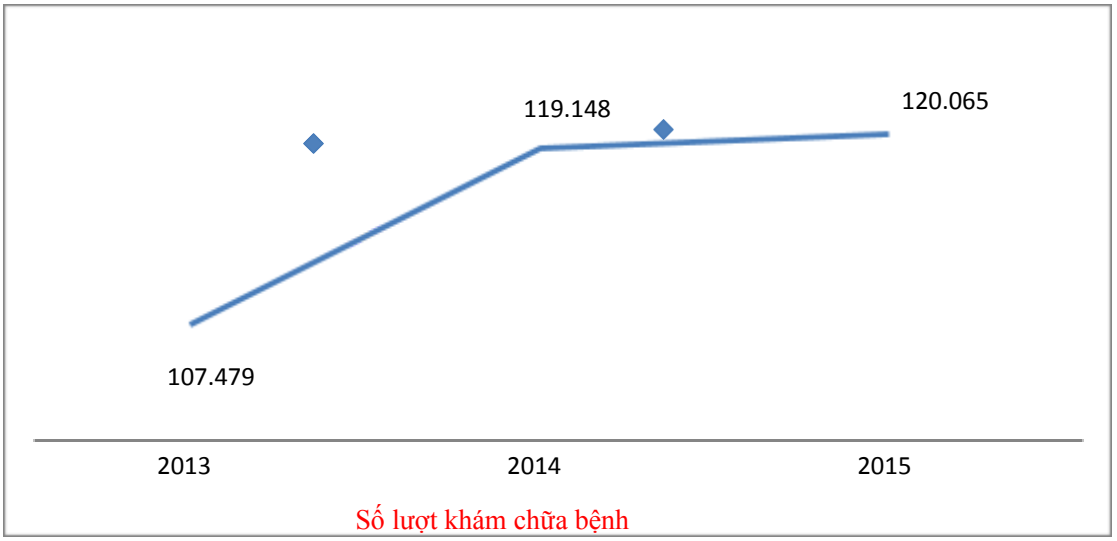


Hình 2.1. Doanh thu và lợi nhuận của Bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Bên cạnh việc tăng doanh thu và lợi nhuận qua các năm, bệnh viện Việt Pháp còn đạt được các danh hiệu cao như: Huân chương lao động hạng 3 vì những đóng góp chống dịch S RS năm 2003 Huy chương Vàng về "Sự cống hiến và lòng dũng cảm" do ông Ponchelet - Chủ tịch Thượng Viện, Cộng hòa Pháp trao tặng.Bệnh viện Việt Pháp đã đạt Top 20 thương hiệu uy tín nhất năm 2005, Giải thưởng Quản lý Bệnh viện Châu năm 2005, 2006, Giải thưởng Rồng vàng cho đơn vị có dịch vụ y tế và dịch vụ tốt nhất các năm 2004, 2005, 2007, 2009; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện xuất sắc toàn diện 2007.

Trong thời gian hoạt động Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội luôn tuân thủ và thực hiện theo đúng pháp luật Việt Nam. Công suất sử dụng giường bệnh trung bình các năm đạt luôn đạt mức ổn định 81%. Số lượng bệnh nhân của bệnh viện luôn tăng đều, nếu như năm 2013 có 107,479 lượt bệnh nhân thì năm 2014 số lượt bệnh nhân đã tăng lên 119,148 lượt và tiếp đó năm 2015 cũng đạt mức 120,065 lượt. Như vậy, trung bình mỗi năm số lượng bệnh nhân tăng khoảng 11 nghìn lượt, và giữ mức độ ổn định trong năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 này đã đạt được là: 56.428. Bệnh viện dự kiến 6 tháng cuối năm số lượng bệnh nhân đạt 60.000 lượt khám chữa bệnh.



Hình 2.2. Số lượt khám chữa bệnh của bệnh viện Việt Pháp Hà Nội từ năm 2013 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

2.2. Thực trạng áp dụng chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

2.2.1. hực trạng thực thi chính sách thue N N tại ệnh viện iệt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội đang áp dụng và thực hiện đúng nghĩa vụ của một đối tượng nộp thuế, tính thuế và đóng thuế theo Luật số 14- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư Số 96/2015/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC. Theo quy định doanh nghiệp hiện hành kể từ quý 4/2014 bệnh viện không phải kê khai

thuế và gửi qua mạng số thuế TNDN tạm tính mà thay vào đó là doanh nghiệp tự tính, tự nộp và cuối năm quyết toán.

Tuy nhiên, điểm mới của thông tư 151/2014/TT-BTC cho ky tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 so với các thông tư trước là: "Trường hợp tổng số thuế tạm nộp trong ky tính thuế thấp hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

Đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo quý thấp hơn số thuế phải nộp theo quyết toán dưới 20% mà doanh nghiệp chậm nộp so với thời hạn quy định (thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm) thì tính tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán".

* Thuế suất

Áp dụng thue suat10%

Với đặc thù là ngành y tế - lĩnh vực xã hội hóa theo phê duyệt của Chính phủ nên thuế thu nhập doanh nghiệp của bệnh viện được hưởng thuế suất ưu đãi áp dụng trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động khám chữa bệnh là 10% theo mục 3 điều 19 chương VI-Thông tư 78/2014/TT-BTC.Phần ưu đãi này cũng được thể hiện cụ thể trong giấy phép đầu tư mà Ủy ban nhân dân thành phố cấp: "Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực y tế (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa)".

Áp dụng thue suat phổ thông

Bên cạnh đó, bệnh viện cũng có các hoạt động kinh doanh từ thu nhập khác mang lại. Theo điều 7 Thông tư 87/2014/TT-BTC, thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong ky tính thuế mà khoản thu nhập này không

thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập sau:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản (trừ bất động sản), các loại giấy tờ có giá khác.

Khoản thu nhập này được xác định bằng (=) doanh thu thu được từ việc chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản trừ (-) giá trị còn lại của tài sản chuyển nhượng, thanh lý tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí được trừ liên quan đến việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

+ Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn bao gồm cả tiền lãi trả chậm, lãi trả góp, phí bảo lãnh tín dụng và các khoản phí khác trong hợp đồng cho vay vốn.

- Trường hợp khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn phát sinh cao hơn các khoản chi trả lãi tiền vay theo quy định, sau khi bù trừ, phần chênh lệch còn lại tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế.

- Trường hợp khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn phát sinh thấp hơn các khoản chi trả lãi tiền vay theo quy định, sau khi bù trừ, phần chênh lệch còn lại giảm trừ vào thu nhập sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

+ Thu nhập từ hoạt động bán ngoại tệ: bằng tổng số tiền thu từ bán ngoại tệ trừ (-) tổng giá mua của số lượng ngoại tệ bán ra.

+ Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá, được xác định cụ thể như sau:

Trong năm tính thuế doanh nghiệp có chênh lệch tỷ giá phát sinh trong ky và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính, thì:

- Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong ky liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong ky không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính

của doanh nghiệp, nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính, nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá tính vào thu nhập khác.

- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập hoặc chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

Đối với khoản nợ phải thu và khoản cho vay có gốc ngoại tệ phát sinh trong ky, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính vào chi phí được trừ hoặc thu nhập là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh thu hồi nợ hoặc thu hồi khoản cho vay với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận khoản nợ phải thu hoặc khoản cho vay ban đầu.

Các khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên không bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được.

+ Các khoản thu nhập liên quan đến việc tiêu thụ hàng hóa, cung cấp dịch vụ không tính trong doanh thu như: thưởng giải phóng tàu nhanh, tiền thưởng phục vụ trong ngành ăn uống, khách sạn sau khi đã trừ các khoản chi phí để tạo ra khoản thu nhập đó.

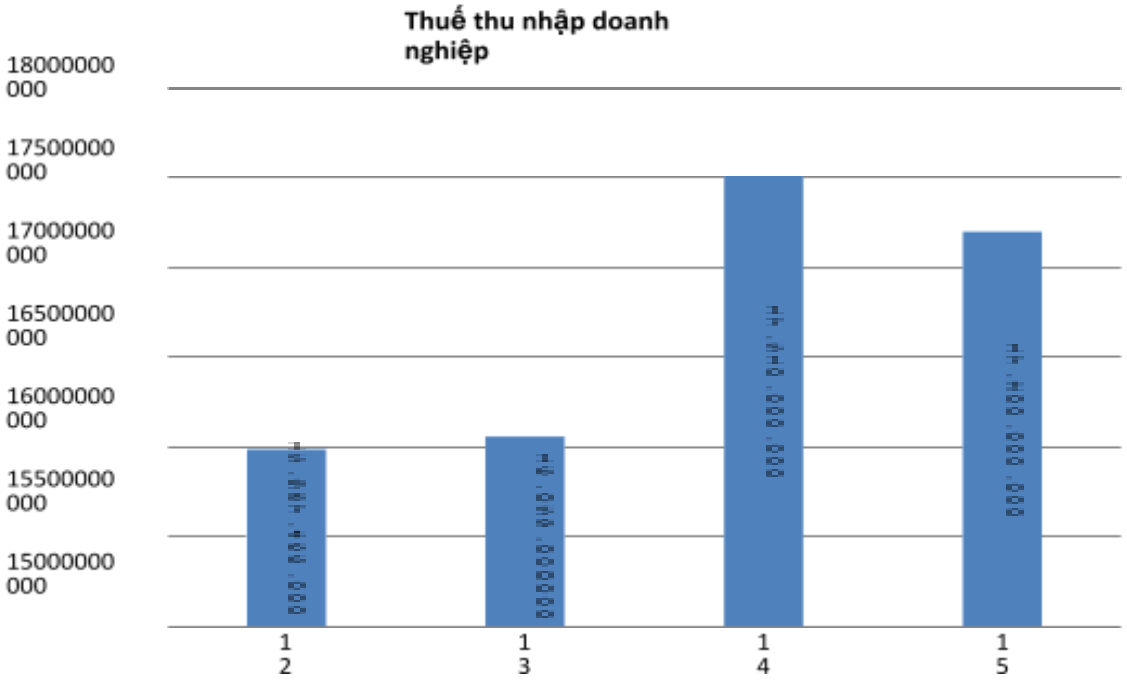
Các phần doanh thu này áp dụng thuế suất phổ thông là 25% cho năm 2013 và giảm xuống 22% trong năm 2014-2015 theo mục 1 điều 11, chương II Thông tư 78/2014/TT-BTC.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của bệnh viện phải trả được xác

định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của

bệnh viện khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp của bệnh viện được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc ky kế toán năm.

Thực trạng thuế TNDN của bệnh viện Việt Pháp Hà Nội trong 4 năm liên tiếp(2012-2015) được nêu qua biểu đồ Hình 2.3 như sau:



Hình 2.3. Thuế TNDN của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của b nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Qua biểu đồ trên cho thấy số thuế TNDN mà bệnh viện kê khai và nộp tương đối ổn định. Việc ổn định trong xác định số thuế phải nộp xuất phát từ lợi nhuận thu được từ hoạt động khám chữa bệnh là ổn định.Việc doanh thu năm 2014 tăng so với năm 2013 là 10% từ 392 tỷ lên 432 tỷ ở năm 2014 nên số thuế TNDN phải nộp cũng tăng lên mặc dù trong năm 2014 này đã áp dụng mức thuế suất phổ thông mới 22%, giảm 3% so với năm 2013.

Trong năm 2015, doanh thu cũng tiếp tục tăng nhưng chỉ tăng 1.4% so với năm 2014. Vì thế, việc tăng doanh thu chưa chắc đã tăng lợi nhuận và việc lợi nhuận tăng thì số thuế TNDN phải nộp còn phụ thuộc vào tỷ lệ lợi nhuận thu được của hoạt động khám chữa bệnh so với lợi nhuận thu được từ doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác thể hiện cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ lợi nhuận của doanh thu chính - doanh thu từ hoạt động khám chữa bệnh được tính thuế TNDN với thuế suất 10% tăng nhưng doanh thu tính thuế TNDN với thuế suất 25% của hoạt động doanh thu tài chính, doanh thu khác thì giảm.

+ Năm 2015 thuế suất phổ thông áp dụng cho hoạt động từ doanh thu tài chính, doanh thu khác thì giảm từ 25% xuống còn 22%.

Do đó, có thể nói thuế TNDN của bệnh viện Việt Pháp có hai mức thuế suất khác nhau dẫn đến số thuế TNDN phải nộp sẽ thay đổi qua các năm cũng sẽ có biến động. Cụ thể được nêu trong bảng 2.1:

Bảng 2.1. Thực trạng thuế TNDN tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Tổng năm 2012	Tổng năm 2013	Tổng năm 2014	Tổng năm 2015
1	Doanh thu phát sinh trong ky	408.646.123.620	392.203.046.561	432.664.794.873	438.935.312.672
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.646.123.620	392.203.046.561	432.664.794.873	438.935.312.672
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(197.352.356.560)	(192.748.392.681)	(221.300.912.391)	(230.704.364.219)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.293.767.060	199.454.653.880	211.363.882.482	208.230.948.453
6	Doanh thu hoạt động tài chính	18.008.555.795	23.908.560.122	25.851.897.240	26.575.017.452
7	Chi phí tài chính	(3.633.442.064)	(785.615.118)	(129.082.424)	(2.581.701.813)
	Bao gồm: + Chi phí lãi vay ngân hàng	(718.418.244)	414.266.501	(72.591.429)	(2.113.407.848)
8	Chi phí bán hàng	(1.719.679.867)	(5.657.595.966)	(5.828.849.928)	(5.432.056.867)
9	Chi phí quản lý DN	86.877.630.423	(88.385.102.728)	(93.178.577.424)	(84.022.103.822)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	137.071.570.501	128.534.900.190	138.079.269.946	142.770.103.403
11	Thu nhập khác	94.000.000	856.993.606	58.809.524	66.666.670
12	Chi phí khác	(1.188.274.285)	(7.412.873.098)	(80.439.940)	-
13	Lỗ khác	(1.094.274.285)	(6.555.879.492)	(21.630.416)	66.666.670
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	135.977.296.216	121.979.020.698	138.057.639.530	142.836.770.073
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.987.466.811)	(16.059.774.142)	(17.510.113.034)	(17.196.033.367)
16	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(329.733.893)	186.357.515	84.834.723	(173.454.984)
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	119.660.095.512	106.105.604.071	120.632.361.219	125.467.281.722

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2012-2015 của b nh vi n Vi t Pháp HN

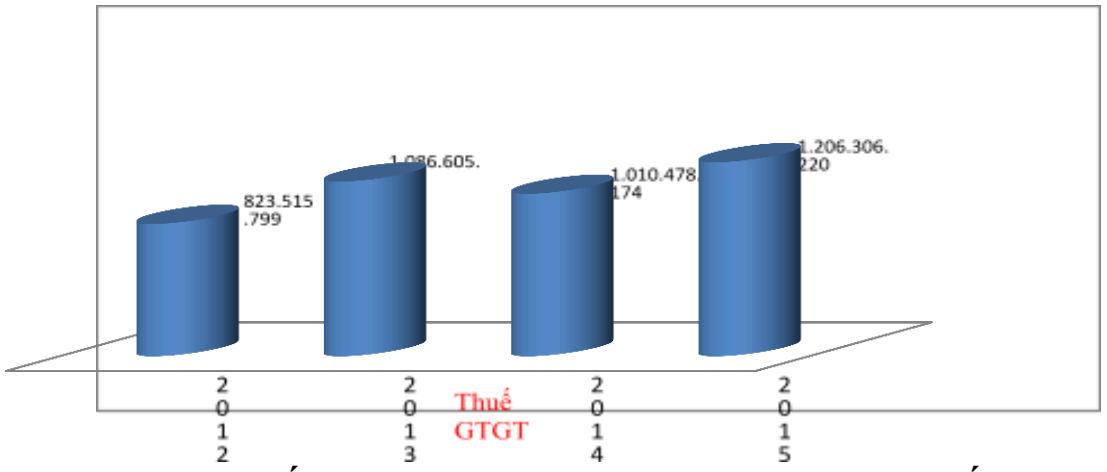
TaiLieuTuot.com

2.2.2. hực trạng áp dụng chính sách thue tại ệnh viện iệt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo quy định hiện hành áp dụng Luật thuế GTGT mới nhất hiện nay vẫn là luật thuế giá trị gia tăng số13/2008/QH12 ban hành ngày 03/06/2008 và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi số 71/2014/QH13 áp dụng từ ky thuế 1/1/2015.

Bệnh viện kê khai và nộp thuế với các mức thuế suất 5% cho hàng thuốc, thuế suất 10% cho hàng dược - mỹ phẩm, ăn uống, thanh lý tài sản cố định. Mặc dù bệnh viện sử dụng thường xuyên các mặt hàng như dụng cụ, hàng tiêu hao y tế dành cho khám chữa và phẫu thuật nhưng do phần doanh thu y tế là doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng nên bệnh viện không kê khai phần thuếgiá trị gia tăng cho những mặt hàng nêu trên. Việc kê khai và áp dụng các chính sách về thuế GTGT tương đối rõ ràng và phù hợp nên không gây khó khăn cho bệnh viện.

Trong những năm qua thuế giá trị gia tăng của bệnh viện phải nộp và kê khai không lớn so với các loại thuế khác. Tuy nhiên, bệnh viện luôn tuân thủ việc kê khai, nộp đủ, nộp đúng từng loại sắc thuế.Thực tế thuế GTGT bệnh viện Việt Pháp trong 4 năm gần đây (2012-2015) được nêu qua biểu đồ Hình 2.4 sau:



Hình 2.4. T ế GTGT của bệ ệ V ệ P ừ ăm 2012 ế ăm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội kê khai và nộp thuế GTGT chủ yếu là hàng dược chiếm tỷ lệ 90%, thuế GTGTcủa các mặt hàng khác tương đối ít hoặc không đáng kể. Như đã phân tích ở trên,do doanh thu y tế từ khám chữa bệnh là mặt hàng chịu thuế suất GTGT là 0% nên mặc dù số lượng hàng tiêu hao cho y tếdùng cho bệnh nhân trong một tháng là lớn nhưng bệnh viện không kê khai phần thuế GTGT này. Vì thế bệnh viện chỉ kê khai phần doanh thu chịu thuế suất 5% cho hàng dược, 10% cho hàng mỹ phẩm, cho dịch vụ ăn uống của nhà hàng phục vụ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, bác sĩ.

Ngoài ra là các doanh thu khác đến từ việc thanh lý máy móc hay tài sản cố định của bệnh viện. Do chu ky khấu hao máy móc, trang thiết bị của bệnh viện từ 5 năm đến 7 năm nên trong phạm vi của luận văn nghiên cứu 4 năm nên chưa nhìn thấy sự thay đổi về thuế GTGT phải nộp của doanh thu này.

Nhìn chung, từ năm 2012 đến năm 2015, thuế GTGT phải nộp tăng hoặc giảm không nhiều. Bởi lẽ, nhà thuốc của bệnh viện với mục đích không kinh doanh thuốc mà chỉ phục vụ bệnh nhân đến khám và điều trị nội trú, ngoại trú tại bệnh viện theo đơn thuốc của bác sĩ. Vì thế, số lượng bệnh nhân điều trị ổn định dẫn đến doanh thu của mặt hàng dược cũng ổn định thể hiện qua các năm trong bảng 2.2;

Bảng 2.2. Bảng kê thuế GTGT bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu		Tổng năm 2012	Tổng năm 2013	Tổng năm 2014	Tổng năm 2015
34	Tổng Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	408.664.000.000	392.203.046.561	432.664.799.887	438.934.850.521
30	Doanh thu bán ra dược, mỹ phẩmchịu thuế suất 5%	52.517.440.557	53.517.440.557	56.046.864.135	58.729.219.636
31	Thuế V T đầu ra: 5%	2.625.872.028	2.675.872.028	2.802.343.207	2.936.460.982
32	Doanh thu dịch vụ ăn uống chịu thuế suất 10%:	763.000.000	978.852.813	1.152.397.271	1.051.366.832
33	Thuế V T đầu ra: 10%	76.300.000	97.885.281	115.239.727	105.136.683
	Doanh thu khác: (Thanh lý tài sản cố định)	120.000.000	-	-	66.666.667
	Thuế V T đầu ra (5%):	6.000.000	-	-	3.333.333
23	Giá trị hàng hóa mua vào:	43.700.300.500	39.266.168.646	59.539.628.204	35.375.687.987
25	Thuế V T đầu vào được khấu trừ:	1.884.656.229	1.687.151.737	1.907.104.760	1.838.624.779
26	Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh không chịu thuế GTGT:	355.263.559.443	337.706.753.191	375.465.538.481	379.087.597.386
	Thuế phải nộp:	823.515.799	1.086.605.572	1.010.478.174	1.206.306.220

Nguồn: Báo cáo thue năm 2012-2015 của b nh vi n Vi t Pháp HN

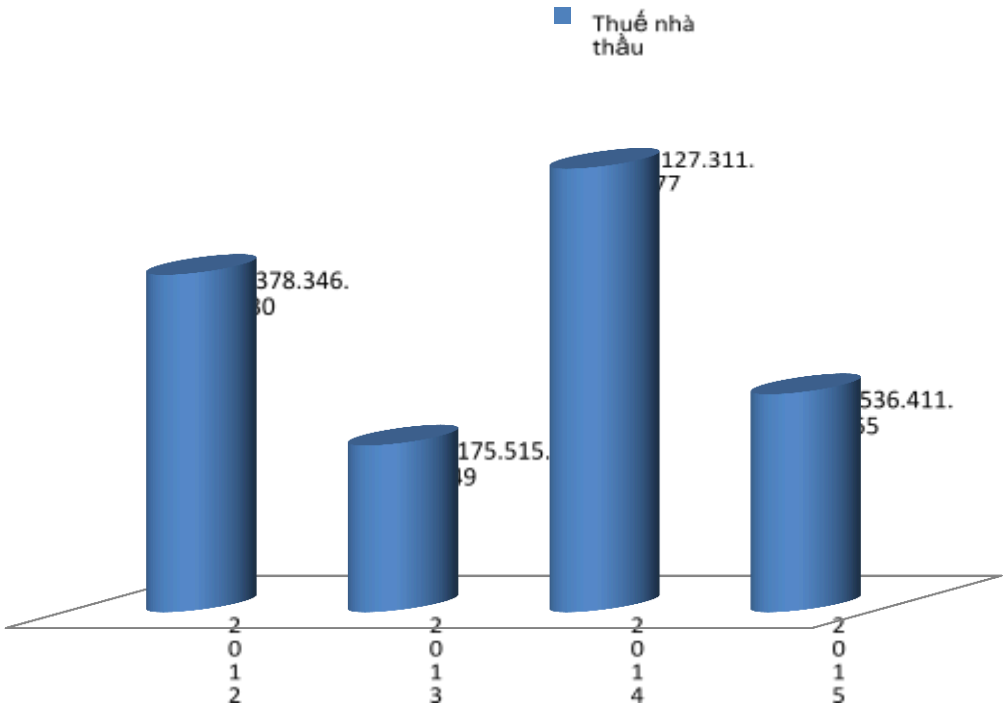
2.2.3. hực trạng thue nhà thầu tại ệnh viện iệt Pháp Hà Nội

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội là bệnh viện quốc tế nên thường xuyên có các giao dịch với đối tác là các công ty nước ngoài, các hãng bảo hiểm, đại lý bảo hiểm... Tuy nhiên, theo điều 1, chương 1 của Thông tư 103/TT-BTC ngày 6/8/2014 Bộ Tài Chính quy định đối tượng gồm có ba mục nhưng tại bệnh viện Việt Pháp áp dụng mục 3 cho đối tượng là:"Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trong đó tổ chức, cá nhân nước ngoài vẫn là chủ sở hữu đối với hàng hóa giao cho tổ chức Việt Nam hoặc chịu trách nhiệm về chi phí phân phối, quảng cáo, tiếp thị, chất lượng dịch vụ, chất lượng hàng hóa giao cho tổ chức Việt Nam hoặc ấn định giá bán hàng hóa hoặc giá cung ứng dịch vụ; bao gồm cả trường hợp uỷ quyền hoặc thuê một số tổ chức Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hoá tại Việt Nam."[24]

Việc xác định nộp thuế nhà thầu thời gian đầu khi mới thành lập và hoạt động còn tương đối khó khăn. Bởi lẽ khi bệnh viện mua máy móc trang thiết bị của các công ty hay đối tác nước ngoài thì việc sau khi hoàn thành xong việc lắp đặt và vận hành, các công ty tiếp tục cung cấp các dịch vụ như bảo dưỡng, duy tu máy móc hoặc mua linh kiện thay thế nếu có. Vậy câu hỏi đặt ra là bệnh viện có phải nộp thuế nhà thầu cho việc mua linh kiện, thiết bị thay thế và các dịch vụ sau bán hàng hay không? Sau một thời gian dài có sự tư vấn của cơ quan thuế, bệnh viện đã xác định được khoản tiền mà bệnh viện phải trả để mua linh kiện, thiết bị thay thế sẽ không phải nộp thuế nhà thầu, mà chỉ phải nộp thuế nhập khẩu. Dịch vụ như bảo dưỡng, duy tu máy móclà phần dịch vụ sau bán hàng đã được quy định rõ ràng trong hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị và đã bao gồm trong giá bán của máy móc, thiết bị do đó cũng không phải nộp thuế nhà thầu. Như vậy, để xác định rõ nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu trong hoạt động của bệnh viện quốc tế là không đơn giản và cần có sự rõ ràng hơn trong các chính sách, thông tư để tránh việc hiểu sai gây

khó khăn cho bệnh viện nhưng đồng thời cơ quan thuế vẫn thu được đúng, đủ số thuế phải thu.

Trong nhữngnăm gần đây từ năm 2012 đến năm 2015, tổng số thuế nhà thầu nước ngoài của bệnh viện Việt Pháp được nêu trong đồ thị Hình 2.5:



Hình 2.5. Thuế nhà thầu nước ngoài của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Việc kê khai thuế nhà thầu của bệnh viện áp dụng phương pháp tỷ lệ trên doanh thu hay còn gọi là phương pháp trực tiếp. Theo thông tư 103/TT-BTC ngày 6/8/2014 Bộ Tài Chính quy định, bệnh viện áp dụng và kê khai việc tính thuế nhà thầu cho phần doanh thu chịu thuế TNDN là 5% và phần doanh thu chịu thuế GTGT là 5% đối với dịch vụ. Bệnh viện tự xác định các giao dịch với phía đối tác nước ngoài là hợp đồng cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Hàng tháng, với mỗi lần phát sinh thanh toán phải trả cho đối tác nước ngoài bệnh viện đồng thời kê khai gửi qua mạng và nộp thuế nhà thầu cho khoản thanh toán nêu trên. Do đó, số kê khai phát sinh phải nộp trong tháng

cũng khớp luôn với số thuế đã nộp. Đồng thời, phía ngân hàng nơi bệnh viện mở tài khoản và thanh toán cũng kiểm soát tương đối chặt chẽ với những thanh toán cho bên đối tác nước ngoài. Bên cạnh việc yêu cầu cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ, bệnh viện còn phải cung cấp giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cho khoản thuế nhà thầu đó.Tổng hợp kê khai và nộp thuế nhà thầu cho các năm 2012 đến năm 2015 thể hiện qua bảng 2.3 sau đây;

Bảng 2.3. Tổng hợp kê khai và nộp thuế nhà thầu năm 2012-2015

Đơn vị tính: VNĐ

Nă	Thue GTGT			Thue TNDN			Tổng ố thue ph i nộp và NSNN
	Doanh thu tính thue	Thue uất thue GTGT	Thue GTGT ph i nộp	Doanh thu tính thue	Tỷ lệ thue TNDN	Thue TNDN ph i nộp	
3	5	6	7=5x6	8	9	10=8x9	11=7+10
2012	24.393.299.793	5%	1.219.664.990	23.173.634.803	5%	1.158.681.740	2.378.346.730
2013	12.056.565.630	5%	602.828.281	11.453.737.348	5%	572.686.867	1.175.515.149
2014	32.074.988.483	5%	1.603.749.424	30.471.239.059	5%	1.523.561.953	3.127.311.377
2015	15.758.069.283	5%	787.903.464	14.970.165.819	5%	748.508.291	1.536.411.755
	84.282.923.189		**4.214.146.159**	**80.068.777.030**		**4.003.438.851**	**8.217.585.011**

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Qua tổng kết nêu trên cho thấy số thuế nhà thầu đã nộp giữa các năm của bệnh viện tăng giảm liên tục. Điều này phản ánh những giao dịch của bệnh viện với phía đối tác nước ngoài cũng thay đổi. Nếu như năm 2012, bệnh viện kê khai và nộp thuế 2.3 tỷ đồng, năm 2014 là 3.1 tỷ đồng thì đến năm 2013 và 2015 số thuế nhà thầu giảm 51%.

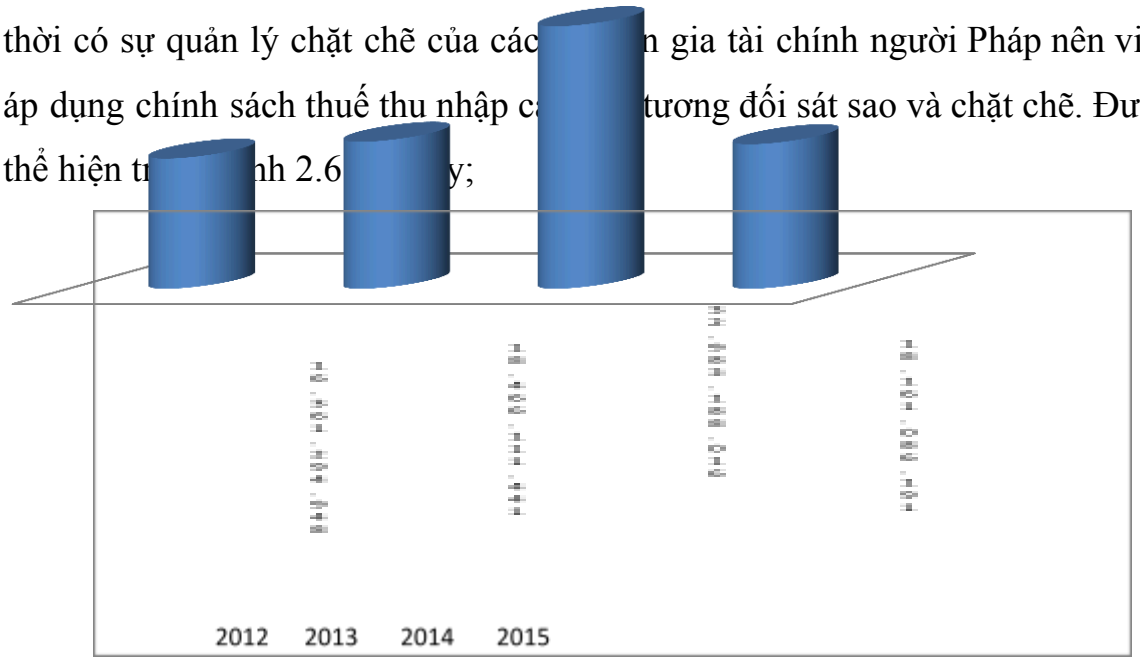
Việc tăng và giảm giữa các năm của bệnh viện gắn với chiến lược hợp tác với công ty nước ngoài về phát triển nhân sự. Năm 2012 và năm 2014, bệnh viện thúc đẩy việc hợp tác với công ty nước ngoài tại Pháp để tuyển

chọn bác sĩ chuyên môn sang làm việc lại bệnh viện. Do đó, số thuế nhà thầu trong 2 năm đã tăng vượt bậc hơn so với các năm khác. Từ năm 2015 đến nay, trong chiến lược ngắn hạn của bệnh viện là giảm dần tỷ lệ người nước ngoài làm việc tại bệnh viện nên các hợp đồng dịch vụ mà bên nước ngoài cung cấp cũng giảm dần cho đến khi bệnh viện hoàn thiện xong phần xây dựng mở rộng.

Ngoài ra, là bệnh viện quốc tế với vốn đầu tư của Pháp để tăng uy tín về mặt chất lượng và dịch vụ nên bệnh viện còn hợp tác với các bệnh viện nổi tiếng ở Pháp để cung cấp các dịch vụ tiên tiến, chất lượng cao mà tại bệnh viện Việt Nam chưa áp dụng hoặc chưa phổ biến như các xét nghiệm sàng lọc cho sơ sinh, xét nghiệm chẩn đoán bệnh sớm. Vì thế, bệnh nhân thay vì phải sang các bệnh viện của nước ngoài để khám bệnh thì nay họ đã có thể tìm thấy tại bệnh viện Việt Pháp. Các dịch vụ này tương đối ổn định và bệnh viện tuân thủ việc kê khai và nộp thuế nhà thầu cho các chi phí phát sinhnêu trên một cách chặt chẽ, thường xuyên.

2.2.4. Thực trạng thue TNCN tại ệnh viện iệt Pháp Hà Nội

Tại Bệnh viện Việt Pháp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời có sự quản lý chặt chẽ của các n gia tài chính người Pháp nên việc áp dụng chính sách thuế thu nhập c tương đối sát sao và chặt chẽ. Được thể hiện t nh 2.6 y;



Hình 2.6. T ế TNCN của bệ ệ V ệ P ừ ăm 2012 ế ăm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Hiện nay, cũng như các doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp nước ngoài, bệnh viện xác định nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân theo Luật thuế TNCN - Luật số 26/2012/QH13 và các thông tư cụ thể với các phần thu nhập sau;

2.2.4.1. Thue TNCN áp dụng thue suat theo bieu luỹ tien từng phan tính trên thu nhập tháng

Tại bệnh viện, việc xác định các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhânTheo thông tư 111/2013/TT-BTC và Thông tư 92/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2015 bao gồm:

"Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm: Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền" [18]

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

+ Cá nhân cư trú là toàn bộ nhân viên, bác sĩ, y tá có ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên

+Cá nhân cư trú là người nước ngoài ký hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lênđáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú.

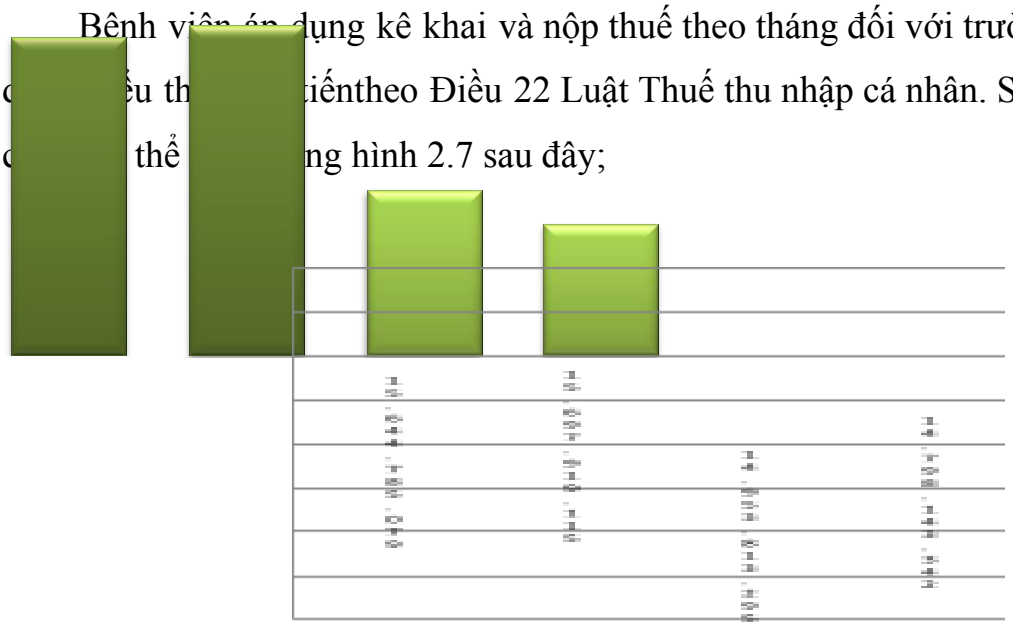
Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo hướng dẫn tại điểm này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.

- Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú, theo một trong hai trường hợp sau; nơi ở thường xuyên là nơi ở thường

trú ghi trong Thẻ thường trú hoặc nơi ở tạm trú khi đăng ký cấp Thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an cấp.

- Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể như sau: Nhà thuê để ở bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, ở nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở nơi làm việc, ở trụ sở cơ quan,... không phân biệt cánhân tự thuê hay người sử dụng lao động thuê cho người lao động.

Bệnh viện áp dụng kê khai và nộp thuế theo tháng đối với trường hợp áp dụng biểu thuế lũy tiếntheo Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân. Số thuế qua các năm thể hiện trong hình 2.7 sau đây;



Hình 2.7. Thuế TNCN theo biểu thuế lũy tiến năm 2012-2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Số thuế TNCN của bệnh viện qua các năm có giảm tuy nhiên không đáng kể. Bởi lẽ, để giảm bớt chi phí, bệnh viện chủ trương tăng tỷ lệ các bác sĩ Việt Nam, giảm tỷ lệ bác sĩ nước ngoài cư trú làm việc lâu dài tại Việt Nam. Do đó, đã có sự thay đổi giữa các năm từ 2013 sang năm 2014. Tuy nhiên, mức giảm này cũng chỉ ở mức 5% trong năm 2014 và 1% trong năm 2015. Trong tương lai, khi bệnh viện hoàn thiện phần dự án mở rộng thì số lượng bác sĩ nước ngoài thuộc đối tượng cư trú làm việc tại bệnh viện sẽ tăng lên theo từng chuyên khoa, số lượng giường bệnh như quy mô đã được phê duyệt trong giấy phép đầu tư.

2.2.4.2. Thue TNCN áp dụng thue suat 10%

Với hoạt động của một bệnh viện đa khoa nên ngoài các bác sĩ, y tá là nhân viên, đang khám, chữa bệnh cố định, thường xuyên, bệnh viện còn có liên kết với một số bác sĩ, y tá của các bệnh viện khác tại Hà Nội như bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức, Phụ sản trung ương, Nhi trung ương.v.v để cùng tham gia khám, chữa bệnh, hội chẩn, chăm sóc bệnh nhân. Đối với các bác sĩ, y tá làm việc không thường xuyên nêu trên, bệnh viện trả thu nhập theo tháng phát sinh và phần thu nhập này được áp dụng tại khoản 1 điều 25 - Khấu trừ thuế của thông tư 111/2013/TT-BTC, theo đó ;"i) Khấu trừ thuế đối với một số trường hợp khác: Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân." Trước đây trong thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 còn quy định cụ thể hơn đối với trường hợp này như sau "áp dụng mức khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trả cho các cá nhân có mã số thuế và 20% đối với cá nhân không có mã số thuế". Đồng thời "tổ chức ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ với các cá nhân, tổ chức ký hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ có trách nhiệm thông báo cho các cá nhân về tỷ lệ khấu trừ nêu trên để cá nhân làm thủ tục xin cấp mã số thuế.". Do đó, bệnh viện phải theo dõi kê khai chặt chẽ và chi tiết hơn.

Số lượng các bác sỹ, y tá làm việc không thường xuyên là cộng tác viên của bệnh viện rất đông nhưng chỉ khi có những yêu cầu đặc biệt bệnh viện sẽ mời sang. Vì vậy, tiền lương, tiền công trả cho bác sĩ, y tá cũng luôn biến động trong các năm. Đồng nghĩa với đó là thuế suất 10% mà bệnh viện khấu trừ cũng thay đổi theo, thể hiện qua số liệu dưới đây:

2012	2013	2014	2015
408.637.945	979.018.595	3.150.278.321	907.819.365

Bên cạnh việc các bác sĩ, y tá sang khám, chữa bệnh và điều trị cho bệnh nhân tại bệnh viện còn có những bác sĩ chỉ đơn thuần là tư vấn và giới thiệu bệnh nhân sang phẫu thuật, điều trị chất lượng cao tại đây cũng được bệnh viện hoan nghênh và trả phí tư vấn, giới thiệu. Do đó, việc tăng thuế 10% phải nộp trong năm 2014 một cách đột biến cũng là một trong những lý do mà bệnh viện đã áp dụng chính sách thu hút bệnh nhân từ các bệnh viện công nơi mà chưa đáp ứng được yêu cầu về dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao từ người dân.

2.2.4.3. Thue TNCN áp dụng thue suat 5%

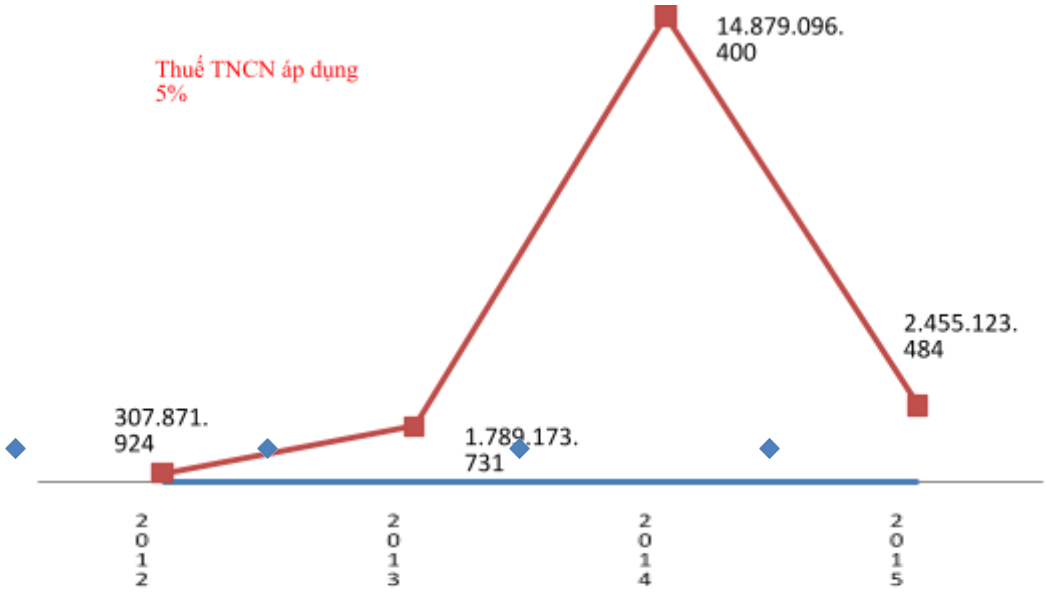
Là một bệnh viện quốc tế nổi tiếng tại Hà Nội, bệnh viện Việt Pháp bên cạnh các bác sĩ Việt Nam thực hiện khám, chữa bệnh thì còn có một số lượng đông đảo các bác sĩ nước ngoài làm việc luân phiên, không thường xuyên tại bệnh viện. Đối với các bác sĩ không cư trú cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, giúp đào tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến cho bác sĩ Việt Nam, bệnh viện xem xét và xác định rằng những đối tượng trên áp dụng là đối tượng không cư trú hành nghề dịch vụ độc lập theo căn cứ theo điều 17 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN:

"Doanh thu: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định như doanh thu làm căn cứ tính thuế từ hoạt động kinh doanh của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 8 Thông tư này.

Thue suat: Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú quy định đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh như sau: b) 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ."

Trong suốt một thời gian dài từ năm 2000 đến năm 2009, trải qua nhiều ky thanh tra, kiểm tra, phần kê khai và nộp thuế đối với các bác sĩ nước ngoài

đến làm việc theo hợp đồng dịch vụ tại bệnh viện đều được cơ quan thuế chấp nhận. Số thuế TNCN mà bệnh viện đã kê khai và nộp qua từng năm luôn thay đổi thể hiện qua biểu đồ Hình 2.8;



Hình 2.8. Số thuế TNCN áp dụng thuế suất 5% từ 2012 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Tuy nhiên, năm 2014 khi thanh tra thuế đến kiểm tra đã không đồng ý với cách kê khai, xác định thuế suất 5% của bệnh viện và yêu cầu truy thu thuế cho các năm 2009-2012. Theo cán bộ thuế thuộc phòng thanh tra 4- Cục thuế Hà Nội, đây là thu nhập từ tiền lương, tiền công của đối tượng không cư trú quy định tại điều 18 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013: "1.Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (×) với thuế suất 20%.

Vì thế, chấp hành quyết định số 1207QĐ/TT-TTr4 của phòng thanh tra 4, bệnh viện Việt Pháp Hà Nội vẫn tuân thủ và nộp số thuế chênh cho các năm 2009-2012. Do đó, số thuế TNCN của bệnh viện đã nộp tăng đột biến 732% trong năm 2014 so với năm trước liền kề 2013. Các năm tiếp theo từ 2013 đến 2015, bệnh viện tiếp tục kê khai và nộp thuế 5% cho các trường hợp bác sĩ làm

việc luân phiên tại bệnh viện. Đồng thời, đối với phần thuế TNCN này, bệnh viện vẫn chưa đồng tình với kết luận thanh tra của phòng thanh tra 4 thuộc cục thuế HN và đã gửi nhiều công văn lên Tổng cục thuế, Bộ Tài chính.

Việc quy định thuế TNCN đối với trường hợp này trong chính sách thuế TNCN chưa rõ ràng trong một thời gian dài, cũng như nhiều quy định quá phức tạp về quản lý hoạt động của chuyên gia nước ngoài làm việc trong lĩnh vực y tế dẫn đến rất nhiều khó khăn cho bệnh viện trong việc xác định nghĩa vụ thuế để kê khai. Nếu chỉ căn cứ trên Luật và các thông tư áp dụng cho thuế, cho ngành y tế cũng chưa đủ căn cứ để áp thuế suất cho trường hợp bác sĩ nước ngoài mà phải căn cứ vào ý kiến trả lời từ các Bộ.

Bảng 2.4. Thực trạng thuế TNCN tại bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012-2015

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đ n vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
				Số người/Số tiền	Số người/Số tiền	Số người/Số tiền	Số người/Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	507	507	551	507
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	377	377	393	377
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	427	427	461	427
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	389	389	389	389
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	50	38	72	38
3	Tổng TNCT trả cho cá nhân [26]=[27]+[28]+[29]	[26]	VNĐ	110.063.652.068	124.088.388.492	210.389.312.444	133.097.418.924
3.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[27]	VNĐ	104.437.912.998	105.352.333.887	104.491.047.234	111.743.607.854
3.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[28]	VNĐ	4.086.379.450	9.790.185.950	31.502.783.210	9.078.193.650
3.3	Cá nhân không cư trú	[29]	VNĐ	1.539.359.620	8.945.868.655	74.395.482.000	12.275.617.420
4	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [30]=[31]+[32]+[33]	[30]	VNĐ	101.572.312.395	115.597.048.819	201.897.972.571	127.197.886.758

TaiLieuTuoi.com

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đ n vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
				Số người/Số tiền	Số người/Số tiền	Số người/Số tiền	Số người/Số tiền
4.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[31]	VNĐ	95.946.573.325	96.860.994.214	95.999.707.361	105.844.075.688
4.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[32]	VNĐ	4.086.379.450	9.790.185.950	31.502.783.210	9.078.193.650
4.3	Cá nhân không cư trú	[33]	VNĐ	1.539.359.620	8.945.868.655	74.395.482.000	12.275.617.420
5	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [34]=[35]+[36]+[37]	[34]	VNĐ	16.361.294.948	18.466.111.441	32.983.188.016	18.161.086.191
5.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[35]	VNĐ	15.644.785.079	15.697.919.115	14.953.813.295	14.798.143.342
5.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[36]	VNĐ	408.637.945	979.018.595	3.150.278.321	907.819.365
5.3	Cá nhân không cư trú	[37]	VNĐ	307.871.924	1.789.173.731	14.879.096.400	2.455.123.484

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

2.2.5. Thực trạng thue n ài tại ệnh viện iệt Pháp Hà Nội

Căn cứ Thuế Môn bài của bệnh viện được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 75/2002/NĐ-CP và Thông tư số 96/2002/TT-BTC; Thông tư số 42/2003/TT-BTC. Thuế Môn bài được p ở bậc 1 là 3.000.000 đồng/năm với vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng căn cứ theo vốn đăng ký ghi trong giấy giấy phép đầu tư và một phòng khám thuộc bệnh viện nộp thuế Môn bài theo mức thống nhất 1.000.000 đồng/năm.

Do quy định về thuế môn bài tương đối rõ ràng và không có nhiều Nghị định, thông tư ban hành xen kẽ nên việc xác định nghĩa vụ thuế và kê khai với bệnh viện hoàn toàn chính xác. Bệnh viện luôn nộp đúng, đủ số thuế theo quy định và đúng hạn trước ngày 20/1 hàng năm. Sau đây là số thuế môn bài bệnh viện đã kê khai và nộp qua các năm thể hiện trong Bảng 2.5;

Bảng 2.5. Thực trạng thuế Môn bài tại bệnh viện Việt Pháp năm 2012-2015

Đơn vị tính: Vi t Nam Đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Vốn đăng ký, mức thu nhập bình quân tháng	Bậc môn bài	Mức thuế môn bài năm 2012	Mức thuế môn bài năm 2013	Mức thuế môn bài năm 2014	Mức thuế môn bài năm 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)	(6)	(6)
I	Người nộp thuế môn bài	[22]						
1	CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN VIỆT PH P HÀ NỘI		426.784.000.000	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
II	Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (ghi rõ tên, địa chỉ)	[23]						
1	Phòng khám Trung Hòa-Tòa nhà 24T1-Hoàng Đạo Thúy		0	4	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000

TaiLieuTuoi.com

III	Tổng số thuế môn bài phải nộp	[24]			4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Việc kê khai và nộp thuế môn bài của bệnh viện là ổn định từ năm 2012 đến nay. Bởi lẽ, từ thời điểm thành lập bệnh viện kê khai và nộp thuế theo bậc 1 là 3.000.000 đồng/năm áp dụng vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng theo vốn đăng ký ghi trong giấy giấy phép đầu tư. Sau khi thành lập phòng khám đa khoa tại khu Trung Hòa vào năm 2006, bệnh viện đã kê khai bổ sung cho phòng khám thuộc bệnh viện với mức thuế Môn bài 1.000.000 đồng/năm. Do đó, hàng năm trước ngày 20 của tháng 1, bệnh viện thực hiện việc kê khai qua mạng và nộp thuế như đúng quy định của cơ quan thuế.

2.2.6. Thực trạng thue và các h n ph i nộp hác tại ệnh viện iệt Pháp

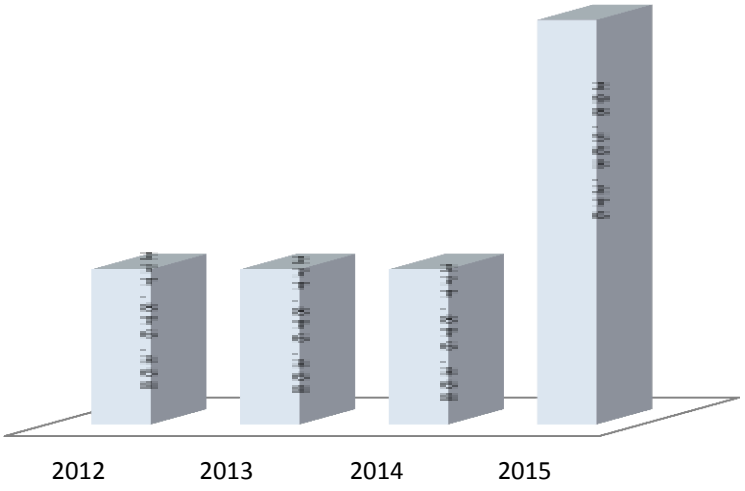
Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật đất đai, bệnh viện Việt Pháp ký Hợp đồng thuê đất số 21-2001/ĐCNĐ-HĐTĐTN ngày 16/02/2001, Phụ lục hợp đồng số 32/PLHĐTĐ 15/02/2012 với Sở tài nguyên môi trường Hà Nội và Quyết định số 2478/QĐ-STC ngày 06/06/2012 của Sở tài chính phê duyệt đơn giá thuê đất cho diện tích 10.024.4 m2 như sau;

+Từ ngày 27/9/2000 đến ngày 27/9/2005 áp dụng đơn giá thuê đất ổn định là 1đô la Mỹ/1m2/năm.

+Từ ngày 27/9/2005 đến ngày 27/9/2010 áp dụng đơn giá thuê đất là 1,15 đô la Mỹ/1m2/năm.

+Từ ngày 27/9/2010 đến ngày 27/9/2015 áp dụng đơn giá thuê đất là 1,32 đô la Mỹ/1m2/năm.

Với quyết định nêu trên, bệnh viện Việt Pháp luôn tuân thủ và nộp thuế đúng, đủ theo hạn quy định trước 20/1 hàng năm được thể hiện cụ thể qua đồ thị Hình 2.9 sau đây:



Hình 2.9. Tiền thuê đất của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Tuy nhiên, đến năm tháng 9 năm 2015, căn cứ theo Nghị định số 46/2014NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ tài chính, công văn số 6272/UBND-KT ngày 21/8/2014 của UBND TP Hà Nội về việc thu tiền thuê đất, bệnh viện đã trình công văn lên Cục thuế TP Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho 5 năm tiếp theo. Do hợp đồng Hợp đồng thuê đất số 21-2001/ĐCNĐ-HĐTĐTN ngày 16/02/2001 bệnh viện ký với Sở tài nguyên môi trường Hà Nội trong mục 5.3 của điều 5: "Mức tiền thuê đất được điều chỉnh lại sau mỗi chu ky 5 năm và có tỷ lệ gia tăng không vượt quá 15% so với lần công bố trước đó. Do vậy, trong thông báo số 5963/TB-CT-QLĐ ngày 21/9/2015 của Cục thuế TP Hà Nội đã nêu đơn giá cho thuê diện tích đất 10.024.4m2 rất rõ ràng:

"Đơn giá thuê đất để xây dựng cơ sở khám chữa bệnh cho người Việt Nam và người nước ngoài là: 1.518 đô la Mỹ/1m2/năm. Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất 05 năm từ ngày 27/9/2015 đến hết ngày 26/9/2020.

Bảng 2.6. Kê khai và nộp tiền thuê đất tại bệnh viện Việt Pháp năm 2012-2015

Đơn vị tính: Vi t Nam Đồng

Phần kê khai	Diện tích đất thuê	Ngày bắt đầu tính tiền thuê đất		Đ n giá thuê đất (USD/m2/năm)	Số tiền phải nộp	Ghi chú
Lô A Mã điểm đất KT10034	$ 10.024,40	01/01/2012	31/12/2012	$ 1.320	277.876.368	(VND)
	$ 10.024,40	01/01/2013	31/12/2013	$ 1.320	277.876.368	(VND)
	$ 10.024,40	01/01/2014	31/12/2014	$ 1.320	277.876.368	(VND)
	$ 10.024,40	01/01/2015	26/09/2015	$ 1.320	288.691.859	(VND)
	$ 10.024,40	27/09/2015	31/12/2015	$ 1.518	9.871.417	(VND)
Cộng :	*$ 10.024,40*				*1.132.192.380*	(VND)

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

2.3. Thành công và những hạn chế trong quá trình áp dụng chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội

2.3.1. Thành c ng

Bệnh viện luôn tự triển khai và thực hiện tương đối tốt chính sách thuế bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như cập nhật các Luật, thông tư mới hay những thay đổi trong quản lý thuế. Bên cạnh đó bệnh viện cũng hợp tác với các đơn vị tư vấn thuế để luôn có những tư vấn hữu ích cho bệnh viên. Do đó, bệnh viện đã xác định được thuế suất phải nộp tương đối chính xác, tránh được việc kê khai thiếu, chưa đúng dẫn đến phải nộp phạt do kê khai thiếu hay vi phạm pháp luật về thuế. Sau đây là tổng hợp số thuế mà bệnh viện đã kê khai và nộp từ năm 2012-2015 thông qua bảng 2.7:

Bảng 2.7. Tổng số thuế đã nộp của bệnh viện Việt Pháp từ năm 2012 đến năm 2015

Đơn vị tính: Vi t Nam Đồng

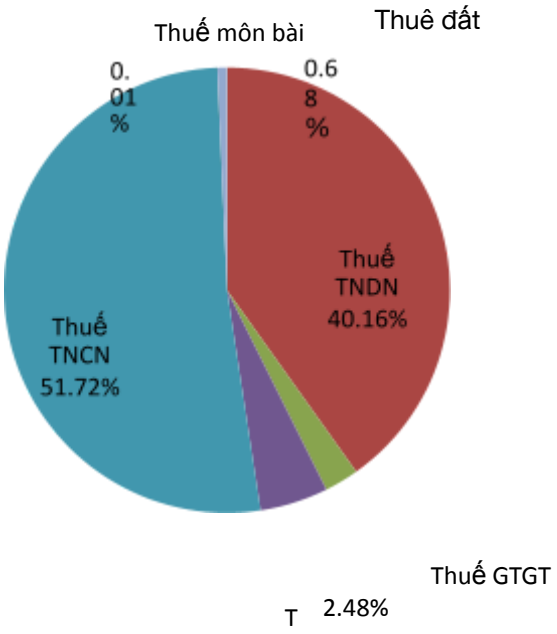
Năm	2012	2013	2014	2015
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.987.466.000	16.059.000.000	17.510.000.000	17.200.000.000
Thuế giá trị gia tăng	823.515.799	1.086.605.572	1.010.478.174	1.206.306.220
Thuế nhà thầu	2.378.346.729	1.175.515.149	3.127.311.377	1.536.411.755
Thuế thu nhập cá nhân	16.361.294.948	18.466.111.441	32.983.188.016	18.161.086.191
Thuế môn bài	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Thuê đất	277.876.368	277.876.368	277.876.368	298.563.276
Tổng cộng	**35.832.499.844**	**37.069.108.530**	**54.912.853.935**	**38.406.367.442**

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

Việc kê khai thuế của bệnh viện cũng đã chuyển từng bước từ nộp thuế tự tính, tự khai và nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế, đến nay đã triển khai và thực hiện tương đối tốt quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế và hoàn thành một bước cơ bản song song với hiện đại hoá công tác quản lý của ngành thuế.

Bệnh viện đã tổ chức được một cơ cấu bộ máy kế toán chuyên nghiệp, nắm vững chuyên môn nghiệp vụ áp dụng đúng, kịp thời chính sách thuế của nhà nước.

Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời nghĩa vụ thuế, tính và đóng thuế đúng thời hạn và quy định của pháp luật.



Hình 2.10. Tỷ trọng các loại thuế đã nộp của bệnh viện từ 2012 – 2015

Nguồn: Báo cáo tài chính kã kiem toán của B nh vi n Vi t Pháp Hà N i

2.3.2. Hạn che

Do đó, có thể nhận thấy hệ thống chính sách thuế của nước ta chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế và chưa lường hết các nguồn thu trong quá trình phát triển xã hội. Trong quá trình thực hiện chưa sâu sát thực tế, chưa phát hiện và đề xuất kịp thời các biện pháp phù hợp để điều chỉnh sao cho tránh thất thu thuế cũng như không gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Hệ thống chính sách thuế hiện hành còn nhiều mức thuế suất khác nhau, còn mang tính "bao bọc" các doanh nghiệp trong nước, thiếu sự chọn lọc về

ngành nghề ưu đãi. Vì thế, chưa thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ quản lý.

Hệ thống chính sách thuế chưa thực sự đảm bảo sự bình đ ng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế còn có sự phân biệt về thuế suất, điều kiện ưu đãi, mức, thời gian miễn giảm thuế giữa các ngành nghề, địa bàn đầu tư, mức độ thỏa mãn điều kiện ưu đãi đầu tư tạo lợi thế cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính lớn, công nghệ cao.

Hệ thống chính sách thuế vẫn còn lồng ghép nhiều chính sách nhưng lại thiếu tính bọc lót cho nhau, còn nhiều mức miễn giảm thuế làm hạn chế tính

trung lập, chưa đảm bảo tính công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, dễ phát sinh tiêu cực, làm phức tạp cho công tác quản lý thuế của nhà nước và khó khăn cho doanh nghiệp khi áp dụng thực tiễn.

Những khía cạnh hạn chế nêu trên được thể hiện khi bệnh viện áp dụng một số sắc thuế trong quá trình hoạt động kinh doanh như sau:

Do thường xuyên phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nên việc áp dụng các qui định của pháp luật thuế trong hoạt động quản lý thuế còn gặp nhiều khó khăn và xảy ra tình trạng chậm trễ. Bên cạnh đó, chính sách thuế nhiều khi còn chưa rõ ràng khi áp dụng cho bệnh viện. Đồng thời, bệnh viện còn phải chịu sự giám sát việc thực thi chính sách thuế của ngành, lĩnh vực, cụ thể là của Bộ y tế, Bộ kế hoạch đầu tư.

Vi c áp dụng thue thu nhập doanh nghi p

Thực tế, việc xác định nghĩa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của bệnh viện Việt Pháp HN vẫn còn nhiều bất cập khi áp dụng các thông tư vào hoạt động thực tiễn tại bệnh viện. Như quy định hiện hành tại Thông tư số 15/2011/TT-BYT ngày 19/4/2011, mục 3 điều 3, chương I: "bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài không được mở cơ sở bán lẻ thuốc của chính bệnh viện, không được liên doanh liên kết để thành lập cơ sở bán lẻ thuốc, trừ trường hợp được Chính phủ cho phép triển khai thí điểm. Để đảm bảo nguồn cung ứng thuốc cho bệnh nhân, bệnh viện tạo điều kiện để doanh nghiệp kinh doanh thuốc hoặc cá nhân tổ chức cơ sở bán lẻ thuốc theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam".[26]

Đồng thời, cơ sở bán lẻ thuốc phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc theo quy định tại Thông tư 02/2007/TT-BYT ngày 24/01/2007 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều về điều kiện kinh doanh thuốc theo quy định của Luật Dược và Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Dược. Do đó, cơ sở kinh doanh nhà thuốc phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% cho năm 2013 và thuế suất 22% trong năm 2014-2015. Tuy

nhiên, với bệnh viện nhà nước thì quy định này dường như là phù hợp nhưng với bệnh viện quốc tế mà cụ thể là bệnh viện Việt Pháp thì còn nhiều bất cập, bởi lý do sau đây:

+ Nhà thuốc của bệnh viện quy định không bán thuốc mà không có đơn thuốc của bác sĩ và bệnh viện, không bán thuốc nếu không phải là bệnh nhân đến khám tại bệnh viện.

+ Tại bệnh viện Việt Pháp, việc khám, chữa bệnh và điều trị là một quy trình khép kín nên việc tách phí khám, chữa bệnh và phí liên quan đến thuốc trong quá trình điều trị là tương đối khó.

+ Quy định của Bộ y tế là bệnh viện không được phép kinh doanh thuốc và nhà thuốc trong bệnh viện phải là cá nhân dược sỹ có đủ tiêu chuẩn như Bộ y tế yêu cầu mới được cấp giấy phép kinh doanh dược. Chức năng khoa dược của bệnh viện là cung cấp, phát thuốc cho điều trị nội trú, điều trị trong ngày và điều trị ngoại trú. Thực tế, tại đây dược sỹ đứng tên kinh doanh nhà thuốc và khoa dược lại là nhân viên của bệnh viện nên việc hạch toán riêng rẽ chi phí là không thể thực hiện được. Đây là vấn đề mà bản thân các thanh tra thuế khi làm việc với bệnh viện Việt Pháp cũng nhận thấy khó xác định rõ ràng.Chính vì thế Bộ tài chính cần phối hợp với Bộ y tế để có một chính sách cụ thể, linh hoạt hơn để bệnh viện dễ áp dụng khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vi c áp dụng thue thu nhập cá nhân

Tại bệnh viện, trong quá trình áp dụng chính sách về thuế thu nhập cá nhân còn nhiều bất cập mà đến nay vẫn chưa nhất quán giữa cơ quan Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Hà Nội. Trong thời gian hoạt động kể từ năm 1997 đến nay, đã có nhiều lần Cơ quan thuế vào thanh tra, kiểm tra tại Bệnh viện, nhưng có nhiều ý kiến khác nhau về việc kê khai thuế đối với các bác sỹ người nước ngoài làm việc chuyên môn không thường xuyên tại Bệnh viện, cụ thể như sau:

+ Từ năm 1997 đến năm 2004 là giai đoạn chưa có luật thuế TNCN, Bệnh viện kê khai và nộp thuế cho khoản thu nhập của bác sĩ nước ngoài làm việc chuyên môn không thường xuyên là 5% và thuộc đối tượngcó thu nhập từ chuyển giao công nghệ. Với ky thuế nêu trên, khi thanh tra thuế đến làm việc tại bệnh viện cũng đồng ý và chấp nhận việc kê khai trên là phù hợp. Bởi vì bệnh viện đã áp dụng theo:

- Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (sửa đổi) đã được Uỷ ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá I) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 1994.

"1- Đối với người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì thu nhập chịu thuế là tổng số thu nhập phát sinh tại Việt Nam, được chi trả cho công việc tiến hành tại Việt Nam, không phân biệt nơi nhận thu nhập ở Việt Nam hay ở nước ngoài"

2- Thu nhập không thường xuyên chịu thuế:

Căn cứ theo Điều 12 chương II – Căn cứ tính thuế và biểu thuế; " Riêng đối với: Thu nhập về chuyển giao công nghệ trên 2 triệu đồng/lần được tính theo tỷ lệ thống nhất 5% trên tổng số thu nhập".

+Thời ky thanh tra từ năm 2004 đến năm 2008: Kết luận thanh tra số 20150/KL-CT-TTr1 và Quyết định số 20151/QĐ-CT-TTr1 ngày 19/11/2009 của Cục Thuế TP Hà Nội chấp nhận quan điểm áp dụng thuế suất 5% đối với thu nhập từ hợp đồng dịch vụ của các bác sỹ người nước ngoài làm việc chuyên môn không thường xuyên tại Bệnh viện. Văn bản áp dụng giai đoạn này:

-Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/08/2004 và thông tư số 12/2005/TT-BTC ngày 04/02/2005 - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

"1.3. Người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam bao gồm:

- Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cá nhân hành nghề độc lập tại Việt Nam."

Thuế suất đối với thu nhập không thường xuyên được áp dụng đối với tổng thu nhập chịu thuế. Thuế suất 5% đối với thu nhập chịu thuế về chuyển giao công nghệ.

+ Từ năm 2009 đến nay, kể từ khi có Luật thuế thu nhập cá nhân, bệnh viện xem xét và hiểu rằng những đối tượng trên áp dụng là đối tượng không cư trú hành nghề dịch vụ độc lập theo Điều 17 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN:

"Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định như doanh thu làm căn cứ tính thuế từ hoạt động kinh doanh của cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 8 Thông tư này.

Thuế suất: Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú quy định đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ là 5%."

Theo Điều 28 Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hiệp định tránh đánh thuế hai lần định nghĩa thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập được hiểu như sau:

"Theo quy định tại Hiệp định, thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập là thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam thu được từ hoạt động độc lập để cung ứng các dịch vụ ngành nghề như dịch vụ khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy, cụ thể là hoạt động hành nghề độc lập của các bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ, kế toán và kiểm toán viên.

Đồng thời các bác sĩ có đủ chứng chỉ hành nghề được Bộ y tế Việt Nam cấp và đáp ứng mọi điều kiện theo quy định tại Điều L.411 - 1, Luật y tế công tại Pháp, để hành nghề ở Pháp, các bác sỹ sẽ phải thỏa mãn 3 điều kiện sau:

- Có quốc tịch phù hợp theo quy định của điều luật trên;
- Có bằng cấp theo quy định của điều L.4131 Luật y tế công;
- Phải được cấp phép hành nghề y của Hội đồng cấp tỉnh.

Tuy nhiên, khi cơ quan Thuế vào kiểm tra giai đoạn từ năm 2009-2012 đã áp dụng thuế suất 20% đối với thu nhập từ hợp đồng dịch vụ của các bác sỹ người nước ngoài làm việc chuyên môn không thường xuyên tại Bệnh viện.

Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội chưa nhất trí với quan điểm của cơ quan thuế do chính sách thuế quy định chưa nhất quán. Để có được hướng dẫn của Tổng cục Thuế về việc áp dụng mức thuế Thu nhập cá nhân cho các bác sỹ người nước ngoài làm việc chuyên môn không thường xuyên. Bệnh viện đã nhiều lần gửi công văn đến cơ quan thuế như công văn số 08122014/BGĐ-BVVPHN ngày 12/12/2014, công văn số 004082015/BGĐ-BVVPHN ngày 12/8/2015,... nhưng các công văn trả lời của Tổng cục Thuế và Cục Thuế Hà Nội chưa rõ ràng, chưa nêu đầy đủ căn cứ pháp lý cho Bệnh viện thực hiện chính sách.

Như vậy, có thể thấy việc xác định kê khai thuế TNCN đối với các bác sĩ (chuyên gia) người nước ngoài không cư trú ký hợp đồng cung cấp dịch vụ y tế tư vấn đào tạo chuyên môn, khám chữa bệnh tại Bệnh viện là vấn đề phức tạp và còn nhiều quan điểm khác nhau ngay cả giữa các cán bộ thuế, các Đoàn thanh tra của cơ quan thuế cũng như qua tham khảo của chúng tôi đối với các bệnh viện tại TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh có thuê chuyên gia nước ngoài cung cấp dịch vụ nêu trên đều chưa hiểu rõ quy định kê khai đối với trường hợp này. Chỉ đến khi Tổng cục Thuế lấy ý kiến các Bộ chuyên ngành (Bộ Y tế, Bộ Lao động - thương binh - xã hội,...) thì nội dung này mới được kết hợp làm rõ tại Công văn số 834/TCT-TNCN ngày 3/3/2016.

Việc quy định thuế TNCN đối với trường hợp này trong chính sách thuế TNCN chưa rõ ràng trong một thời gian dài, cũng như nhiều quy định quá phức tạp về quản lý hoạt động của chuyên gia nước ngoài làm việc trong lĩnh vực y tế dẫn đến rất nhiều khó khăn cho bệnh viện trong việc xác định nghĩa vụ thuế để kê khai. Điều này dẫn đến những ảnh hưởng không nhỏ về tài chính và định hướng đầu tư của bệnh viện trong thời gian vừa qua.

Qua đây, có thể thấy được nếu chỉ căn cứ trên Luật và các thông tư áp dụng cho thuế, cho ngành y tế cũng chưa đủ căn cứ để áp thuế suất cho trường hợp bác sĩ nước ngoài mà phải căn cứ vào ý kiến trả lời bằng văn bản của các Bộ như Vụ chính sách - Bộ y tế, Vụ chính sách, Vụ lao động-tiền lương của Bộ Công Thương, Vụ chính sách - Bộ lao động thương binh và xã hội.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn che

Sở dĩ trong thời gian vừa qua, hệ thống chính sách thuế áp dụng đối với các bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam còn tồn tại một số vấn đề bất cập là xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Chính sách hội nhập và sự tác động của nền kinh tế mở cửa một mặt tạo cơ hội cho sự phát triển, nhưng một mặt cũng gây không ít khó khăn cho công tác hoàn thiện chính sách thuế. Một số khó khăn có thể kể đến đó là;

Thú nhat, tính nhạy cảm trong công tác quản lý chính sách thuế đối với các bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài. Việc quản lý áp dụng các chính sách thuế đối với các bệnh viện không đơn thuần là kiểm tra nguồn thu thuế và hoạt động kinh doanh của bệnh viện mà còn liên quan đến yếu tố chính trị, văn hóa, ngoại giao.

Thú hai, để thu hút vốn đầu tư nước ngoài về lĩnh vực xã hội hóa, đặc biệt là y tế, Việt Nam đã ban hành những chính sách về ưu đãi, miễn giảm thuế, nhằm tạo ra sức hút khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, những chính sách này cũng đang tạo ra những lỗ hổng cho hoạt động gian lẫn trốn thuế đối với khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài .

Thứ ba, khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế với các nước trên thế giới cũng như khu vực, chính phủ đã tham gia ký kết các hiệp định về thuế để nhằm tình trạng đánh thuế hai lần tại hai quốc gia cho một sắc thuế. Thực tế, các hiệp định này cũng đã tạo ra những kẽ hổng không nhỏ để tránh thuế, trốn thuế và gian lận thuế tại một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nói chung và bệnh viện quốc tế nói riêng.

Thứ tư hiện tại số lượng bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng đã tăng lên đáng kể cả về số lượng lẫn quy mô so với trước đây. Việc xây dựng và phát triển bệnh viện thường chiếm một diện tích lớn đất đai nên thường xây dựng tại khu vực xa trung tâm, phân bố trên diện rộng nên khó khăn cho công tác giám sát, quản lý thực tế của cơ quan thuế, Bộ y tế, Sở kế hoạch đầu tư. Do đó, dẫn đến tình trạng khó nắm bắt và kiểm soát tình hình thực hiện chính sách thuế, nộp thuế của bệnh viện.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách thuế còn thiếu tính cụ thể, tính xác thực. Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về thuế ở Việt Nam thiếu tính ổn định lâu dài, thường xuyên phải thay đổi, sửa đổi bổ sung. Điều này không chỉ tạo nên sự chồng chéo của các thông tư khiến doanh nghiệp lúng túng khi áp dụng mà còn khiến cho chính các cán bộ thuế, cán bộ ngành y tế khó khăn trong công tác quản lý, giám sát bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài. Tình trạng này xảy ra còn do các cơ quan thi hành luật chưa có tầm nhìn lâu dài, dù đã quan tâm tới tính trễ của các văn bản luật nhưng thời gian áp dụng của các văn bản này thường không dài. Chỉ một thời gian sau khi ban hành đã bộc lộ những lạc hậu so với điều kiện và tình hình mới.

Thêm một thực tế nữa là việc thi hành luật ở Việt Nam còn phải chờ đợi Nghị định và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ban ngành. Cho nên, dù thời gian thi hành Luật đã có hiệu lực nhưng khi chưa có hướng dẫn thì những quy định mới này cũng chưa thể được thực hiện. Các chính sách thuếnhiều khi mang tính chung chung, chưa rõ ràng khi thực hiện, thậm chí gây khó hiểu

cho người đọc. Và trong các thông tư mới, nhiều điều lại phủ định một phần hoặc nhiều phần thông tư cũ. Do đó dễ dẫn đến cách hiểu sai, hiểu thiếu hoặc khó hệ thống lại các điều khoản đang còn hiệu lực.

Các thủ tục quy định về quản lý và chuyển giao công nghệ, cũng như ưu đãi thuế đối với hoạt động chuyển giao công nghệ, áp dụng kĩ thuật mới còn phức tạp, và phần nào chưa rõ ràng đã và đang là vấn đề mà bệnh viện khó thực hiện áp dụngchuyển giao công nghệ tiên tiến.

Qua việc thực hiện Luật thuế TNCN cho thấy các quy định về chính sách thuế đối với trường hợp cá nhân chuyên gia Bác sĩ ký hợp đồng dịch vụ chưa được quy định rõ ràng tại các văn bản luật và hướng dẫn luật thuế TNCN trong một thời gian dài dẫn đến doanh nghiệp cũng như cán bộ thuế còn nhiều quan điểm khác nhau khi thực hiện nghĩa vụ kê khai, quyết toán thuế. Điều này dẫn đến những ảnh hưởng không nhỏ về tài chính và định hướng đầu tư của bệnh viện trong thời gian vừa qua.

Cơ quan thuế đã thành lập được một bộ phận chuyên thu thập, xử lý các vấn đề liên quan đến thuế nhưng vẫn đang thiếu những chuyên viên làm việc một cách chuyên sâu, chưa nhạy bén về những thay đổi trong ngành, lĩnh vực. Khả năng phân tích, đánh giá và kĩ năng xử lý các vấn đề phát sinh còn kém. Đồng thời, do hiện nay ngành thuế còn thiếu những chuyên gia kinh tế, kỹ thuật giỏi, hiểu biết sâu rộng về ngành y tế, về kế toán quốc tế nên khi thực hiện việc phân tích hoạt động và tình hình tài chính của các bệnh viện quốc tế để phát hiện hành vi gian lận thuế rất hạn chế.

Các hình thức tuyên truyền chính sách thuế hiện nay rất đơn điệu, cứng nhắc và không có tính thu hút. Việc tổ chức công tác tuyên truyền về chính sách thuế chưa chủ động, không thường xuyên, liên tục cũng như chưa thực sự thống nhất. Vì thế, chưa tạo ra sức ép của công luận đối với các hành vi gian lận thuế.

Công tác hỗ trợ đối tượng nộp thuế còn chưa linh hoạt và hiệu quả, khiến cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gặp nhiều khó khăn trong việc hiểu và nắm bắt được đúng quy định của Luật để tuân thủ.

Bên cạnh đó, sự phối kết hợp giữa các cơ quan ban ngành khác với ngành thuế còn chưa hợp lý, thiếu tính g n kết. Các chính sách của các ngành khi bàn hành chưa chặt chẽ, còn độc lập cuả ngành, lĩnh vực chưa mang tình lồng ghép và bọc lót cho các chính sách khác liên quan như chính sách thuế.Việc ban hành các chính sách thuế chịu tác động của rất nhiều yếu tố từ ngành thuế, từ doanh nghiệp đến môi trường xung quanh.

Chính vì vậy, để hoàn thiện các chính sách thuế thì không thể thiếu sự phối hợp, hợp tác của các cơ qua ban ngành. Trong thời gian vừa qua, công tác này chưa thực sự đạt được hiệu quả. Bởi lẽ mới chỉ có sự liên kết trao đổi thông tin của ngành thuế với Kho bạc, còn sự liên kết với các bộ ngành khác như Bộ y tế, Bộ kế hoạch đầu tư, ngân hàng nhà nước..v.v còn chưa được quan tâm đúng mức.

Hiện nay, một bộ phận người dân Việt Nam có mức thu nhập cao có xu hướng đi khám chữa bệnh ở Singapore, Trung Quốc, Thái Lan. Bộ y tế ước tính mỗi năm có hơn 30.000 người Việt Nam ra nước ngoài khám chữa bệnh, với tổng chi phí hơn 1 tỷ đô la Mỹ. Trong khi đó. Tại Việt Nam, đầu tư nước ngoài cho lĩnh vực y tế chưa nhiều, mới chỉ tập trung đầu tư cho những ngành mang lại lợi nhuận cao, nhanh thu hồi vốn. Nhà đầu tư nước ngoài còn đang e ngại vì đầu tư cho y tế là đầu tư mạo hiểm, đầu tư lâu dài, thu lợi nhuận chậm. Vì thế các bệnh viện quốc tế mất đi cơ hội được phục vụ nhóm người có thu nhập cao đồng thời nhà nước cũng mất đi một nguồn thu thuế tương đối lớn từ các bệnh viện quốc tế.

Tóm tắt chư ng 2

Thông qua phân tích, đánh giá việc áp dụng các chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội cho thấy bên cạnh những chính sách thuế rõ ràng, hiệu quả thì vẫn còn có những chính sách thuế mang tính chung chung, nhiều bất cập.

Mặc dù, những năm gần đây, Bộ tài chính, Tổng cục thuế đã ban hành các thông tư để hướng dẫn áp dụng chính sách thuế có tính chất cụ thể hơn, thực tế hơn, thủ tục cũng đơn giản hơn, tính công khai minh bạch được mở rộng... Tuy nhiên, không thể thừa nhận rằng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Các chính sách đã gây khó khăn cho bệnh viện khi áp dụng vào thực tế. Bên cạnh việc tuân thủ chính sách thuế áp dụng cho khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bệnh viện còn chịu sự giám sát của Bộ y tế, Bộ kế hoạch đầu tư. Nhưng các chính sách thuế được ban hành còn chưa có sự gắn kết ràng buộc giữa các ngành chức năng. Vì thế, còn gây khó khăn, lúng túng cho bệnh viện Việt Pháp khi áp dụng. Đó là do chịu sự tác động của nhiều nguyên nhân, cả khách quan lẫn chủ quan.

Do đó, vấn đề đặt ra là: Phải làm thế nào để khắc phục những hạn chế nêu trên, phát huy những thành công vốn có để hoàn thiện chính sách thuế hơn nữa đối với khối bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài. Để làm sao, chính sách thuế dễ thực hiện đối với doanh nghiệp và nhà nước thu đúng, thu đủ số thuế phải nộp, tránh thất thu thuế cho nhà nước.

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHAM HOÀN THIỆN CH NH S CH THUẾ ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN QUỐC TẾ

3.1. Phương hướng nham hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế

Nếu như việc đánh thuế là một điều tất yếu để duy trì sự tồn tại của Nhà nước thì hệ thống chính sách quản lý thuế, trong khi đó, lại liên tục biến đổi do những điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị và quản lý ở từng thời điểm. Điều này đặt ra một câu hỏi là: Liệu có một xu thế chung trong những nỗ lực cải cách thuế ở các quốc gia trên bình diện khu vực và quốc tế hay không? Nếu có thì những nhân tố nào đang ảnh hưởng tới xu thế chung đó? Và các quốc gia có thể đạt được những hiểu biết, kinh nghiệm gì từ quá trình biến đổi đó?

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, các công cụ điều tiết vĩ mô, trong đó có công cụ thuế, được chính phủ các nước tập trung bổ sung, cải cách khá triệt để để nhằm phục vụ tốt nhất cho yêu cầu phát triển kinh tế đất nước. Gạt bỏ những biểu hiện mang tính riêng lẻ và thứ yếu, nhìn chung có thể tổng kết những xu thế cơ bản nhất của việc cải cách chính sách thuế nói chung trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tại các quốc gia như sau:

Thú nhat, thay đổi về nguyên tắc đánh thuế:

Nguyên tắc "đánh thuế theo nước cư trú", tức là quyền đánh thuế của Nhà nước được xác lập trên cơ sở các mối quan hệ về kinh tế - xã hội và sở hữu tài sản giữa đối tượng nộp thuế và quốc gia đó, đang dần thay thế cho nguyên tắc "đánh thuế dựa trên chủ quyền lãnh thổ". Sự thay thế này là bước tiến tất yếu trong bối cảnh các quốc gia đều mở cửa nền kinh tế nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, một nguồn lực quý báu phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, nhất là với các nước đang phát triển. Trong bối cảnh đó, nếu đánh thuế dựa trên chủ quyền lãnh thổ quốc gia sẽ dẫn đến việc đánh

trùng thuế giữa các quốc gia, làm hạn chế tính hấp dẫn của môi trường đầu tư và ngăn cản quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư tại quốc gia đó.

*Thú hai,*thay đổi về chức năng của thuế quốc gia

Phương hướng thay đổi này thể hiện ở hai điểm chính sau:

- Thuế vẫn là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của bộ máy Nhà nước và cung cấp các hàng hóa, dịch vụ công cộng. Tuy nhiên, các quốc gia đều thống nhất ở điểm việc tăng tốc độ thu ngân sách từ thuế không thể vượt quá cao so với tỷ lệ tăng trưởng GDP.

- Chức năng điều tiết kinh tế của thuế được duy trì ở tầm vĩ mô, còn việc tác động vào từng ngành sản xuất đơn lẻ dần dần bị hạn chế. Sự thay đổi này là tất yếu do những đòi hỏi khách quan về một môi trường đầu tư thông thoáng hơn, Sự khuyến khích ưa đãi về thuế suất giữa các ngành, lĩnh vực sản xuất ở một góc độ nào đó sẽ dẫn đến quyết định đầu tư sai lầm và nguồn lực kinh tế sẽ bị phân bổ không hợp lý. Chức năng điều tiết kinh tế ở tầm vĩ mô của chính sách thuế được thể hiện bằng việc tăng hay giảm mức động viên từ thuế thu nhập hay thuế tiêu dùng nhằm hạn chế hay khuyến khích đầu tư hoặc tiết kiệm theo yêu cầu cụ thể của nền kinh tế trong từng thời ky khác nhau.

Thú ba, sử dụng chính sách thuế làm công cụ khuyến khích đầu tư Theo xu thế này, các ưu đãi trực tiếp về thuế đối với việc đầu tư vào các ngành, vào các địa bàn lãnh thổ dần bị bãi bỏ. Thay vào đó, các chính sách khuyến khích về thuế đối với đầu tư được thiết lập ở một tầm lớn hơn, với tính phổ quát cao hơn, đó là:

- Giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này làm tăng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và như vậy sẽ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng kinh doanh.

- Xóa bỏ việc đánh thuế trùng giữa thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập từ lợi tức cổ phần theo một với cơ chế khấu trừ khác nhau tùy theo từng quốc gia.

- Thay thế thuế doanh thu, vốn được coi là loại thuế có tính trùng lắp và rất hạn chế khi mà quá trình sản xuất ngày càng được chuyên môn hóa cao độ, bằng một loại thuế khác đánh vào giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ được tạo ra trong từng công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh, đó là thuế giá trị gia tăng V T.

Thú tư, thống nhất chính sách thuế giữa các quốc gia:

Trên bình diện quốc tế, sự thống nhất trong chính sách thuế giữa các quốc gia thường được thể hiện ở hai điểm:

Một là giảm thuế nhập khẩu một cách đơn phương hoặc theo các cam kết cắt giảm thuế trong khuôn khổ một khối mậu dịch khu vực hay toàn cầu.

Hai là xóa bỏ dần việc đánh thuế trùng giữa các quốc gia đối với tài sản và các khoản thu nhập được tạo ra ở nước ngoài. Việc tránh đánh trùng thuế này được thực hiện bằng các cam kết trong khuôn khổ hiệp định tránh đánh thuế hai lần được ký kết giữa hai hay nhiều quốc gia. Điều này giúp đảm bảo quyền lợi của các nước trong tiến trình tự do hóa thương mại và thúc đẩy tự do quốc tế, nhất là với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thú năm, thay đổi trong cơ cấu thu ngân sách nhà nước:

Từ các thay đổi nêu trên, cơ cấu thu ngân sách của các quốc gia cũng có sự thay đổi như sau:

Một là, tỷ trọng thuế trực thu trong cơ cấu tổng thu ngân sách Nhà nước sẽ tăng lên. Điều này do số thu từ thuế nhập khẩu sẽ giảm đi theo lộ trình cắt giảm thuế quan đơn lẻ, hay theo các cam kết song phương và đa phương. Tuy nhiên, tỷ trọng thuế tài sản (thuộc thuế trực thu) sẽ có xu thế giảm dần trong tổng thu ngân sách, đặc biệt tại các nước đang phát triển.

Hai là, tỷ trọng thuế gián thu trong tổng thu ngân sách từ thuế ở từng quốc gia sẽ giảm đi với mức độ khác nhau tùy thuộc vào tình hình nhập khẩu của mỗi nước. Song, nhìn chung, sự sụt giảm này sẽ không lớn, vì một phần số thu giảm đi từ thuế nhập khẩu sẽ được bù đắp bằng số thu tăng lên từ thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Ba là, tỷ trọng thuế bảo hiểm xã hội ngày càng chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thu ngân sách Nhà nước. Mặt khác, xuất hiện thuế môi trường với dự báo sẽ là một nguồn thu đáng kể trong thế kỷ 21, đặc biệt là tại các nước phát triển nơi mà lượng chất thải ra môi trường tương đối lớn.

Thú sáu, cải cách chính sách thuế phù hợp với xu hướng trên thế giới.

Trong suốt hơn 25 năm qua, các mức thuế suất luôn thay đổi, một số lại thuế trên thế giới vẫn tiếp tục giảm xuống. Một phần là do tính lưu chuyển lớn hơn của dòng vốn đầu tư và đối tượng đánh thuế, và một phần là do yêu cầu giảm thiểu tính phi hiệu quả bên trong hệ thống quản lý thuế.

Để bù đắp cho số thu thuế bị mất đi do việc cắt giảm các mức thuế suất thuế TNDN, hầu hết các quốc gia đã mở rộng đối tượng đánh thuế bằng việc qui định ít đi các khoản giảm trừ thuế và loại bỏ bớt một số trường hợp miễn, giảm thuế đặc biệt. Tuy nhiên, mặc dù có sự cắt giảm mạnh mẽ thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, số thu thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng cùng và thậm chí lớn hơn mức tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội và tổng số thu từ các loại thuế khác ở nhiều quốc gia.

Cùng với tác động của các biện pháp mở rộng đối tượng đánh thuế, hàng loạt nhân tố khác có thể giúp giải thích xu hướng này. Các bằng chứng chỉ ra rằng khả năng sinh lời của khu vực doanh nghiệp tăng lên là kết quả của sự toàn cầu hóa và tầm quan trọng ngày càng tăng của khu vực tài chính. Các mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn làm giảm số thu thuế nhưng cũng làm tăng động cơ cho các doanh nghiệp mua lại và sáp nhập, tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, do đó làm tăng quy mô tương đối của khu vực doanh nghiệp.

Việc số thu thuế doanh nghiệp không giảm đi cũng có thể một phần là do chính sách thi hành thuế thu nhập doanh nghiệp khắt khe hơn ở các quốc gia. Ngoài ra, xu hướng tăng số thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở các quôc gia đánh thuế thấp cũng có thể là kết quả của sự di chuyển dòng vốn đầu tư và

những khoản lợi nhuận doanh nghiệp được chuyển tới từ các quốc gia đánh thuế cao để giảm thiểu tối đa số thuế phải nộp.

Tiêu chuẩn về chuyển giá đã được OCED xây dựng, và hầu hết các quốc gia với những khung chính sách khác nhau đều tích cực áp dụng các tiêu chuẩn này của OECD. Những tiêu chuẩn này buộc các công ty phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ của các giao dịch qua biên giới với độ tin cậy cao hơn và chủng loại nhiều hơn để chứng minh các giao dịch được tiến hành ở mức giá thị trường.

Ngoài ra, các quốc gia cũng đồng thời đưa ra những qui định riêng về các khoản chi phí trong quá trình sản xuất, kinh doanh được coi là chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế. Sự hình thành và phát triển của các qui định về chuyển giá trên bình diện quốc tế vẫn chỉ mới ở giai đoạn bước đầu, nhưng sức lan tỏa nhanh chóng của thứ "vũ khí" thuế mới này là một bằng chứng nữa cho sự toàn cầu hóa chính sách thuế trên thế giới.

3.2. Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế

3.2.1. Nhóm giải pháp ve hoàn thiện pháp luật thuế đối với bệnh viện quốc tế

Thể chế là điều kiện tiên quyết để cải cách hệ thống thuế nói chung và công tác quản lý thuế nói riêng. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế nói chung và hệ thống thuế với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong đó có các bệnh viện quốc tế đồng bộ, có cơ cấu phù hợp với điều kiện, xu hướng phát triển kinh tế-xã hội đất nước, gắn với hiện đại hoá công tác quản lý thuế là mục tiêu chiến lược mà ngành Thuế cần đặt ra. Để hoàn thiện hệ thống thuế cần những biện pháp sau:

-Tiến hành tổng kết, đánh giá một cách toàn diện tình hình thực hiện hệ thống chính sách thuế trên phạm vi cả nước; tiến hành nghiên cứu, sử dụng các mô hình phân tích dự báo để phân tích thực tiễn, kiểm nghiệm cơ sở lý luận, gắn kết với các điều kiện kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế để phục vụ cho việc cải cách đồng bộ hệ thống chính sách thuế và từng sắc thuế cụ thể.

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống các văn bản pháp luật thuế, pháp luật chuyên ngành có quy định về thuế, trình cấp có thẩm quyền phương án xử lý để đảm bảo tính nhất quán về nội dung và phù hợp với lộ trình chương trình cải cách hệ thống chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế, đặc biệt là đảm bảo sự đồng bộ giữa hệ thống chính sách thuế với quy định của Bộ y tế, Bộ kế hoạch đầu tư, Luật hải quan và Luật Quản lý thuế.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các Uỷ ban của Quốc hội, các Bộ, ngành, các tổ chức có liên quan trong việc xây dựng và thẩm tra các dự án Luật, Pháp lệnh về thuế, phí và lệ phí.

- Rút ngắn qui trình và đơn giản hóa thủ tục về cấp mã số thuế; thống nhất sử dụng chung một mã số thuế của tất cả các cơ sở kinh doanh, kể cả các cơ sở có chức năng xuất nhập khẩu, giữa cơ quan thuế và cơ quan hải quan .

- Cải tiến thủ tục về mua hoá đơn lần đầu và các lần tiếp theo.

- Nghiên cứu kết hợp tờ khai thuế đồng thời với việc thanh toán thuế, tiến tới bỏ thông báo thuế. Thiết kế lại các mẫu biểu về kê khai, nộp thuế phù hợp với thực tiễn.

- Hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ về quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế; quy trình quản lý đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán;... Trên cơ sở đó, ban hành các sổ tay nghiệp vụ quản lý thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân; quản lý thuế đối với hoạt động y tế.

- Đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác, đặc biệt là các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế, trong nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình xây dựng các dự án Luật, pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí.

- Bảo đảm kinh phí và các điều kiện vật chất khác phục vụ cho công tác cải cách chính sách thuế; ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản pháp luật của Quốc hội, cần bố trí nguồn ngân sách hàng năm cho công tác điều tra, khảo sát, tổng kết, đánh giá thực tiễn và tổ chức triển khai thực hiện.

3.2.2. Nhóm giãi pháp ve cơ cấu tổ chức nguồn nhân lực quãn lý thue

Con người là nhân tố quyết định trong mọi hoạt động. Chính vì vậy, công tác bồi dưỡng, nâng cao nguồn nhân lực cho các nghiệp vụ về thuế cả về chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp cần được các cơ quan thuế quan tâm đầu tư một cách đúng mức. Để có giải quyết vấn đề còn hạn chế đối với nguồn nhân lực trong thực thi, quản lý thuế đối với các bệnh viện quốc tế, các cơ quan thuế nhà nước cần có một chiến lược mang tính tổng thể và lâu dài.

3.2.2.1. Tuyen dụng thêm nguồn nhân lnc mới

Số lượng nhân viên quản lý về thuế đối với doanh nghiệp nước ngoài cũng như các bệnh viện quốc tế nói riêng ít dẫn đến áp lực công việc là rất cao và khó có đủ nguồn lực để có thể thực thi và quản lý hoạt động này. Vì vậy, cơ quan thuế nên tuyển dụng thêm nhân viên, để đảm bảo chất lượng thực hiện, quản lý thuế cũng như cho quá trình hoàn thiện và phát triển hệ thống chính sách thuế trong thời gian tới. Nhằm xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ mới, các tiêu chuẩn tuyển dụng, qui trình tuyển dụng đảm bảo chất lượng, trong sạch. Xác định các công việc trọng tâm cần tuyển dụng đảm bảo yêu cầu hiện đại hoá như cán bộ có trình độ tin học, luật học,...

Tuy nhiên, không thể vì thiếu cán bộ mà có thể tuyển một cách qua loa hoặc tiến hành thuyên chuyển cán bộ từ phòng này sang phòng khác vì nghiệp vụ này có những yêu cầu nhất định mà không phải nhân viên nào cũng đáp ứng được; công tác tuyển dụng nhân viên quản lý thuế đối với doanh nghiệp nước ngoài nói chung và bệnh viện quốc tế nói riêng cần được làm một cách cẩn thận. Khi tuyển dụng, ngoài yếu tố bằng cấp, cơ quan thuế nhà nước cần có thêm những phương pháp tuyển dụng mới để tránh bỏ qua những người có tài. Đối với nghiệp vụ thuế cho các bệnh viện quốc tế, ngoài yêu cầu riêng về nghiệp vụ về thuế, kế toán quốc tế, sự am hiểu về luật pháp, các chính sách thuế với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thông thạo ngoại ngữ, có trình độ tin học tốt thì đòi hỏi các nhân viên được tuyển chọn phải có một

số các kĩ năng mềm như có khả năng làm việc trong môi trường nhiều áp lực, khả năng giao tiếp phải tốt

Bên cạnh hoạt động tuyển dụng thông thường, cơ quan thuế nên có chính sách thu hút nhân tài về làm việc cho mình. Cơ quan nên có dự án đầu tư tìm kiếm người tài như tham gia các hội chợ việc làm tại các trường đại học, lựa chọn những ứng viên sáng giá ngay từ khi còn đang học tập. Thậm chí trao học bổng, hỗ trợ ứng viên đi du học, tu nghiệp tại nước ngoài nhằm học hỏi kinh nghiệm từ nước bạn, cũng như những đãi ngộ hấp dân thu hút họ trở về làm việc cho đất nước. Từ đó, cơ quan thuế cũng có thể tìm được những người phù hợp cho các vị trí trong trong tổ chức của mình cũng như cho hoạt động quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế. Không những thế còn có thể khiến cho các ứng viên được chọn gắn bó và cống hiến lâu dài cho sự phát triển của tổ chức.

3.2.2.2. Đào tạo nâng cao chat lượng nguồn nhân lnc

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên thuế để tiếp nhận sớm với những thay đổi, cải cách đổi mới trong hệ thống chính sách thuế. Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ thuế, kế toán quốc tế cũng là một đòi hỏi bức thiết. Vì như chúng ta đã để cập ở những phần trước, bệnh viện quốc tế vừa phải chịu sự quản lý của pháp luật nước cư trú, vừa phải tuân thủ luật pháp nước đầu tư. Để khắc phục tình trạng lợi dụng kẽ hở của Luật pháp, cán bộ quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế phải có những hiểu biết sâu sắc về chế độ kế toán của Việt Nam cũng như của quốc tế. Điều này cũng tránh gây sự xung đột trong quản lý thuế thông qua kiểm soát kế toán giữa Việt Nam và quốc tế, tránh gây thiệt thòi cho các bệnh viện quốc tế và hơn hết là nhằm thực thi có hiệu quả nhất cơ chế quản lý tự khai, tự nộp thuế. Bên cạnh các kỹ năng cứng, cần giúp cán bộ hoàn thiện các kỹ năng mềm như: khả năng giao tiếp, khả năng thích ứng, khả năng chịu áp lực cao trong công việc - đây chính là điểm mà nhà nước cần phấn đầu hoàn thiện

cho cán bộ của mình để gia tăng khả năng đáp ứng công việc, nâng cao hình ảnh của cơ quan thuế nhà nước trong mắt doanh nghiệp quốc tế.

Bên cạnh đó, nên tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý thuế cho bệnh viện quốc tế có những đợt đi khảo sát thực tế, tiếp nhận thông tin từ bệnh viện cũng như tổ chức những buổi gặp gỡ, giao lưu giữa các Cục thuế lớn như TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai,… là những đơn vị trực tiếp quản lý các bệnh viện quốc tế có số thu lớn, có số lượng lớn, và cơ quan cấp trên là Tổng Cục Thuế trong hệ thống nhằm giúp cho họ có cơ hội trao đổi nghiệp vụ và những kinh nghiệm cho nhau.

Xây dựng và thực hiện luân chuyển cán bộ thuế trong ngành. Việc luân chuyển phải đảm bảo mục tiêu phát triển cán bộ chuyên sâu theo chức năng quản lý thuế và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công chức thuế. Đối với công tác luân phiên, luân chuyển cán bộ là một yêu cầu bắt buộc mà cơ quan nhà nước quy định với các cơ quan tài chính để phòng chống tham nhũng, và đào tạo cán bộ nguồn có đủ phẩm chất, năng lực làm việc ở nhiều vị trí. Tuy nhiên, từ thực tế cho thấy cần phải sớm đưa ra các chuẩn về điều động, luân chuyển cán bộ bởi yêu cầu hiệu quả thu thuế ở mỗi khâu, mỗi bộ phận phụ thuộc vào sự ổn định và kinh nghiệm quản lý cũng như năng lực quản lý của cán bộ thuế là không nhỏ (như công tác thanh tra thuế, dự báo thu,…). Và các chuẩn ở đây nên xây theo tiêu chí kinh nghiệm (năm công tác có hiệu quả cao đã được công nhận về thành tích ở một bộ phận chức năng), trình độ (theo cấp chuyên viên, chuyên viên chính, thanh tra viên, thanh tra viên chính,…) đòi hỏi cho công việc được phân công, phẩm chất đạo đức,…

3.2.2.3. Hoàn thi n cơ cau tổ chúc nguồn nhân lnc

* Tổ chức bộ máy nguồn nhân lực quản lý thuế và chức năng, nhiệm vụ quản lý thuế của cơ quan thuế các cấp:

Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy nhân sự của cơ quan thuế các nước tại cấp Trung ương, tỉnh, huyện, theo hướng xây dựng mô hình tổ chức bộ máy theo chức năng, tiến tới xoá bỏ mô hình tổ chức quản lý đan

xen, kết hợp với quản lý đối tượng vẫn còn dáng dấp tồn tại như hiện nay là bộ phận kiểm tra thuế - bộ phận quản lý theo đối tượng.

Trên cơ sở về thể chế và các nội dung cải cách có liên quan, phân định rõ cơ chế quản lý trong từng cấp của ngành thuế, phạm vi quản lý đối tượng nộp thuế và sắc thuế tại từng cấp.

Xây dựng qui chế, nguyên tắc phân cấp, phân công quản lý từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh, huyện. Xây dựng cơ cấu cán bộ theo từng cấp, từng bộ phận, chức năng trong mỗi cơ quan thuế.

Việc cơ cấu, phân chia nguồn nhân lực vào các vị trí phù hợp sẽ giúp cơ quan thuế phát huy tối đa những ưu điểm của nguồn nhân lực, nâng cao năng suốt làm việc cũng như phát huy tính sáng tạo, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế.

* Công tác tổ chức cán bộ

Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh, vị trí công việc. Đảm bảo tạo được một đội ngũ cán bộ chuyên gia theo từng chức năng quản lý thuế. Phân cấp cán bộ theo năng lực và hiệu quả công việc.

Rà soát, đánh giá năng lực cán bộ toàn ngành thuế, phân loại cán bộ ngành theo trình độ, độ tuổi, năng lực. Xác định số cán bộ có thể bố trí vào các chức năng, bộ phận quản lý theo cơ cấu mới. Lập kế hoạch đào tạo và tái đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu mới.

Ngoài ra, cơ quan thuế cũng cần xây dựng một cách khoa học và thực chất các cơ chế thưởng phạt, cũng như một hệ thống chỉ tiêu để đánh giá nhân viên toàn hệ thống thuế nói chung và các cán bộ thuế đối với bệnh viện quốc tế nói riêng. Điều này vừa làm gia tăng sự thi đua giữa các cán bộ, nhân viên trong tổ chức, vừa giúp cho tổ chức biết được những nhân viên còn yếu kém của mình.

* Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ:

- Tổ chức và phân cấp thanh tra, kiểm tra nội bộ ngành

+ Tổ chức và phân cấp thanh tra, kiểm tra nội bộ một cách khoa học, phát huy đầy đủ chức năng và hiệu quả của cấp chỉ đạo (Ban thanh tra Tổng cục Thuế) và cấp trực tiếp (thanh tra cục và chi cục thuế).

+ Ban thanh tra Tổng cục Thuế cần tập trung vào nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy trình, sổ tay nghiệp vụ, đào tạo cán bộ, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra toàn ngành. Đồng thời tập trung kiểm tra theo chuyên đề (quy trình quản lý thuế, hoàn thuế,...) và phúc tra để có được sự đánh giá sâu sắc, toàn diện và thống nhất về cùng một vấn đề trên phạm vi cả nước, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách và chỉ đạo thống nhất trong toàn ngành.

+ Thanh tra Cục thuế và Chi cục thuế tập trung thanh tra toàn diện về công tác quản lý thuế ở địa phương.

- Về điều kiện hỗ trợ:

+ Xây dựng hệ thống kho thông tin dữ liệu cả về đối tượng nộp thuế và nội bộ ngành thuế cho công tác thanh tra, kiểm tra.

+ Xây dựng chương trình hỗ trợ của máy tính phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra thuế.

3.2.3. Nhóm giãi pháp ve cơ sở hạ tầng hỗ trợ công tác quãn lý thue

3.2.3.1. Hi n kại hóa cơ sở vật chat kỹ thuật phục vụ ket noi cơ sở dữ li u ka ngành, ka chieu trong công tác quản lý thue

Nhân tố cơ sở vật chất kỹ thuật có ảnh hưởng mạnh mẽ tới công tác quản lý thuế đối với các bệnh viện quốc tế. Những quy định trong chính sách về diện thực thi, quản lý thuế (rộng hay hep), phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế… phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của ngành thuế. Khả năng này lại phụ thuộc rất lớn vào cơ sở vật chất của ngành thuế. Cũng như vậy, một hệ thống thu thuế được kết nối bằng mạng nội bộ sẽ là một nhân tố rất hữu ích cho cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí. Việc xây dựng mạng thông tin nội bộ để quản lý cơ sở dữ liệu sẽ đòi hỏi những chi phí bước đầu tương đối lớn, nhưng

xét về dài hạn thì điều này sẽ tiết kiệm chi phí hơn rất nhiều so với việc quản lý dữ liệu theo kiểu thủ công.

Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các khâu quản lý thuế là một yêu cầu cấp thiết giúp cho việc cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, phục vụ yêu cầu lý. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thuế tập trung, tạo lập cơ sở dữ liệu về đối tượng nộp thuế trong phạm vi ngành thuế và kết nối mạng thông tin trao đổi với các cơ quan khác như hả quan, kho bạc, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan khác, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản lý, phân tích, dự báo ngân sách, công tác chỉ đạo điều hành.

Trong những năm tới, với mục tiêu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, đòi hỏi các cơ quan thuế tange cường hơn nữa liên kết đa ngành và hoàn thiện hơn nữa trong thực hiện hơn nữa trong thực hiện cơ chế kết nối thông tin Thuế - Kho bạc - Hải quan - Bộ tài chính - Bộ y tế.

3.2.3.2. Hoàn thi n và phát trien cơ sở công ngh thông tin trong vi c thnc thi thue ki n tử

Phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin được coi là nhiệm vụ trọng tâm, là nền tảng, là công cụ thúc đẩy các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Để phát triển công nghệ thông tin thì cơ sở hạ tầng phải đi trước một bước, nhận thức được tầm quan trọng đó, từ khi triển khai thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 cùng với sự nỗ lực của các Bộ, ngành, địa phương, cơ sở hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đã được cải thiện đáng kể, bước đầu đáp ứng nhu cầu công việc của các cán bộ, công chức và nhu cầu của ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Mục tiêu của giai đoạn 2016-2020 tiếp theo là phát triển hạ tầng kỹ thuật các cấp (tới cấp phường, xã đối với các tỉnh, tới cấp đơn vị trực thuộc đối với các Bộ) như trang bị máy tính, mạng

máy tính kết nối trong mỗi đơn vị, giữa đơn vị các cấp của Bộ/tỉnh, với các hệ thống quy mô quốc gia, với mạng Internet, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; ứng dụng chữ ký số; hạ tầng giao tiếp với người dân (ki-ốt, trung tâm chăm sóc khách hàng...), chú ý phát triển hạ tầng phải hướng tới phục vụ các mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin.

Hiện nay, các doanh nghiệp ở Việt Nam kê khai và quyết toán thuế qua mạng vào địa chỉ trang web: https://nhantokhai.gdt.gov.vn để nộp tờ khai. Nhưng trước khi tiến hàng nộp tờ khai các doanh nghiệp phải báo cáo thuế trên phần mềm kê khai thuế HTKT các phiên bản và phiên bản mới nhất hiện nay là HTKT 3.4.0. Các phần mềm kê khai được cập nhật thường xuyên. Việc nộp kê khai thuế qua mạng là một cải cách lớn trong ngành thuế ở Việt Nam.

Tuy nhiên, việc cải cách này còn có những bất cập cần được cải thiện, đó là:

- Phần mềm kê khai được cập nhật thường xuyên nhưng chủ yếu là thêm cột này rồi sau đó update bỏ cột này, còn thực chất vẫn không đổi.

- Trang web nộp báo cáo thì được chạy trên một trình duyệt internet lỗi thời: Explorer, mạng lỗi liên tục, kê khai hệ thống lỗi liên tục, các phần mềm hỗ trợ phức tạp như Java…Để nộp được kê khai thuế người làm kế toán chỉ tốn 1 giờ làm báo cáo nhưng tốn cả ngày vẫn chưa gửi xong báo cáo về những lỗi do phần mềm Java gây nên, lỗi do nghẽn mạng, lỗi mạng kê khai.

Như vậy, việc kê khai tưởng chừng như được cải cách để giảm thời gian, chi phí của người làm kế toán, đỡ ket xe, đỡ tốn giấy in. Tuy nhiên, đứng ở góc độ người làm kế toán, khi kê khai thuế như là chơi xổ số, hay bốc thăm trúng thưởng, click chuột mà hồi hộp xem có gửi được không.

Vì vậy, để đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước trên môi trường mạng an toàn và hiệu quả thì điều kiện tiên quyết đặt ra là phải hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng bảo đảm triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và tạo cơ sở cho việc nâng cấp, mở rộng phục vụ cho các ứng dụng công nghệ thông tin trong

tương lai, cần tiếp tục đổi mới về nhận thức ở các cấp, các ngành và trong toàn xã hội, đặc biệt là trong các cấp Lãnh đạo và cần có sự phối hợp, liên kết thực hiện từ các Bộ, ngành Trung ương cho tới các địa phương. Qua đó cần thực hiện các công việc cụ thể:

- Thiết kế lại tổng thể hệ thống tin học theo hướng tập trung nhằm đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ cải cách bao gồm: hệ thống mạng và hạ tầng truyền thông; cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm ứng dụng và trang thiết bị tin học.

- Rà soát các thông tin hiện có của ngành thuế trên các cơ sở dữ liệu quản lý thuế tại tất cả các cấp. Phân tích các yêu cầu về thông tin quản lý thuế của các bộ phận chức năng quản lý thuế, chú trọng yêu cầu về thông tin cho công tác thanh tra thuế. Xác định mô hình hệ thống thông tin thuế và mô hình cơ sở dữ liệu đối tượng nộp thuế của ngành theo hướng tập trung dữ liệu từ trong và ngoài ngành thuế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu tại từng cấp, mô hình trao đổi dữ liệu trong ngành thuế và tạo lập kho cơ sở dữ liệu tập trung toàn ngành Thuế. Xây dựng, nâng cấp, tích hợp và chuyển đổi hệ thống các phần mềm ứng dụng xử lý thông tin thuế như: kê khai đăng ký thuế, kê khai thuế và kế toán tài khoản nộp thuế của từng ĐTNT. Xây dựng hệ thống phần mềm phân tích, lựa chọn đối tượng cần thanh tra, kiểm tra thuế hoặc cưỡng chế thuế.Quản lý chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Nâng cấp website ngành Thuế và sử dụng các trình duyệt khác như: chrome, firefox…hỗ trợ cài đặt các phần mềm liên quan cho người kê khai; cung cấp các dịch vụ kê khai thuế điện tử trên mạng Internet; tạo thêm các kênh giao tiếp giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nói chung và bênh viện quốc tế nói riêng với cơ quan Thuế như hệ thống quản lý trao đổi thư tín điện tử, hỏi đáp trực tuyến, điện thoại tự động,...

- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan Thuế các cấp: nâng cấp và xây dựng các phần mềm quản lý kinh phí, nhân lực, tiền lương, hành chính, đào tạo, quản lý chất lượng công việc...

- Phối hợp với Bộ tài chính và các ban bộ ngành liên quan xây dựng hạ tầng truyền thông thông suốt đảm bảo hệ thống hoạt động 24/24 giờ với hệ thống dự phòng sự cố an toàn, nhanh chóng.

3.2.4. Nhóm giãi pháp ve hỗ trợ thực thi, quãn lý thue đối với bệnh viện quốc te

3.2.4.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyen, ho trợ n p thue koi với b nh vi n nước ngoài

Để đẩy mạnh và tăng hiệu quả công tác thực thi quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế thì công việc quan trọng và lâu dài là nâng cao nhận thưc của đối tượng nộp thuế cũng như tạo ra nhiều ưu đãi hợp lý, thu hút các bệnh viện quốc tế, có vốn đâu tư nước ngoài. Để làm được điều này, cần làm cho các bệnh viện quốc tế thấy được tính nghiêm minh của công tác kê khai và nộp thuế. Hơn hết, các cơ quan quản lý và thực thi thuế như bộ tài chính, cục và phòng thuế,… cũng như các cơ quan quản lý ngân sách nhà nước cần thực hiện thông báo công khai, minh bạch mọi khoản thu chi của ngân sách nhà nước. Chỉ cần cho đối tượng nộp thuế thấy được lợi ích thiết thực của các khoản đóng góp của mình thì họ sẽ có ý thức chấp hành và thực hiện tốt các quy định về thuế. Để có thể tuyên truyền những thay đổi trong chính sách thuế kịp thời cũng như cho các bệnh viện quốc tế thấy được lợi tích của việc nộp thuế, nhà nước và cơ quan thuế cần có những phương hướng và các bước đi cụ thể:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ nội dung hỗ trợ bệnh viện quốc tế nộp thuế phù hợp, giúp họ nâng cao nhận thức cũng như hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ thuế của mình. Nội dung chính sách thuế cần truyền tải một cách ngắn gọn, đơn giản dễ diểu và có thể dưới các ngôn ngữ khác nhau như tiếng anh, tiếng pháp, tiếng nhật,… giúp các bệnh viện quốc tế có thể tiếp nhận chính xác các vấn đề trong chính sách thuế của nhà nước Việt Nam. Bởi lẽ hiện nay ngành thuế đã áp dụng cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, chỉ khi có những

hiểu biết đầy đủ họ mới có thể thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác các thủ tục, tờ khai của bệnh viện mình.

- Đa dạng và nâng cao các hình thức tuyên truyền. Bên cạnh hình thức truyền thống là gửi công văn văn bản cho các bệnh viện quốc tế cần có các hình thức tuyên truyền mới qua các phương tiện truyền thông, internet, tổ chức các buổi hướng dẫn, giải đáp những thay đổi mới trong chính sách thuế cũng như giải quyết các khó khăn còn tồn đọng của các bệnh viện quốc tế,…Để tăng chất lượng tuyên truyền hỗ trợ cho các bệnh viện quốc tế cần thực hiện các công tác sau:

+ Duy trì và nâng cao chất lượng, tăng thời lượng phát sóng các chuyên mục về thuế trên đài và truyền hình. Phản ánh kịp thời những thay đổi, bổ sung chính sách, mở rộng mạng lưới cộng tác viên nhằm nâng cao số lượng và chất lượng chương trình, bài viết

+ Mở thêm các chương trình, các hội thảo, diễn đàn tư vấn về chính sách thuế cho các bệnh viện quốc tế giúp họ có không gian trao đổi, học tập lẫn nhau các vấn đề, kinh nghiệm và hiểu viết về thuế.

+ Thực hiện đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nhiệp vụ cho cán bộ tuyên truyền, hỗ trợ.

+ Bảo dưỡng hệ thống pano, áp phích quảng bá, tuyên truyền về thuế, Đông thời củng cố và phát triển trang thông tin điện tử làm phong phú thêm phương tiện kết nối giữa các cơ quan thuế với các bệnh viện quốc tế.

- Tiến hành hỗ trợ các bệnh viện quốc tế trong chính sách thuế thông qua nhiều kênh khác nhau như:

+ Hỗ trợ qua website: Đây là hình thức hỗ trợ có nhiều tiện ích do tài liệu hỗ trợ có thể được luu lại và phục vụ cho nghiên cứu, làm tài liệu tham khảo. Ngoài ra, cơ quan thuế có thể cung cấp nhiều tiện ích cho bệnh viện quốc tế thông qua website.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động hỗ trợ bệnh viện quốc tế thông qua các hình thức: hợp tác, đại lý thuế, thực hiện dịch vụ hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các đại lý thuế

+ Phát triển dịch vụ hỗ trợ thông qua các cơ chế hợp tác với hệ thống ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính, luật sư, hiệp hội y tế, các công ty phần mềm kế toán.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các chuẩn mực về công tác tuyên truyền, hỗ trợ ĐTNT. Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền hỗ trợ. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân khác trong toàn xã hội nhằm thực hiện tuyên truyền, hỗ trợ về thuế đến các bệnh viện quốc tế:

+ Phối hợp và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển các hình thức dịch vụ tư vấn, kế toán thuế, đại lý kê khai thuế cho các bệnh viện quốc tế.

+ Phối hợp với các ngành và các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức xã hội,… tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế cho các bệnh viện quốc tế, đặc biệt là với ban lãnh đạo bệnh viện cũng như những phòng ban làm việc liên quan đến thuế như kế toán, nhân sự, quản lý dược và các thiết bị y tế,....

3.2.4.2. Hoàn thi n moi ket noi h thong giữa các cơ quan thue và các b ngành liên quan

Việc kết nối hệ thống giữa các cơ quan thuế và bộ ngành có liên quan liên quan giúp việc phối hợp, trao đổi thông tin cũng như giải quyết các vấn đề thắc mắc khiếu nại của danh nghiệp trong đó có bệnh viện quốc tế được nhanh chóng và dễ dàng hơn. Giảm bớt những khó khăn cho bệnh viện quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách thuế.

Đặc biệt mối kết nối liên hệ chặt chẽ giữa ba ngành chủ chốt là cơ quan thuế - tài chính - kho bạc tạo thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi ngành và góp phần quan trọng trong công tác quản lý của mình. Định ky hàng tháng cơ quan thuế đã cung cấp cho kho bạc các dữ liệu về đối tượng thuế (mã số thuế, chương - loại - khoản - mục - tiểu mục,…). Cơ quan kho bạc sử

dụng dữ liệu của cơ quan thuế để kế toán ghi sổ số nộp ngan sách theo quy định và truyền dữ liệu thuế kịp thời cho cơ quan thuế. Giữa cơ quan thuế và các cơ quan trong ngành tài chính được thực hiện thường xuyên, kịp thời sẽ đáp ứng tốt cho việc chỉ đạo, điều hành thu ngân sách trên địa bàn. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đều được phối hợp xử lý, tạo điều kiện tốt để thục hiện công tác thực thi, thu ngân sách.

Hiện việc nối mạng thông tin giữa ba ngành trên mới thực hiện ở cấp thành phố. Để tạo thuận lợi cho việc cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và chính xác về đối tượng bị quản lý về thuế, đề nghị UBND chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin giữa các cơ quan thuế - tài chính - kho bạc trên các địa bàn quản lý.

Bên cạnh đó việc kết nối giữa ba ngành với các ngành khác như Bộ Y tế và Hải quan trong việc quản lý các vấn đề liên quan đến chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế vô cùng cần thiết. Bởi hoạt động của bệnh viện quốc tế bên cạnh những vấn đề chung về thuế như các doanh nghiệp khác còn liên quan đến vấn đề y tế, dược phẩm, cũng nhu các thiết bị y tế mua từ nước ngoài,… nên cần có sự phối hợp của cả bộ y tế, hải quan bên cạnh ba ngành thuế - tài chính - kho bạc.

3.2.4.3. Hoàn thi n và phát trien hình thúc thanh toán thue qua ngân hàng

Trong công tác quản lý thu thuế, hiện nay đa số các giao dịch kinh tế đều được thanh toán bằng tiền mặt. Mặc dù tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của thuế thu nhập DN ban hành ngày 19/06/2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đã quy định điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau: “b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng”.[16]

Tuy nhiên, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay các bệnh viện quốc tế vẫn có những cách móc nối với các nhà cung cấp để xuất hóa

đơn dưới 20 triệu so với mức quy định nhằm dễ dàng thanh toán tiền mặt. Mặt khác, hiện nay tiền mặt vẫn là phương tiện thanh toán chủ đạo trong quan hệ mua, bán, trao đổi hàng hóa và thanh toán công nợ. Đây là một trong những điều kiện để các hành vi gian lận thuế có khả năng thực hiện được dễ dàng.

Thanh toán qua ngân hàng là hình thức thanh toán văn minh, nếu hình thức thanh toán này được phát triển sẽ giúp cho cơ quan thuế dễ dàng, thuận lợi hơn trong kiểm soát doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó các đối tượng nộp thuế, trong đó có các bệnh viện quốc tế dễ dàng, an toàn hơn trong việc thanh toán tiền thuế của mình, từ đó các giao dịch nộp thuế sẽ diễn ra nhanh chóng, tiết kiệm, an toàn hạn chế việc chậm trễ trong thanh toán tiền thuế. Thanh toán qua ngân hàng không chỉ có tác dụng hạn chế các hành vi vi phạm về thuế mà còn hạn chế được nhiều hành vi vi phạm khác trong xã hội. Do đó, hình thức này nên được áp dụng rộng rãi, phát triển trong việc thanh toán thuế.

Đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng là cần thiết, tuy nhiên để thực hiện được giải pháp này cần phải có một số điều kiện và thời gian nhất định, cụ thể là:

- Hệ thống dịch vụ ngân hàng phải được cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ để cho các đối tượng và các pháp nhân có thể sử dụng thật thuận tiện và lợi ích mà họ được hưởng cao hơn hình thức thanh toán bằng tiền mặt.

- Cần có những quy định rõ ràng đối với các pháp nhân phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng, tránh tình trạng các pháp nhân cố tình thực hiện thanh toán tiền mặt để có điều kiện thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, trong đó có hành vi gian lận thuế.

Hiện nay, đa phần các doanh nghiệp hoạt động đều đã có tài khoản ngân hàng tuy nhiên vẫn cần triển khai công tác tuyên truyền lợi ích của hình thức thanh toán qua ngân hàng và để nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống thanh toán, tạo thành thói quen của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế. Về phía các ngân hàng và các cơ quan chức năng cũng cần có những biện pháp

bảo đảm an toàn cho các tài khoản của người gửi, tạo tâm lý an tâm cho người sử dụng, cũng như có những công cụ hỗ trợ, đơn giản hóa thủ tục trong quá trình thanh toán để việc thanh toán diễn ra nhanh chóng, chính xác.

3.3. Kiến nghị với các cơ quan chức năng

3.3.1. Đối với Quốc hội và Chính phủ

3.3.1.1. Hoàn thi n, cải cách kồng b h thong pháp luật, chính sách thue koi với kau tư trnc tiep nước ngoài nói chung và b nh vi n quoc te nói riêng

Để chính sách cũng như những quy trình nghiệp vụ thuế được áp dụng có hiệu quả thì cần tới sự đồng bộ của rất nhiều các loại hình văn bản khác và sự phối kết hợp trong xây dựng chính sách của các Ban ngành như văn bản Luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ y tế… Như vậy, trong thời gian tới Quốc hội với sự tham mưu của các Bộ, các ngành cần có sự nghiên cứu đồng bộ và có hướng nghiên cứu lâu dài và sát với thực tiễn tình hình phát triển kinh tế xã hội của nước ta khi ban hành các quy định trong các bộ luật và các chính sách về thuế đối với doanh nghiệp nói chung và đối với bệnh viện quốc tế nói riêng.

Mặc dù trong những năm qua, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng như các chính sách liên quan đến các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong đó có bệnh viện quốc tế đã và đang được dần thay đổi và hoàn thiện song vẫn còn những tồn tại, kẽ hở gây khó khăn trong việc thực hiện, quản lý. Vì vậy, Quốc hội và Chính phủ cần tiếp tục tiến hành sát sao, liên tục việc hoàn thiện các bộ luật, chính sách thuế đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và bệnh viện quốc tế nói riêng theo những mục tiêu sau:

Thú nhat, phải khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực liên quan đến giáo dục - y tế, phát triển các lĩnh vực này theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thú hai, phải bao quát, điều tiết được hết các khoản thu nhập trong các dịch vụ y tế. Trên cơ sở đó đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Thú ba, cần đảm bảo tính đơn giản, dễ hiểu, giúp cho bệnh viện quốc tế và cán bộ thực thi, quản lý thuế các bệnh viện quốc tế thực hiện đúng luật. Tạo điều kiện cho việc cải cách thủ tục hành chính thuế và hiện đại hóa công tác quản lý thuế. Làm cho luật thuế TNDN đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như bệnh viện quốc tế từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế và quá trình hội nhập với các nước trong khu vực, đồng thời góp phần thu hút đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực mà nhà nước đang chú trọng thu hút vốn.

Thú tư, từng bước đảm bảo tính trung lập, bình đang của chính sách thuế thông qua việc: giảm bớt các chính sách xã hội trong luật thuế, đảm bảo sự bình đang về nghĩa vụ nộp thuế giữa các thành phần kinh tế. Tăng tính thống nhất cho hệ thống chính sách thuế thông qua việc tiếp tục hệ thống hóa lại các văn bản chính sách có liên quan

3.3.1.2. Bổ sung cơ che quản lý rủi ro trong luật, chính sách quản lý thue hi n hành

Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật chính sách về thuế, Chính phủ cũng cần bổ sung cơ chế quản lý rủi ro trong pháp luật quản lý thuế hiện hành nhằm phân loại đối tượng nộp thuế, Từ đó, đưa ra biện pháp quản lý chặt chẽ đối với đối tượng nộp thuế có rủi ro cao và có biện pháp ưu tiên đối với tổ chức tuân thủ tốt pháp luật, chính sách thuế. Để phù hợp với chuẩn mực quốc tế thì cơ chế quản lý rủi ro phải có cơ sở pháp lý rõ ràng và phải được thực hiện thống nhất các nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Do vậy, chính sách thuế mới cần bổ sung các quy định sau:

Việc áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế bao gồm: thu thập thông tin, dữ liệu liên quan đến đối tượng bị quản lý thuế, xây dựng các bộ tiêu chí quản lý thuế; đề xuất, áp dụng các biện pháp quản lý thuế.

Phải áp dụng có hệ thống các quy định của pháp luật, cá quy trình nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có thể tác động đến hiệu quả,

hiệu lực quản lý thuế, làm cơ sở để cơ quan quản lý nguồn lực hợp lý, áp dụng các biện pháp quản lý hiệu quả.

3.3.2. Đối với Bộ tài chính

- Điều chỉnh thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

- Đưa ra những chính sách đồng nhất, chặt chẽ trong quá trình thực thi và quản lý thuế đối với bệnh viện quốc tế. Các văn bản ban hành cần có sự thống nhất, văn bản này bổ trợ, hỗ trợ lẫn nhau, không mâu thuẫn lẫn nhau. Đồng thời phải có sự quy định trách nhiệm rõ ràng, nhằm đảm bảo cơ chế giải quyết công việc nhịp nhàng, tránh đùn đẩy trách nhiệm, công việc cho nhau gây khó khăn cho các bệnh viện quốc tế.

- Xây dựng hệ thống chế tài có tính răn đe, đảm bảo tính nghiêm minh, quy trách nhiệm cụ thể rõ ràng cho từng trường hợp vi phạm theo nguyên tắc: "Sai khâu nào thì xử phạt ở khâu đó", xác định cụ thể trách nhiệm của người lãnh đạo trong từng trường hợp vi phạm, trách nhiệm của người xử lí.

-Tăng cường hệ thống thông tin giữa các bộ ngành liên quan như bộ tài chính, Kho bạc, cơ quan thuế, bộ y tế, hải quan,... nhằm tạo hệ thống thông tin nhất quán giữa các ban ngành giúp cho việc giải quyết các vấn đề, khiếu nại từ doanh nghiệp chịu sự quản lý về thuế được điễn ra nhanh chóng, chính xác kịp thời. Từ đó tạo sự tin tưởng vào hệ thống chính sách thuế của Việt Nam trong lòng doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong đó có các bệnh viện quốc tế.

3.3.3. Đối với Tổng cục thue và cục thue

- Kiện toàn lại bộ máy thực thi, hoàn thiện chính sách thuế,quản lý thuế theo hướng hiện đại hóa: Để hoạt động quản lý thuế có hiệu quả, thì trước hết tiên cần phải có một bộ máy quản lý thuế phù hợp. Do đó, cần chư trọng vào công tác kiện toàn bộ máy quản lý thuế theo hướng linh hoạt, gọn nhe, hoạt động có hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành, các cấp có liên quan để từng bước tạo môi trường thuận lợi cho việc cải cách hệ thống quản lý thuế thành công

- Thực hiện phân loại đối tượng nộp thuế nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý việc áp dụng chính sách thuế:

+ Như phân loại theo nhóm ngành: sản xuất hàng hóa, tài chính-ngân hàng, dịch vụ y tế, giáo dục

+ Phân loại theo vùng miền quản lý

+ Phân loại theo quy mô và phạm vi hoạt động của doanh nghiệp

- Thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại, tư vấn giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp. Thông qua đó, cơ quan thuế có thể nắm bắt tình hình hoạt động thực tế,việc áp dụng chính sách thuế của doanh nghiệp, để có những kiến nghị lên cấp trênvà sự điều chỉnh chính sách sao cho phù hợp với thực tiễn. Các cuộc đối thoại có thể dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp. Trực tiếp thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo về chính sách thuế giữa cơ quan thuế với doanh nghiệp. Gián tiếp có thể thông qua hình thức tư vấn trực tuyến, gửi thư điện tử đến cơ quan thuế những vướng mắc của doanh nghiệp…. Thông qua các đối thoại, đưa cơ quan thuế thực sự trở thành bạn đồng hành với các doanh nghiệp, tổ chức trong quá trình phát triển.

- Nâng cao hiệu quả trong công tác triển khai các văn bản pháp luật, thực hiện theo sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan cấp trên. Cơ quan thuế phải có sự nghiên cứu kỹ lưỡng các chính sách thuế, tổ chức việc áp dụng thực tiễn sao cho phù hợpvới thực tế của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo sự chỉ đạo của cấp trên.

- Đồng thời chú trọng tiếp nhận và xử lý thông tin đa chiều. Để các chính sách thuế gần với doanh nghiệp, sát với thực tiễn áp dụng thì cơ quan thuế cần sát sao, gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp hơn nữa. Thông qua các kênh để tiếp nhận thông tin, cơ quan thuế có thể nắm bắt kịp thời những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong việc thực thi chính sách thuế. Trên cơ sở đó kiến nghị để có sự điều chỉnh chính sách cho phù hợp với ngành, lĩnh vực, đưa cơ quan thuế trở thành người đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình phát triển.

Tóm tắt chương 3

Với xu thế hội nhập và phát triển đa ngành, đa lĩnh vực hiện nay, đồng thời ưu tiên phát triển các lĩnh vực xã hội hóa như y tế, giáo dục… việc hoàn thiện chính sách thuế là một tiền đề quan trọng để đưa nước ta nhanh chóng hội nhập với khu vực và trên thế giới. Việc có được hệ thống chính sách thuế phù hợp là yêu cầu nhằm thu hút đầu tư nước ngoài trên mọi lĩnh vực trong đó có y tế.

Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng áp dụng chính sách thuế tại bệnh viện Việt Pháp Hà Nội, nắm bắt được khó khăn trong việc thực thi chính sách, luận văn đã nêu ra phương hướng, đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa các chính sách thuế áp dụng cho bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là căn cứ để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về đề tài nhằm hoàn thiện hơn nữa các nội dung của chính sách thuế của nước ta.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, mặc dù doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng về số lượng và quy mô nhưng làm thế nào để các chính sách thuế đối với doanh nghiệp dễ triển khai, thực hiện và tuân thủ tốt hơn quy định của thuế đồng thời vẫn đảm bảo tối đa nguồn thu ngân sách của Nhà nước hiệu quảvừa tạo môi trường kinh doanh thông thoáng hơn cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn.

Tuy nhiên, đứng trước bước phát triển mới về kinh tế - xã hội giai đoạn hiện nay, thì công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn thể hiện một số thiếu sót, chưa phù hợp với tình hình thực tế và chưa bắt kịp được công tác quản lý thuế tiên tiến trên thế giới. Chính vì thế, việc tiếp tục tăng cường, hoàn thiện chính sách thuếlà cần thiết, không những vì đây là một khoản thu đáng kể cho NSNN, mà còn ảnh hưởng lớn tới việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và khuyến khích các doanh nghiệp tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Với mong muốn góp phần đưa ra những luận cứ để xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý thuế, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thu thuế ở Việt Nam, luận văn đã nêu khái quát các vấn đề về thuế và cơ chế quản lý thuế, về vai trò của chính sách thuế đối với các bệnh viện quốc tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn việc thực hiện chính sách thuế tại bệnh Việt Pháp Hà Nội như vậy, luận văn đánh giá những thành tựu và hạn chế đối với các chính sách thuế mà bệnh viện đã thực hiện trong giai đoạn vừa qua, từ đó, đề xuất những giải pháp, kiến nghị đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế nhằm mục tiêu xây dựng cơ chế quản lý thuế hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, các chính sách thuế chỉ là một trong những cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước, vì vậy, để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta hội nhập vào nên kinh tế khu vực và thế giới, cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa cơ chế chính sách trong quản lý thuế với các cơ chế chính sách kinh tế - tài chính và các chính sách xã hội khác.

Đây là một vấn đề không chỉ liên quan đến Bộ Tài chính mà còn cần có sự tham gia của các bộ ngành liên quan từ lĩnh vực quản lý chuyên môn ngành nghề đến luật pháp. Do đó, nghiên cứu vấn đề này cần có một cách nhìn toàn diện, kỹ lưỡng đa chiều trên các khía cạnh về phát triển y tế, thương mại và tăng cường hợp tác quốc tế và hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

Với ý nghĩa nêu trên có thể nói việc chọn đề tài **"**Hoàn thiện chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế từ thực tiễn tại Bệnh viện Việt Pháp Hà Nội" là đúng đắn, là cấp thiết là phù hợp với sự quan tâm của Đảng, nhà nước và xã hội.

Để làm được điều này cần có sự phối hợp đồng bộ của rất nhiều cơ quan ban ngành, đặc biệt là sự phối hợp liên kết trong quản lý của Bộ Tài chính, Bộ y tế, Bộ kế hoạch đầu tư...

Tuy nhiên, trong thời gian nghiên cứu còn hạn hep, phạm vi nghiên cứu cục bộ, kinh nghiệm cá nhân còn hạn chế, do đó luận văn còn tồn tại những hạn chế nhất định: chưa có cái nhìn tổng thể về chính sách thuế đối với bệnh viện quốc tế trên phạm vi vĩ mô và không gian rộng hơn.Vì thế, luận văn còn thiếu tính hệ thống về giải pháp và kiến nghị.

Vì vậy, cần có sự quan tâm và đóng góp hơn nữa để đề tài thực sự có chất lượng chuyên sâu, nâng cao tính thực tiễn và hoàn thiện những kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện các chính sách thuế trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2010), Kế hoạch thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế từ 2010 đến 2020, Tài liệu nội bộ Tổng cục Thuế, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2010) Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/04/2010 về việc Hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết, Hà Nội
3. Nguyễn Thị Mỹ Dung (2014)" *Quản lý nhà nước ve thue thu nhập doanh nghi p koi với doanh nghi p có von kau tư trnc tiep nước ngoài tại Cục thue Hà N i* ", Luận văn thạc sĩ Quản lý công, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội
4. Luật số 26/2012/QH13
5. Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của thuế thu nhập DN ban hành ngày 19/06/2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
6. Luật số71/2014/QH13 sửa đổi bổ sung Luật thuế GTGT áp dụng từ ky thuế 1/1/2015.
7. Thông tư số 42/2003/TT-BTC Thuế môn bài
8. Nghị định số 75/2002/NĐ-CP, Thuế môn bài
9. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
10. Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ
11. Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
12. Quốc hội, XIII (2014), Luật đầu tư, Hà Nội
13. Quốc hội, XI (2006), Luật quản lý thuế, Hà Nội
14. Quốc hội, XII (2007), Luật thuế thu nhập cá nhân, Hà Nội
15. Quốc hội, XII (2008), Luật số 14- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Hà Nội

16. Quốc hội, XII (2008), Luật thuế giá trị gia tăng, Hà Nội ngày 03/06/2008
17. Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
18. Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính.
19. Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
20. Thông tư 92/TT-BTC. ngày 15 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
21. Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn thi hành nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.
22. Thông tư Số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn thi hành nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ
23. Thông tư số:103/2014/TT- BTC-Hướng dẫn thực hiện thuế nhà thầu.
24. Tổng cục thuế (2011), Chuyên đề chiến lược cải cách hệ thống thuế 2011-2020, Hà Nội.
25. Tổng cục thuế (2011), Kiến thức về hệ thống thuế hiện hành, Nxb. Tài chính, Hà Nội.